

TÔ HOÀI

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN

Chiếc áo xường xám màu hoa đào



... Sừng sững một tòa ngôn ngữ chân chất, tinh diệp...

(Thay lời giới thiệu)

Trong tập tùy bút *Thăm thăm bóng người* của Đỗ Chu, Nguyễn Tuân, Tô Hoài được tác giả giới thiệu bằng cảm hứng và lời văn trác tuyệt. Trong thăm thăm bóng người có bóng ta. Có thăm thăm bóng Nguyễn Tuân trong những kiệt tác ông để lại cho đời. Tô Hoài còn đây, “*đứng chống đòn gánh, dưới chân là hai quang sách nặng*”, bóng của hàng triệu độc giả hòa vào bóng Tô Hoài trong những tác phẩm bất hủ của ông. Trước “cốt kiêu” và uy bút lực của hai ông, Đỗ Chu - lần đầu tiên tôi thấy - ... đứng khép nép.

Tôi đã có lần khép nép trước một tác phẩm của Tô Hoài, đó là *Chuyện đầm sen Đền Đồng Cổ* in trong tập truyện ngắn này. Sau *Giăng thế*, đây là kiệt tác thứ hai của Tô Hoài. (*Dế mèn phiêu lưu ký* đương nhiên là một tác phẩm bất hủ, nhưng ý tôi nên xếp sang một chiều khác). Trong *Chuyện đầm sen Đền Đồng Cổ*, hơi thở hùng tráng của lịch sử vừa kín đáo, vừa mãnh liệt chạm vào tình cảm sâu lắng nhất của bất kỳ độc giả người Việt nào. Ta gặp lại đam mê của Tô Hoài quan sát những lễ tục dân gian và sự am hiểu tinh tường những tập quán ngành nghề, sinh hoạt mà tác giả miêu tả.

Cảnh đám rước kiệu “bà” quay tròn:

“*Kiệu bát cống quay tròn, bây giờ mới thật như chiếc hoa giữa đám hội, vừa bay vừa cong cánh nở. Lòng hân hoan mong đợi của cả ngàn người xem hội cứ thế bông bột mãi lên. Hai mươi bốn trai kiệu, nghe tiếng trống khẩu, một lượt quỳ như hai mươi bốn thót voi rồi từ từ bò qua gò, vai kiệu vẫn phẳng lỳ như tường đứng.*” (tr. 146)

Mùa vụ cây dó (làm bột giấy):

“*Cạn kỳ dó chính tuyết, vừa cuối thu. Lăn sang vụ dó Một Chạp đến tháng Giêng là “đầu giao”. Một Chạp hay “đầu giao”, áo dó mới lột, quệt sương hay mưa đều ố nước, mắt công phơi nhiều nắng mới bó được. Nhưng vừa xong cái vất vả rừng này lại phải lặn lội sang rừng khác, đã vào vụ dó chiêm. Dó chiêm tiếp dó đuôi tháng, quanh lại vừa trở lại chính tuyết.*” (tr. 163)

Đúng là Tô Hoài. Chỉ có thể là Tô Hoài.

Nhưng cái mà tôi kính nể là đọc tác phẩm này tôi như đứng trước sừng sững một tòa ngôn ngữ chân chất và tinh diệp. “Trong ngọc” nhất trong tòa ngôn ngữ này là những câu văn thuộc loại “văn xuôi thơ” sáng giá của văn chương Việt Nam hiện đại. Đây là những câu văn tả tình cảnh một người con gái ngồi trên thuyền ngược sông đi lấy chồng giàu mạn ngược:

“*Những lời hò vui mà thăm thiết:*

Ra khoang... em bước... qua cầu...

Bến vui em đến...

Trên mũi bông lông lánh một trời sao. Con thuyền đêm nao cũng đi qua một trời sao ấy. Dù cho con người có cạn nước mắt rồi cũng muốn hy vọng, như người chèo thuyền mong đến bến...

Một đêm, Hạ ra khoang sau. Hạ ngồi một lúc thật lâu. Bốn bề lặng ngắt. Những ngôi sao long lanh nhỏ lả chĩa những giọt nước mắt xuống thế gian...” (tr. 162)

Một lần Hội nghị nhà văn trẻ, nghe giới thiệu nhà văn Tô Hoài lên phát biểu ý kiến, cả hội trường im phăng phắc. Trái với sự chờ đợi của mọi người, nhà văn lão thành lên diễn đàn chỉ để nói với các nhà văn trẻ một câu: “... *chừng nào chưa phân biệt được “mởm” và “miệng” thì đừng có cầm bút...*”. Tôi thiết nghĩ các bạn trẻ háo hức viết văn nên tìm đọc *Chuyện đêm sen Đền Đồng Cổ*, đọc xong mà nhận ra được vốn ngôn từ của mình sao mà nó nghèo nàn, thậm hại, xô bỏ đến thế thì dù có tiến hay thoái cũng là một sự thức nhận hết sức có ích.

Thăm thẳm bóng người trong tập truyện ngắn này:

Bóng cô Cúc, “một sinh viên người Huế đẹp tuyệt trần” được nhà văn Tô Hoài trao cho bản thảo cuốn tiểu thuyết *Đêm mưa* “một chiều đông rét mướt” năm 1946 và tòa nhà lưu niệm “tiêu điều, âm đạm” của bà Diễm (cô Cúc năm xưa, nay đã trở thành nhà điêu khắc nổi tiếng Diễm Phùng Thị),... “*trong những tủ kính trang nhã, phủ bụi mấy bức khắc tự họa của nhà điêu khắc*”. (Hồi ký *Tiểu thuyết đêm mưa*)

Một người đàn bà “cả đời chỉ đi bói chèo ước mong tái hợp” vì chồng đi “đất đỏ Sài Gòn” mãi không trở về. (*Cô đào Thương*)

Bà Tú dờ diên dờ đại lúc hấp hối phải gặp được người tình năm xưa mới yên tâm nhắm mắt. (*Tình buồn*)

Có một loạt truyện giúp độc giả hình dung được đầy đủ hơn trí tưởng tượng kỳ thú và hóm hỉnh của tác giả *Dế mèn phiêu lưu ký*: *Đôi ri đá*, *Con gà trống ri*, *Truyện gã chuột bạch*, *Một cuộc bể dâu*, *Mụ gan...*

Trong những truyện về các dân tộc miền núi mà tiêu biểu là truyện *Vợ chồng A Phủ*, còn gì giản dị và sâu sắc hơn tinh thần cứu đất cứu người nảy sinh trong tâm khảm và gắn với cuộc đời của các nhân vật.

“ ... Nhấn nhớ lại cả cái đời thảm của mẹ và của mình. Nhấn muốn khóc.

Giữa khi ấy thì tiếng chim kỳ lạnh lạnh như tiếng kèn giục phượng sẵn. Nhấn không khóc được. Nhưng từ đây, trong đời chiến đấu của người bộ đội, mỗi khi nghe trên cánh rừng, đầu rừng nào có tiếng chim kỳ kêu, Nhấn tưởng hồn mẹ và hồn em đi đâu cũng đuổi theo Nhấn .” (*Cứu đất cứu người*)

Tập *Chuyện để quên* có những truyện rất “quý”, làm sống lại không khí hồ hởi hồn nhiên của những năm đầu kháng chiến, những đoàn dân công, bộ đội, cán bộ đi công tác...

Truyện - ký *Khiêng máy* là một tác phẩm xuất sắc. Tiêu biểu là cảnh đám công nhân nhà in báo “*Cứu quốc Việt Bắc*” khiêng máy nghỉ lại ở lán.

“... Cứ tối đến, các lán sàn trên, sàn dưới, hai tầng ghép lại bằng ống vầu tươi, người nằm người ngồi ngổn ngang. Một ngày cắt lực khiêng máy, vác giấy, tải gạo, tải muối... Tương như mỗi khi ngã lưng xuống thì thiếp đi đến chết. Tiếng moóc-chi-ê ình oàng vào sương đêm, không biết từ phía nào. Nhưng chẳng ai có thể chớp mắt. Từ chập tối đến khuya, người nằm cứ rào rào kháo đủ các thứ chuyện. Chẳng chuyện nào vào chuyện nào, nhưng thú vị, hà hề. Họ đồ nhau ăn uống cái gì ngon nhất, rồi lấy quần áo ra đổi chác. Quanh quẩn chỉ vài cái cứ đổi đi đổi lại lẫn lộn, như bọn đánh bạc. Lúc thì ồn ào như đương chè chén ở hiệu cao lầu. Lúc thì tranh nhau giá cả, bốt xén như ở nhà cầm đồ Vạn Bảo. Lúc lại bắt chước vợ chồng ôn ền, nũng nịu. Rồi hát tuồng, gẩy đàn môm, mãi khuya mới ngót “cuộc vui”...” (Khiêng máy)

Có những truyện nói về cuộc sống cơ cực của người dân trong vùng bị chiếm đóng.

“Hòn khoác thùng kéo cày vào người, lúc đổi vai, lúc thắt ngang bụng. Cái cánh tay cụt giờ lên, cóng rết, bị nếp thùng kéo thít xuống. Có hôm chỗ đau lại bật máu ra, chảy thấm xuống tận nách áo. Nhưng Hòn vẫn cắn răng, lụi. Hòn chỉ còn sức dựa vào cái thùng, lạch đi. Trên cánh đồng này biết bao nhiêu người bì bõm cày bừa, cày hái quanh năm như thế, cho đến lúc phía tỉnh gầm gừ tiếng xe, trời tăng sáng, các đồn bắt dọc đường sắp xua nhà phật và lính tráng vác gậy đi dò mìn, thì những người làm đồng kiệt sức mới lực được về làng.” (Người mất trí)

Trong một thời gian khá dài (hơn bốn năm), tôi tham gia làm đề tài nghiên cứu khoa học do anh Tô Hoài chủ trì. Thời gian đầu, một tháng họp một lần. Công việc tiến triển hơi chậm, anh Tô Hoài quyết định một tuần họp một lần. Tôi nghĩ bụng đến tuần thứ ba không biết còn chuyện gì để mà bàn, có khi phải hai, ba châu bìa mới hết buổi. Nhưng không phải như vậy. Tô Hoài là một kho chuyện vô tận, có khi một nghìn lẻ một buổi họp vẫn chưa hết chuyện, không riêng gì chuyện văn hóa, văn nghệ, hình như chuyện gì anh cũng biết, chuyện nào anh cũng nhớ vài ba chi tiết đặc sắc, rất quan trọng. Không riêng gì những thời kỳ gần đây, mà những chuyện thời Tự lực văn đoàn và Thơ mới, thời Đề cương văn hóa và Văn hóa cứu quốc, những năm đầu kháng chiến... anh Tô Hoài vẫn nhớ và nhớ tường tận. Những chuyện anh hồi tưởng và kể lại bao giờ cũng hấp dẫn. Anh rất quan tâm đến sự chính xác: tên người, địa danh, niên đại, những sự kiện lịch sử và những chi tiết của đời sống thực tại. Tô Hoài hay nhận xét về những chỗ sai, không chính xác trong các bài báo, bài văn và công trình nghiên cứu anh đọc nhưng tôi chưa thấy ai nêu những điều không chính xác trong những trang viết của anh. Duy có một lần Nguyễn Nguyên, một ký giả lão thành ở Sài Gòn nói với tôi: “Trong bút ký, hồi ký của Tô Hoài có những chi tiết thần tình, phải là một người sành ăn thì miếng thịt chó ngon mới gọi là “đậm và phải chẳng cái miếng thịt”. Chi tiết là trong một bài viết về “xóc đĩa” đăng trên *Kiến thức ngày nay* hồi năm trước có những chi tiết sai, tôi có cảm tưởng là Tô Hoài chưa từng bước chân vào sòng xóc đĩa.”

Nghe anh Tô Hoài hồi ức về “những năm tháng, con người và cuộc đời”, tôi hình dung một lịch sử văn hóa, văn nghệ khác, không giống như những điều được trình bày trong những bộ sử đã

công bố, nó phong phú hơn, sống động hơn, chứa chất kịch tính, xem ra thâm hơn, mà cũng lớn lao hơn. Cuối cùng thì tôi thông, họp tuần một lần không phải là nhiều vì đề tài nghiên cứu của chúng tôi có liên quan mật thiết đến lịch sử văn hóa. Những chuyện anh Tô Hoài hồi tưởng và kể lại thiên về giải ảo hơn là ảo hóa những người thật, việc thật. Cách nhìn giải ảo thường là một nhân tố tiến bộ trong văn hóa, nhất là khi người giải ảo có ý thức đặt sự thật cao hơn những ước lệ và cảm ky. Tô Hoài quá hiểu lịch sử và lịch sử xem ra cũng nể ngòi bút hồi ký của ông. Tô Hoài không chỉ là một nhà tiểu thuyết phong tục có hạng, tác giả *Cát bụi chân ai* còn là một tác gia hồi ký bậc thầy, và chẳng những truyện hay của Tô Hoài thường là mang tính chất hồi ký: *Giăng thề* (1943), *Mười năm* (1957), *Tự truyện* (1978), *Ba người khác ...* Anh Tô Hoài không thích nói chuyện sách vở nhưng khi nói chuyện đụng đến những công trình nghiên cứu thì thấy anh có đọc và đọc khá nhiều. Tôi vẫn cho rằng khổ công đọc sách là một biểu hiện đáng tin cậy của sự khiêm tốn, có thể giả vờ khiêm tốn trong ứng xử nhưng đọc sách thì không giả vờ được. Trong một chuyến thầy trò trường viết văn Nguyễn Du hành hương về Tiên Điền, Nghi Xuân thăm quê hương đại thi hào có nhà văn Tô Hoài, chủ tịch đầu tiên và cuối cùng Hội đồng giáo dục Trường Nguyễn Du cùng đi. Trong buổi lễ viếng mộ, mọi người nín lặng khi nhà văn Tô Hoài bước ra đứng trước mộ. Ông thấp nhang, rưới rượu lên mộ rồi ông rót rượu vào cái chén ông cầm trên tay và uống cạn chén rượu trước mộ Nguyễn Du và trước mặt mọi người. Tôi nghe tiếng mấy sinh viên viết văn thì thào: “Tô Hoài tranh thủ uống rượu”, “Tô Hoài cũng ngang đây chứ”... Tôi nghĩ đến hai câu thơ chữ Hán trong bài thơ *Đối tiều* của Nguyễn Du:

Sinh tiền bất tận tam bôi tửu

Tử hậu thùy kiều mộ thượng bôi.

Diễn nghĩa:

Lúc sống không uống cạn hồ rượu

Chết rồi ai rưới rượu trên mộ cho?

Làm đề tài nghiên cứu khoa học, về bất kỳ vấn đề nào anh Tô Hoài cũng có chủ kiến riêng. Về vấn đề tranh luận: làm thơ bằng ý hay bằng chữ? Ý kiến của Tô Hoài: làm thơ bằng chữ nhưng vấn đề là người làm thơ *sống những chữ* của mình như thế nào? Tôi thấy nói như vậy cũng là rõ và đủ. Đề tài của chúng tôi được phân thành nhiều vấn đề. Giải quyết mỗi vấn đề, trong nhóm đề tài (có Ngọc Trai, Vương Trí Nhàn và tôi) mỗi người viết bài, sau đó anh Tô Hoài tổng kết. Tôi nghiệm thấy trong bài tổng kết, anh Tô Hoài hầu như chỉ trình bày những chủ kiến riêng của anh. Mặt khác, anh Tô Hoài không bao giờ có ý định đưa ra những ý kiến hướng dẫn, dù là dưới hình thức góp ý, gợi ý nhẹ nhàng. Riêng tôi thấy cách làm việc như vậy hết sức dễ chịu. Có một buổi sinh hoạt nhóm tôi trình bày những ý kiến của tôi về văn hóa làng. Sang buổi sau anh Tô Hoài đưa tôi cuốn sách của Nguyễn Hồng Phong về Công xã nông thôn và hỏi: “Hiền đã đọc cuốn này chưa?”. Quả nhiên tôi chưa đọc cuốn này và đây là một tài liệu quý đối với đề tài của tôi, không có nó nội dung bài viết của tôi sẽ kém phần “chắc thiết” nhiều. Trên đời có một loại ân nhân rất đáng quý nhưng lại ít được chú ý, đó là những người biết ta đương cần đọc cuốn sách gì và đưa cho ta một cách hồn nhiên đúng cuốn sách ấy. Trong các bạn đồng nghiệp ở trong nước, loại ân nhân này rất hiếm. Trong những bạn đồng nghiệp Pháp, Mỹ và Việt kiều dễ gặp hơn những người sẵn sàng chia sẻ

sách và tư liệu với mình. Không có những cuốn sách mà Dan Duffy, Neil Jameison, François Jullien, Nguyễn Bá Chung (Mỹ), Nguyễn Ngọc Giao (Pháp)... cho tôi, những công trình biên khảo của tôi sẽ khó khăn hơn rất nhiều.

Những ý kiến riêng của anh Tô Hoài đôi khi rất bất ngờ. Trong một cuộc hội thảo, có một diễn giả nói rất mạnh về sự thiếu khiêm tốn trong giới trí thức. Đây là một định kiến phổ biến và tôi cũng nghĩ như vậy. Giờ nghỉ, anh Tô Hoài nói với tôi: “Lạ thật, cứ nói đến trí thức là nhấn mạnh vào bệnh không khiêm tốn, tất cả những người trí thức tôi biết đều hết sức khiêm tốn, không khiêm tốn làm sao có trí thức được?” Tôi thấy anh Tô Hoài có lý. Thiện cảm và ác cảm ở anh Tô Hoài cũng rất riêng. Có một người bạn văn anh Tô Hoài quen đã hơn bốn chục năm nhưng chưa lần nào anh đến chơi nhà, anh giải thích: “Giả dụ hôm nay tôi mời ông ấy ăn phở, y như rằng ngày hôm sau ông ta mời bằng được trả lại ngay, những người như vậy tôi thấy rất khó giao thiệp”.

Hoàng Ngọc Hiến

Đồng chí Hùng Vương

Tư hấp tấp chạy sang nhà chủ nhiệm Việt Minh Nông Văn Páo. Vào một xóm lúa thừa mấy búi mai. Đồng chí Tư qua dưới nhà đồng chí Hùng Vương [\[1\]](#), nghe tiếng trang thóc rào rào trên sân sà, Tư ngừng đầu gọi to:

- Kìa Hùng Vương!

Hùng Vương ngừng tay trang thóc, nhìn xuống. Hùng Vương, người nhể nhại mồ hôi dưới ánh nắng hanh. Đôi vai trần và tảng ngực gồ lên trong múi thịt tròn, đỏ bóng. Hùng Vương lặng lẽ nhìn xuống, như nghĩ ngợi mà chưa tìm ra được một câu gì để nói. Đó là một cái thói quen trầm lặng chậm chạp vốn có.

Tư rửa chân, lên nhà. Hùng Vương ngồi xuống sân và hỏi:

- Mới ở đâu về đấy?

Tư sốt ruột, hỏi lại:

- Đồng chí biết Pháp tấn công lên chợ Phủ chưa?

- Biết.

- Chợ Phủ có kịp phá hoại không?

- Phá hết rồi.

- Bây giờ từ chợ Phủ lên và trong toàn châu chuẩn bị như thế nào?

- Đương chuẩn bị cả.

Hùng Vương vòng tay lên đầu gối, ngược mắt lên nghe cán bộ Tư hỏi từng việc: Phá châu, phá đường cái chưa? Canh gác làm sao? Còn quân dân? Kế hoạch đối phó với tình thế mới cho các ban Việt Minh xã? Châu bộ khai hội chưa? Mỗi câu Tư hỏi, Hùng Vương lại hươ một tay qua đầu, trả lời:

- Không sợ. Chúng nó không thể làm gì được ta đâu.

- Đồng chí phải về châu ngay, triệu tập châu bộ thảo luận mấy ý kiến tôi đã đưa ra. Nhất là công tác phá hoại, phá đường, phá ngay không có không kịp.

- Thế thì tốt đấy. Tôi đi ngay được.

Hùng Vương gọi con đến. Thằng bé mắt đen láy, mới độ mười hai, mười ba tuổi. Cũng cời trần

và ngực cũng dô ra như bố. Hùng Vương dặn nó đồ nốt thóc ra sân phơi. Hùng Vương lấy cái áo sơ mi trắng cột tay, mặc quần soóc vàng. Hùng Vương đội mũ trắng. Cái xác cốt da bò quàng vào sườn bên vai trái. Con dao găm cắm trong bao da đeo sườn bên phải, cạnh túi quần sau. Hùng Vương bước xuống cầu thang thông thả, chắc chắn.

Hùng Vương rẽ sang đường cái lớn đi lên châu.

Năm năm trước, cán bộ Đức Xuân về khai hội bí mật, đặt bí danh cho các tiểu tổ nông dân, cũng bắt đầu từ ấy, Hứa Văn Nào có tên bí mật là đồng chí Hùng Vương do Đức Xuân đặt cho. Đức Xuân nói: “Hùng Vương là tên ông tổ sinh ra các họ nước ta. Đặt bí danh thế cho suốt đời ta nhớ được tên ông tổ”. Đức Xuân ở đây rồi về sau trúng kế của thằng phản động cai Mói, bị giết ở Hạ Vi, sau đó thì tiếng đồn cách mệnh đã về ở núi Cứu Quốc [2] nhiều lắm, thôi thì bọn châu Hồ, châu Quận, cai Mói ra sức lục lợi khắp các triền núi. Người ở các bản xung quanh bỏ hết rẫy ruộng, ngày đêm phải khôn khổ đi tuần phòng, mò thám. Các làng Mán bị dồn xuống ở cả dưới chân núi. Chúng sợ các làng Mán nuôi cách mệnh ở trên núi. Nhưng cách mệnh vẫn ở trên núi được. Cho đến một hôm giữa năm 1941, có cuộc khủng bố to, tất cả dân các bản phía núi Tây Bắc, từ trẻ con, đàn bà đến người già mắt còn sáng, mỗi người phải đem dao đi mò các hang, các khe, các hốc đá từ dưới chân thung lũng lên tới đỉnh ngọn Píc Cáy. Hùng Vương và đồng chí Lâm Tuấn đã tìm cách vượt vây, từ đây Hùng Vương bỏ vùng quê, bỏ nhà, thoát ly đi công tác bí mật. Đến khi đảo chính Nhật, bộ đội về giải phóng xã, làm chủ nhiệm Việt Minh xã. Sau tổng khởi nghĩa, Hùng Vương lên làm cán bộ Mặt Trận của châu.

Pháp đã lên tới chợ Phú rồi. Các xóm bắt đầu làm vườn không nhà trồng, lại như những năm chạy Nhật trước. Bà già, trẻ con đeo túi quần áo, chăn, màn, xanh, khiêng nồi, chảo tốt vào ở kín trong ngọn suối. Tùng bu gà, bu vịt, gánh lợn cũng kiu kịt. Làng xóm đi lạng lẽ, lạnh lẽo và bí mật. Nhưng ngoài đồng, tiếng đập lúa thành thịch vẫn đều đều. Những đệp thóc gặt rồi phơi vàng rươi trên các mòm đá dọc bờ suối.

Từ ra ruộng tìm, thấy Páo đương gặt. Từ bàn với Páo: “Ta bàn với Việt Minh xã, với Ủy Ban về khai hội. Tình hình nóng lắm rồi”.

Páo lên bờ ruộng nói:

- Việt Minh cả xã, chúng nó cũng sẽ thất bại thôi, đồng chí ạ.
- Thất bại là thế nào?
- Anh em bận gặt, phải gặt nhanh.
- Thế thì tối nay khai hội ban làng vậy.

Páo gặt đầu, lại bước xuống ruộng. Xung quanh cánh đồng người lạng lẽ, bình thản khuôn từng bu gà, bu vịt, dồn lợn vào lán. Người vẫn tấp nập đập lúa, thân nhiên như chưa biết Pháp đã tới chợ Phú.

Cuộc khai hội ban làng tối hôm ấy lại có cả chủ tịch kháng chiến và nhiều tổ trưởng các giới cứu quốc đến tham gia. Mười hai người ngồi vòng trước bếp lửa trước nhà. Chủ nhiệm Việt Minh Nông Văn Páo kê một mảnh giấy bên cạnh đồng củi bập bùng cháy, viết chương trình khai hội. Anh ngẫm nghĩ, đôi lông mày dúm lại. Anh cúi xuống viết, rồi giơ giấy lên đọc: “Thưa các đồng chí, chương trình khai hội hôm nay có: lý do, bầu chủ tịch, thư ký, thảo luận công tác canh gác, giao thông, du kích, tiếp tế, công tác phá hoại, làm mất tinh giải thích cho xóm biết cách đề phòng Tây.”

Bắt đầu, bàn việc canh gác... Họp đến khuya mới xong. Mọi người chuyển nhau cái điều cày, bàn tán về thuốc Lào mấy hôm nay đắt giá. Tám mươi đồng một bánh mà không có người bán. Chuyện khuya rồi mọi người ngủ ngay trên mặt sàn bếp lửa.

Hôm sau, Tư ra hỏi kết quả khai hội. Hai dân quân đã vác súng kíp ngồi giữa đình rồi. Buổi tối, Tư lại đến nhà Páo. Bỗng nghe có tiếng súng xa ầm ỉ. Trời tối, Tư, Páo và Eng, em trai Páo, ra đứng ngoài sân ngẩng đầu lên. Tiếng ầm ỉ từ ngoài chợ Phủ đưa lại. Thấy xa xa phía ngoài đường lặn lên một vạch sáng. Cách một quãng lại nổi từng hàng ánh sáng trắng như một dải vải mới. Páo vào nhà, rút hơi thuốc, lại ra đứng, vừa thở khói, vừa hỏi:

- Ô tô của ta hay của nó, đồng chí Tư?

Tư khẽ đáp:

- Ta không có ô tô. Mà nhiều thế kia. Ô tô của nó rồi.

- Một cái, hai cái, ba cái, bốn cái, năm cái...

Đoàn xe ấy chạy, lặn sáng cứ tuôn mãi ra. Sáu cái, bảy cái, tám cái... Sương lạnh phủ vào mặt Tư đương nóng bừng.

Tiếng Páo nói:

- Ngày trước ô tô của Nhật nó cũng đi cả đêm thế này. Nó còn chạy bộ từng mấy trăm thăng nữa. Lúc nào bị ta phục kích thì nó nằm im hết. Thăng Nhật gan lắm. Nó ném một quả lựu đạn khói, mà mẹ nó, nó đã đứng vào khói và lưỡi lê trước mặt ta rồi.

- Mười bốn cái, mười lăm cái...

- Thăng Pháp này chắc là dốt lắm. Cái năm mà Việt Minh xuống lập ban châu, quân cách mạng ta bảo nó cùng bắn thăng Việt gian châu quận, nó không dám bắn. Đến lúc ta bắn thì cả lũ lính, cả thăng đồn Tây Đờ-đông, Tây chủ mỏ cũng tái mét mặt. Pháp, thì như con cua. Thế là Tây hàng cách mạng hết rồi.

Câu nói ấy của Páo làm cho Tư vừa bực mình, vừa buồn cười. Nhưng sự ung dung lạ lùng ấy thực tình khi cướp chính quyền tỉnh cũng làm cho Tư bình tĩnh trở lại từ lúc nhìn đoàn xe Pháp chạy qua núi.

* *

Từ sau hôm đấy, ngày nào cũng có ô tô Pháp vù vù chạy ngoài đường cái. Dân làng đã vào các lán. Trâu bò đuối hết lên rừng rồi. Có một lần mười lính Pháp mò vào làng. Nhưng không lấy được gì. Chúng nó đốt hai cái nhà.

Thế rồi một tháng qua. Pháp không thể xuyên chéo qua được tỉnh Bắc Cạn, chúng phải kéo về chợ Phủ, bỏ vị trí huyện Chợ Rã.

Ở Pá Pầu về, Tư đương lợi suối, nom xa thấy đồng chí Hùng Vương. Xác cốt da vẫn quàng cạnh sườn. Bao dao găm thò một tí đầu mẩu dưới thân áo sau lưng.

Hùng Vương đến bắt tay Tư, rồi nói:

- Tôi xin báo tin: Pháp đã rút khỏi châu Chợ Rã. Đồng chí đã biết chưa?

- Biết rồi.

- Mời đồng chí về nhà tôi. Tôi có vấn đề muốn thảo luận.

Cái máng nước nhà Hùng Vương lại lách rách chảy xuống chiếc bồn gỗ đầu thang. Trong nhà, bếp chưa đặt kiềng, bên buồng còn ngổn ngang ba, bốn túi đựng quần áo mới mang ở lán về. Thằng bé con Hùng Vương cời trần, đắp chăn, đương ngủ ngon.

- Ta chưa nên cho người già, trẻ con và đem quần áo về nhà vội.

Hùng Vương cười, tìm chổi quét sàn, nói: “Tôi cũng chú quan một tí đấy”.

Tư hỏi:

- Có việc gì thảo luận với tôi?

- Tôi có nhiều danh từ muốn hỏi đồng chí (Hùng Vương lấy sổ tay, bút máy trong xác cốt), nhiều chữ mới lắm. “Lễ Nô-en”, “Nhân dân giải phóng quân Trung Hoa”, “tài phiệt Mỹ”, “kế hoạch Cờ-lô Cờ-lô”, “hội tề”. Từ hôm chị Bắc đi về khu, tôi có nhiều danh từ lắm mà không hỏi được ai.

Tiếng đại bác phía chợ Phủ vẫn dội lại. Nhưng, như không nghe tiếng, hai người vẫn ngồi, người nói, người ghi cảm cú.

*

* *

Rồi có đến mấy tháng, lâu không gặp Hùng Vương. Nhưng thỉnh thoảng Tư vẫn nhận được thư của Hùng Vương gửi về hỏi chữ. Biết Hùng Vương bận công tác ở xã mà vẫn chịu khó đọc chữ. Tư đọc thư, lần nào cũng trả lời ngay.

Thình thoảng, đi qua nhà Hùng Vương, gặp thằng bé con, Tư hỏi:

- Cá (bố) có về không?

Nó đáp:

- Cá không về.

Một hôm, em bé đến tìm Tư, bảo:

- Cá đã về đấy. Cá bảo đồng chí ra chơi ăn cơm ngay.

Nhưng Tư bảo nó về trước. Tư đã thuộc cái tính rên rờ của mọi người ở đây. Quả nhiên, một lúc sau, Tư ra thấy mới chỉ có một mình bố Hùng Vương ở nhà. Ông ké nói:

- Hùng Vương còn đi đắp bờ ruộng.

Ngồi đợi một lúc mới thấy Hùng Vương lững thững về, quần xoe lên tận bẹn. Vai vác cái mai đắp bờ. Chiếc xác cốt đựng tài liệu vẫn quàng bên trái sườn. Con dao găm cắm trong bao da đeo bên phải. Vợ Hùng Vương cũng vác mai, tay xách thêm giỏ ốc. Tư ra cầu thang, vừa cười vừa nói:

- Đi làm ruộng mà cũng đeo xác cốt à?

- Quân sự hóa, đồng chí ạ. Bao nhiêu năm nay thế, nó thành tính rồi.

Vợ Hùng Vương nấu nồi canh ốc cả vỏ. Con bé chạy vào lán trong rừng lấy thêm bát. Trong khi ấy Hùng Vương cầm cái kéo ra sân sàp cạo đầu cho thằng con giai. Tiếng kéo kêu tách tách, Hùng Vương nói:

- Sang năm nay thằng này nó nhớn một tý, tôi cho nó đi theo đồng chí. Cho nó học tập, nó tiến bộ, về sau hơn tôi nhiều.

Một lát sau, vào mâm cơm, Hùng Vương mới thông thả nói:

- Đoàn thể vừa đổi tôi lên công tác trên Ngân Sơn, đồng chí ạ.

- Đi Ngân Sơn à? Bao giờ đi?

- Mai tôi cùng đi với Páo. Páo cũng công tác trên Ngân Sơn.

Ngân Sơn. Hai tháng nay Pháp chiếm Ngân Sơn, phá châu Ngân Sơn rất dữ, rất hại. Châu Ngân Sơn, toàn rừng thưa, núi đá, đồi trọc san sát liền nhau như bát úp, người đi đêm lúc nào cũng trông thấy bóng. Tây lên, làng không có chỗ làm lán bí mật, phải chạy sang các châu khác. Cán bộ thì cứ ngày nằm trong rừng, đêm về gặp dân. Ngân Sơn, đất bị khủng bố, đất đau thương. Cán bộ Hoàng, người Mán năm trước đã chết ở đây. Cả cán bộ thượng cấp, đồng chí Mã Gầy [\[3\]](#), cũng đã ngã xuống hy sinh ở Ngân Sơn. Trong vòng hai tháng nay, nhiều cán bộ đã hy sinh ở Ngân

Son.

Hùng Vương nói:

- Tôi lên công tác Ngân Sơn, không gặp được anh Tư cũng là thiệt cho tôi, không học thêm được chữ mới.

Ăn xong, ông ké say rượu vào nằm trong phản nói mê một lúc rồi ngủ. Ba bố con Hùng Vương và Tư ngồi chơi trước sân sán.

Hùng Vương dạy các con học hát. Hai đứa bé ngồi xếp bằng trước mặt bố.

Trăng tròn mười đã lên đứng trên đầu núi trong leo lẻo. Tiếng hai đứa trẻ thánh thót hát theo bố.

- Mai Hùng Vương đi lúc nào?

- Hùng Vương bữa sáng xong rồi mới đi. Lên Ngân Sơn phải đi đêm mà.

Sáng hôm sau, từ sớm, Hùng Vương với vợ và thằng bé đã ra ruộng. Ba con trâu, ba cái bừa rặng gỗ, ba người đi bừa lại, quần vờng vèo trên mảnh ruộng nước hẹp, như trẻ con chơi rồng rắn đuổi nhau.

Rồi mỗi lần, nghe tin giặc khùng bố Ngân Sơn, Tư lại nhớ Hùng Vương và Páo. Nghĩ đến những khi cùng nhau còn công tác ở dưới này. Không biết Hùng Vương đã trở lại Ngân Sơn chưa. Khuôn mặt vuông, chắc của Hùng Vương. Lặng lẽ, chậm nhưng bình tĩnh, bây giờ nghĩ lại, mới càng hiểu, càng nhớ.

[1] Trong kháng chiến chống Pháp ở Việt Bắc, cán bộ cơ sở hoạt động bí mật thường dùng bí danh lịch sử và cách mạng như: Hùng Vương, Trần Hưng Đạo, Hồng Quân, Liên Bang...

[2] Vùng núi kháng chiến huyện Chợ Rã bí danh là núi Cứu Quốc.

[3] Đồng chí Phùng Chí Kiên.

Tào Lường

I.

Từ Nà Lộc đến Bàn Hậu lên Pá Pầu nửa ngày leo núi. Lối đi xoai xoải dưới chân dốc lên càng cao càng dựng đứng. Qua rẫy sắn của bản Nà Lộc đến dốc rừng hạt dẻ, rừng tre rồi rừng gianh, rồi lại dốc, lại rừng tre. Bỗng Tư trông thấy một rẫy lúa chín vàng nuột bên sườn núi. Tư hơi ngạc nhiên vì đột ngột gặp được công cuộc làm ăn cấy hái ở một nơi cheo leo thế này. Rừng núi mệnh mang mà chỗ nào cũng có lối đi, lối đi chẳng chịt như mạch máu trên thân người.

Những cây hạt dẻ cao vút, quả khô, gai lủa tủa. Quả trám trắng lệt đệt rơi. Con hươu gộc dưới gốc, tiếng hươu khô như một cành củi gãy. Dưới xa, trong lòng thung lũng tiếng suối phâng phất thở dài. Trông sang phía Cao Bằng trước mặt, núi xanh, núi trắng loang lổ dán lên nhau. Tư hỏi chú giao thông:

- Sắp đến chưa?

- Còn một dốc thêm.

Rồi qua bụi sa nhân, bụi nát, mấy cây chanh, cây mận và lưa thưa cây mận tang. Lộ ra mấy cái nhà bạc phếch, lớp thanh tre như ống máng. Nhà làm theo bậc núi, mỗi cái hai gian nhỏ, cái nọ gối sau cái kia. Có ba túp nhà cả thảy, mấy con lợn thò đầu ra ngoài vách, rồi thụt vào trong. Đó là làng Pá Pầu.

Anh giao thông trèo lên cái nhà trên cùng.

Tư bước vào. Một người cời trần nằm trên một mảnh ván cạnh bếp, giữa mặt có một vết thương đương lên da non, đỏ hơn hồng gần suốt hai má. Vai, cổ, cái đùi, bụng, sườn, bắp chân, cánh tay, loét từng vết thương dài như vết quào, chém. Người ấy nói tiếng Thổ:

- Đồng chí Chân đi rẫy, muốn gọi tôi gọi về cho.

Rồi anh nói ra ngoài cửa mấy tiếng Mán. Một bà già thấp, sau lưng ngật nghẹo điệu một đứa bé, cung cúc chạy xuống dốc. Và một người mà đồng chí Tư không đoán được là đàn bà hay đàn ông, vì trên đầu có một túm tóc hoa rơi rủ dài xuống gáy, người ấy lặng lẽ thò đầu vào, Tư hỏi: “Chân đấy à?”. Anh thanh niên ôm ngồi trên tấm ván trả lời: “Không phải, đấy là Bàn Văn Minh ở nhà dưới”. Lát sau, một người mặt vuông, da mai mái, gò má hơi nhô, cằm nở bạnh nét. Cái áo chàm đã xạm xin, hai ống quần bọt hết gấu. Người vác ngang trên vai khẩu súng kíp, lưng đeo túi đạn bằng da con nhông vàng xọng.

- Đồng chí Chân đấy à?

Một giọng nói tiếng xuôi lơ lớ:

- Phải... tôi... đồng chí Chấn.

Tư nói thế để Chấn biết là Tư lên đây họp với làng Mán để tổ chức báo tin truyền làng. Nhưng Tư muốn sang núi Píc Cáy trước vì bên Píc Cáy gần đồn Tây ở chợ Phú hơn. Nghe Tư nói, Chấn gật gù đầu, đáp chuyện nhip một tiếng... “thế... thế...”

Đêm ấy, Tư ở lại Pá Pầu. Đêm trên núi cao, gió thổi rét buốt. Chấn lấy thịt gấu khô treo trên bếp nấu cho Tư ăn. Thịt con gấu chó, anh em Chấn mới bắn được hồi tháng Tám. Chính con gấu ấy đã quào nát mặt Páo, bôi thuốc đến bây giờ chưa khỏi. Páo chống gậy nhảy đến bàn cơm. Một người con gái gầy gù, chít khăn thêu đỏ, ngồi ăn cơm với mẹ trên bếp. Ăn xong, bà mẹ buộc chặt lại điệu đứa bé, bước ra cửa với cô con gái. Hai người ở dưới nhà lên, vác súng lừ đừ đi sau hai người. Tư hỏi đi đâu, Chấn bảo: “Nó lên ngủ”. Người nhà đi ngủ rừng, nhường chỗ nằm cho khách mà bàn việc vừa ăn cơm lại ngủ nữa. Đêm trên núi cao, gió thổi càng khuya càng rét.

Bảy giờ vào khoảng cuối tháng Mười. Buổi sáng, từ trong hóc núi cuối thung, mây trắng trôi cuồn cuộn bập bênh như sóng trên làng mạc và cánh đồng. Các chòm núi trên miền Cứu Quốc xanh rì và nhô lên như những cù lao chơi voi giữa bể tuyết. Chấn đã thổi cơm xong, vui nỗi xuống gio rồi xách cái nỏ lên rừng. Bà già điệu cháu, cô gái gầy gù và Minh ở trên rừng về ngồi quanh bếp. Một thoáng, Chấn đã về, xách một con chuột đuôi xù dài. Thịt chuột nướng lên bếp, rồi bỏ vào chảo.

Cơm xong, cô em gái xuống nhà dưới, cùng mọi người đi làm rẫy. Bà già điệu cháu vào rừng vác củi. Páo lấy mật gấu bôi khắp mặt các vết đau rồi ngồi lên vót tên bắn chuột. Tư và Chấn cùng nhau leo sang Píc Cáy. Trong nhà vắng tanh. Cả gà, lợn cũng đã bắt đem vào “cơ quan” trong rừng cả. Thình thoảng, một đứa bé nhà dưới ra đứng cửa cất tiếng eo éo: “Tầm lơ lơ... Tầm lơ lơ...” Nó gọi con chó...

Đến khi Tư và Chấn trở về thì đã chiều lắm, sương đã xuống lạnh hai bàn tay. Trong nhà có tiếng gõ càn cạch và tiếng rì rầm lẻ nhè. Đó là ông tào - thầy cúng - đương cúng ma cho cô Liễu, cô em gái gầy gù, em gái Chấn, độ này hay ốm.

Cúng xong, Chấn ôm vào nhà một đồng củi, đốt cháy lên ngùn ngụt. Cả làng đến chơi. Ông thầy cúng cũng ở lại đấy. Tất cả quây quanh lửa. Cả làng được chừng mười người. Họ đến để nghe Tư nói về công việc báo tin truyền làng, phòng giặc Tây thành linh tới. Bây giờ làng nào cũng phải canh gác đề phòng Tây và Việt gian hay đi mò thám. Nếu không cẩn thận mà như ngày trước hồi còn bí mật, để cho thằng giặc Nhật lên vây tận trên núi Píc Cáy thì hại cách mạng nhiều lắm, các đồng chí nhớ không? Nhiều người nói:

- Nhớ lắm! Nhớ lắm.

- Làn ấy thằng Nhật làm đau cách mạng đấy!

Người nói câu ấy là thầy cúng Triệu Văn Hương. Tư hỏi:

- Đồng chí Hương bây giờ ở đâu?

- Tôi ở Nà Lường.

- Nà Lường có bao nhiêu nhà?

- Có một nhà.

- Chỉ có một nhà?

- Trước ở Nà Lường còn có nhà tào Lường. Ông tào Lường dạy người ta biết cúng đấy. Nhà tào Lường đã nuôi nhiều cách mạng lắm. Pháp lên tìm bắt được tào Lường, đem cắt lấy đầu, đã từ bốn năm nay rồi, lại có thầy cúng lại tên là tào Lường làm thầy cúng. Húi dãi, khổ lắm, đau lắm, lúc trước thằng Nhật, thằng Pháp làm người ta khổ lắm, đau lắm.

- Lúc trước cách mạng ở Nà Lường có nhiều không?

- Lúc thì nhiều, lúc thì ít. Đồng chí Liên Bang, đồng chí Tiền Phong, đồng chí Thanh Quang, đồng chí Tư có biết các đồng chí ấy không? Vàng Kheo, Píc Cáy, Khuổi Slám đều có du kích. Cách mạng vui lắm, làm hát, dạy cho biết chữ khắp mọi người ta. Tôi đã đánh Nhật ở Phiêng Phường.

Rồi ông thầy cúng Hương thờ dài:

- Ba hôm, năm hôm, Pháp đi tuần một lần, khám nhà một lần. Người ta đi đâu nó cũng bảo đi với cách mạng, nó bắt. Dem nắm com to đi làm rẫy, nó bảo đi đem cho cách mạng, nó bắt. Nó xui người Thổ ở chợ Phủ không bán muối cho người Mán, nó bảo Mán ta ăn rồi làm cộng sản thì nó không bằng lòng, nó đem giết mất tào Lường.

Páo từ nãy ngồi yên, giờ mới nói to:

- Tao nhớ mãi cái thù mày giết tào Lường. Bao giờ tao chết thì tao mới để mày lấy mất độc lập của tao...

Tư bật cười vì lời nói chữ rất lạ mà ý nghĩa. Tư đã thấy bao nhiêu chua cay, căm thù trong lòng mọi người. Tư bỗng hiểu rằng tại sao, trong hoàn cảnh khó khăn xưa kia, các làng Mán quanh năm đói rách trên các móm núi mà vẫn cố sức giúp cách mạng. Tư bỗng hiểu tại sao hiện nay, trong vùng Chợ Rã có thổ phi Sý Lìn về quấy rối, quan đồn Pháp cho Sý Lìn đi lôi kéo, dụ dỗ mà không làng Mán nào theo, những làng Mán trung thành, nuôi cách mạng, đẻ ra cách mạng. Có những làng vùng Nguyên Bình, Ngân Sơn, Chợ Rã, Chợ Đồn, những nơi chôn rau cắt rốn của đội giải phóng quân. Pá Pầu, Píc Cáy, Vàng Kheo, Nà Lường, Nà Đông, Phiêng Phàng, Nậm Tuốc, Nà Ngòi... Những cái tên, mà đọc lên, không một chiến sĩ giải phóng quân nào trước kia đi Nam tiến đã qua châu Trung Vương (Chợ Rã) mà không biết, không thuộc, thuộc từng khe đá, gốc cây, từng cái lều canh rẫy, cái cối nước ngủ đêm.

Páo nằm trong đồng quần áo rách trên mảnh ván, lâu nhàu nói:

- Tôi khỏi đau thì tôi đi bán thằng Tây.

Chấn và Hương đã trèo lên gác bếp, chui sọt soạt trong đồng rom. Chấn nói chỗ xuống:

- Bắn thằng Pháp cũng bằng bắn con gấu thôi.

Cả bốn người cười hà hà trong tiếng gió lùa ù ù vào khe nứa. Triệu Văn Hương thở dài thật to. Chấn rì rầm hát như thầy tào cúng ma. Páo nghiêng đầu thổi lửa cho đỡ lạnh và cũng lên tiếng hát, giọng rầu rĩ:

- Anh chị em ơi! Ngẫm nghĩ tình Bắc Cạn, dân ta lắm than khổ sở, núi rừng thì trùng trùng điệp điệp, đất cày ruộng có ít, nhưng mà Nhật, mà Tây không thương hại dân ta. Thảm thiết lắm! Ba năm qua rồi, dân ta bị đánh đập như con trâu, còn bò... [1]

- Ai dạy Páo hát bài hay thế?

- Cán bộ dạy cho đấy.

II.

Một lần khác, Tư lên Pá Pầu. Đang đi trong rừng tre, nghe trước mặt có tiếng hát. Tiếng hát khi xa khi gần, nhịp theo bước chân, bước cao bước thấp của người xuống dốc. Đến gần, tưởng ai, hóa ra Páo. Nom Páo đã khác hẳn con người nằm ôm trên mảnh ván hôm nọ. Chân đau chỉ còn hơi tập tễnh một tý. Páo hạ cái nỏ trên vai xuống, cười, trở một người đang đi cùng:

- Đây là đồng chí Hoàng, cán bộ người họ Dao ta.

Hoàng mặc quần tây, áo sơ mi dạ xám dài tay. Trạc tuổi ba mươi, vóc người vạm vỡ. Tư đã thường được nghe bà con làng Mán ở Pá Pầu nói đến một vẻ quý báu lắm về cán bộ Hoàng, cũng người Mán, quê trên Kim Mã. Vừa gặp Tư, Hoàng đã hỏi:

- Đồng chí có tài liệu mới về tình hình thế giới cho tôi biết với.

Rồi rút ngay sổ tay, bút máy ra.

- Tình hình thế giới thì Giải phóng quân Trung Hoa vẫn tiến mạnh xuống Hoa Nam, gần tới biên giới ta rồi. Pháp mượn đường thằng Tưởng Giới Thạch theo đường Tà Lùng vào chiếm Cao Bằng, muốn bao vây biên giới mình.

- Thế à?

Rồi Hoàng cười:

- Thằng Pháp dốt quá. Thế là tôi lại thêm tài liệu mới để nói chuyện.

Rồi Hoàng bắt tay Tư. Hoàng xuống dốc. Một mình Páo đứng lại. Tư hỏi:

- Páo đi đâu?

- Tôi đi bắn con chuột cắn trộm thóc rẫy.

Tư cũng theo Páo vào rẫy đợi Páo bắn chuột, rồi cùng về. Đến nhà, thấy cô Liễu đã khỏe, ngồi trước cửa thêu đầu thất lung. Nhìn Tư, Liễu đứng lên, cất túi kim chỉ, rồi lấy cái chổi tre lạch cạch quét nhà. Con Pú, thằng Lý, hai con đồng chí Minh, không biết ở đâu ra, đương thò đầu nhòm vào trong nhà. Mặt và tay đứa nào cũng đã vừa rửa trắng bóng. Thằng bé con đồng chí Quân thì mặc áo dài, đến ngồi nghiêm chỉnh lên mảnh ván đồng chí Páo vẫn nằm, ghé mắt nhìn Tư, như khoe cho biết là mình không ngồi bệt xuống đất như mọi khi đâu. Đối với Tư, lũ trẻ không lạ nữa. Lại còn thân hơn và nghe những điều Tư bảo. Mỗi khi Tư lên nhà, dù rét đến đâu, con Pú cũng rói rít dắt em ra máng nước cọ mặt, cọ chân, cọ tay. Cô Liễu thì quét nhà, chít lại khăn, phui bụi áo.

Liễu quét nhà xong, đặt siêu nước lên bếp rồi ra cây ổi hái lá ổi vào “làm chè”. Tiếng hát nhịp nhàng đưa vào: “ *Vì nước ta phải giặc Tây xâm chiếm...*”

- Cô Liễu học được bài hát mới ở đâu thế?

- Đồng chí Hoàng, cán bộ người họ Mán ta dạy cho em biết.

Càng về chiều càng lạnh tê. Trên núi, con sơn dương kêu kít kít. Mỗi năm, khi sơn dương về tránh rét đầu núi thì trời càng trở lạnh thêm. Người ta xúm xít quanh lửa. Những buổi tối có Tư lên cả làng tụ tập vào bếp lửa nhà Chấn. Bây giờ Tư lại mới được biết thêm là Chấn ngày trước lấy em gái Quân. Nhưng vợ Chấn ốm, chết năm ngoái, để lại con bé mới được mười tháng vẫn ngoẻo ngo trên lưng bà già, mẹ Chấn. Cả nhà trước ở Píc Cáy, bị Tây đồn ở Chợ Rã lên đồn xuống bắt ở chân núi. Đến Tổng khởi nghĩa mới bỏ được mà về ở Pá Pầu. Minh thì trước cũng ở Píc Cáy. Nhưng ở Píc Cáy ho luôn, sốt luôn, “cái ma” nó thổi cho bụng mỗi ngày một to, không làm gì nên ăn, phải đem vợ con sang Pá Pầu. Nhà đồng chí Quân cũng đến Pá Pầu. Từ đấy, Pá Pầu thành làng.

Không cứ gì Tư nói chuyện hay không, Tư đến thì trong nhà nhộn nhịp, riu rít. Trẻ con thì nhau hát bài *Bắc Sơn*. Chúng nó thuộc lòng cả quyển *Văn quốc ngữ*, dù chưa đứa nào biết chữ, chưa đứa nào nói tiếng xuôi được. Tư thường kể chuyện thủ đô Hà Nội cho mọi người nghe. Hà Nội là thủ đô nước ta. Hà Nội cũng có nhà gác như nhà sàn, nhưng ba, bốn năm tầng, mà nhà nhiều hơn cả cây trong rừng ấy. Ban đêm đèn điện mọc ra lăm bằng sao trên trời. Đế quốc bắt ta ra thuế, thuế nuôi con chó, thuế nước uống, thuế nhà ở, thuế đường, thuế đi ỉa. Nhưng đến khi có cách mạng về thủ đô, thì dân ta khỏi khổ lại được tự do mà đế quốc thì sợ ta lắm.

Kể đến những đoạn lạ thường “đèn điện nhiều bằng sao trên trời”, “đế quốc bắt ra thuế nuôi chó, thuế nước uống, thuế đường đi...” thì mọi người cùng kêu: “A lúi! A lúi!” kéo dài, ngân ngơ, ngơ ngác. Đến chỗ “cái năm Cụ Hồ về Thủ đô thì dân ta được tự do và đế quốc sợ ta”, thì Páo kêu: “Húi dà!...”. Chấn đương dầm chân vào chậu nước nóng, ngẩng lên cười:

- Bao giờ hoàn toàn, cụ Hồ lại về Hà Nội, tôi mua bộ quần áo tốt mặc về đi chơi với đồng chí Tư.

Páo giơ tay ngập ngừng, nói hăn một câu tiếng Kinh:

- Tôi cũng về Hà Nội với anh em!

Cô Liễu thì cười, nói:

- Ngày nào hoàn toàn, anh Tư cũng cho em về chơi với.

Đêm trên núi cao, gió hun hút hú lên. Con sơn dương kêu kìn kít, rét lắm. Mấy đứa bé ở trường đã ngủ co hai đầu gối rúc vào bụng mẹ. Tư nằm trên gác bếp, không thể chợp mắt được. Tư xuống ngồi dựa vào vách trước bếp tro còn ấm, mắt gà gà. Con sơn dương kịt kịt, khắc khoải ghê lạnh như tiếng gió hú. Trong nhà, vang tiếng thở phì phò, một nhọc và tiếng ho thúng thảng. Chắc đâu ai đã ngủ được. Bỗng Tư nghe tiếng thổi lửa phù phù. Tư choàng mắt. Bà ké ẵm đứa bé, đã đến ngồi thổi lửa trước mặt, từ lúc nào.

- Rét lắm, đồng chí Tư à.

- Rét lắm.

Ánh than hồng lên khuôn mặt gồ ghề, rắn chắc, soi rõ hai cửa tay áo dài bà già đã rách bợt lướp tướp. Năm nay bà sáu mươi một tuổi. Tư lan man nghĩ đến những chuyện lật vạt ban ngày, những cái con con mà cảm động. Thấy Tư đến thì quét nhà, rửa mặt, tối đi ngủ trẻ con rửa chân cẩn thận. Bà già lấy rau cải ngoài rừng về, vò rửa rồi mới bỏ vào chảo. Cơm xong thì uống nước nóng, không làm ngum nước lã như mọi khi. Thích hỏi, thích đọc báo. Tư tưởng tượng sau này một anh Chấn, một anh Páo, cứng cỏi, lành lặn, khỏe như cán bộ Hoàng, đương đi tung tăng giữa phố đông... Tư nghĩ liên miên đến cách mạng tới với các làng Mán.

Bà già về giường ngủ. Nhưng lúc sau, đứa bé ọ ọ khóc, bà lại ra thổi lửa. Và chốc chốc lại có người dậy, ra thổi lửa, ngồi hơ tay một chốc, lại ngủ, ngủ một chốc, không ngủ được, lại ra thổi lửa, hơ tay, hơ lưng. Rồi hai con gà trong chuồng dưới chân giường đã đập đập vỗ cánh, te te gáy. Rét quá. Tư cũng chưa ngủ được một giấc nào. Nhưng Tư vẫn chấp nói hình dung một ngày kia Páo đi công tác, đồng chí cán bộ Páo.

Sang đầu tháng Giêng, các làng Thổ dưới chân núi còn thông thả thì các làng Mán trên núi đã bắt đầu phát rẫy tra ngô. Nhà nào, năm nào cũng lo thiếu ăn, càng phải đi làm sớm. Tư lên thì gặp Páo một hôm cuối tháng. Tư thực hiện cái ý nghĩ của mình đêm ấy là đưa Páo đi công tác, Páo nói:

- Tôi muốn được đi với đồng chí, với đoàn thể để được giới, được như cán bộ Hoàng người họ Mán ta. Nhưng tôi đi thì ở nhà người già làm không đủ ăn.

Páo không đi.

Được ít lâu, Tư có việc đi từ bên kia triền núi, qua đèo xuống Nà Lộc. Về tới Pá Pầu, ghé lại ngủ đêm ở đây. Khi qua hết bụi sa nhân, bụi cây nát, trèo lên đứng dưới gốc mạn, Tư thấy cái nhà đã tuông hết vách nứa. Cả giường đồng chí Minh, con trâu đã giẫm đổ. Cái bếp nhà Chấn mà Tư vẫn nằm, đổ sụp xuống. Những máng nước gãy, tan tác mỗi nơi một mảnh. Làng Pá Pầu đi đâu? Tư không biết. Sự bí mật lạnh lẽo, bản tính của người Mán, cũng chẳng khác gì triền núi Phia Bióc bí

mặt hoang dại. Không biết họ đi đâu, nhưng Tư có thể đoán được là ở Pá Pầu, nương rẫy làm vài năm đã hết màu, cây hái không tốt, không đủ ăn nữa, người ta lại phải kéo nhau đi tìm đất mới.

III.

Một hôm, Tư về xã khai hội bầu lại Việt Minh và ban chấp hành các giới cứu quốc trong xã. Tư vừa lên thang nhà chủ nhiệm thì một người xô ra:

- Đồng chí Tư!

Tư reo to:

- A Chấn, đồng chí về hội à?

Chấn mặc áo sơ mi, quần soóc vàng, đeo túi xách cốt như cán bộ Hoàng. Nhưng Chấn gầy hơn mọi khi. Hai gò má nhô cao càng thười thêm cái môi dưới. Vẻ mặt nhọc như vừa mới sốt xong, sắc mặt nhợt xám còn in vết những buổi trưa nắng gò lưng trên rẫy lúa, rẫy đậu.

Tư ngắm nghía, vuốt áo, xem mũ, rồi nắm chặt hai cánh tay Chấn:

- Quần áo tốt đây. Hoàn toàn thì về Hà Nội nhé.

- Hoàn toàn thì thế nào cũng về Hà Nội thôi.

Hai người cùng cười. Tư hỏi cả làng đã đi đâu, Chấn trả lời rằng nương rẫy ở Pá Pầu, Vàng Kheo, Píc Cáy làm nhiều năm rồi, người ăn hết màu của nó rồi. Phải đi đốt rẫy mới bên Khuổi Buồn. Chấn nói:

- Việc làm ăn phải đi xa, nhưng mà không bao giờ ta bỏ anh em đâu. Tôi được giấy gọi khai hội, tôi về ngay đây.

Tư hỏi Chấn mua cái túi xách cốt bao giờ. Chấn nói mới mua ở chợ Lèng. Tư đoán:

- Chấn mới đi dự lớp huấn luyện cán bộ tỉnh?

- Không, chỉ có Páo đi, Páo đi rồi mua xách cốt ở chợ Lèng đấy.

- Páo đi dự lớp về hội à?

- Về rồi lại đi nữa.

- Đi đâu?

- Páo đi bộ đội võ trang tuyên truyền.

Pảo đi bộ đội võ trang tuyên truyền rồi. Đội võ trang ấy của trung đoàn 72, đại đội trưởng Hoàng phụ trách. Tư nhớ lại một chuyện đau xót hai tháng trước, đội võ trang về qua rừng Kim Mã, Hoàng tạt vào thăm nhà, bị phục kích. Hoàng đã hy sinh.

- Thế ra đồng chí Pảo đi bộ đội võ trang.

- Pảo đi võ trang rồi. Nó báo thù thằng Tây cho đồng chí Hoàng.

Nhớ lại đầu mùa đông năm ngoái, cái đêm bên bếp lửa mà thầy tào Triệu Văn Hương kể chuyện bởi tào Lường nuôi cách mạng đã bị Tây giết. Về mặt Pảo rất cảm tức, bấy giờ chỗ vết gấu vò còn đau mà Pảo cứ ngồi dậy, Pảo nói to: “Tao nhớ cái thù mày giết tào Lường...” Thế là Pảo đã đi võ trang, đi để báo thù...

1948

^[1] Bài hát “Hô hào đồng bào tỉnh Bắc Cạn” bằng tiếng Tây của đội Tuyên truyền Hồng Phong trong Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân năm 1943.

Du kích huyện

Eng vừa ra khỏi Khuổi Phai thì trông thấy mười một cái tàu bay lên phía trên. Nó muốn đi nhảy dù ở đâu, Ngân Sơn hay Cao Bằng? Trưa hôm qua, ở Khuổi Phai, Eng được tin Tây mới nhảy dù xuống Bắc Cạn. Eng phải vội vã về ngay, Eng đương là du kích huyện.

Mười một cái tàu bay vù vù qua rồi. Chưa thấy gì lạ. Dưới đồng, lúa đang chín. Có làng đã gặt. Về gần tới làng thì được tin Pháp đã đánh lên chợ Phủ. Làng vắng lắm. Gà con nhà ai kêu chiêm chiêm dưới chân cột. Tiếng mõ trâu đặc quen thuộc mọi khi không còn nữa. Trâu bò lợn gà đã đuổi lên rừng cả, trong nhà không có người. Cả quần áo, giường thờ, nôi, kiềng cũng đã dọn đi sạch trơn. Thế là lại làm “vườn không nhà trống” rồi. Eng nhớ năm trước cả làng đã vào rừng chạy Nhật giữa những đêm gió rét. Bây giờ, vẫn quen lối năm trước, Eng đi.

Eng xách túi, đeo lên vai, đi qua một cánh ruộng, trèo ngược một thác nước đổ ào ào rồi tạt vào một khoảng rừng thưa. Ba, bốn cái lán mới đã mọc lên dưới gốc cây, một mái tựa vào tảng đá. Cái nào cũng lợp xúp lợp lá chuối, kè kè bên cạnh một chuồng lợn. Trong chuồng, lợn rít in in. Trong lán, trẻ con khóc he he. Gần đây, hai con bò đốm cõ đương khóc mò mò.

Eng về lán của nhà ở tận cùng rừng. Bà ké Nhậm đương ngồi đẽo mấy cái ống bương đựng nước. Eng bỏ túi xuống sàn, cởi áo, ra đứng ngắm nghía xung quanh lán. Rồi Eng quay lại hỏi mẹ:

- Mẹ à, cái thuồng của nhà đâu?

Eng lấy thuồng ra đào cái lò đặt chảo nấu cám cho lợn. Tối hôm ấy đào lò xong, Eng ra làng ngủ, còn bố thêm được một bó đồ đạc trên bếp, để mai bà Nhậm ra khênh vào rừng. Sáng sớm, Eng phải về huyện tập trung với đội du kích huyện.

Bà ké Nhậm được năm người con. Páo lớn nhất, năm nay hơn ba mươi tuổi, làm ban Việt Minh xã. Từ hôm Pháp nhảy dù xuống tỉnh, về đóng chợ Phủ, ngày nào cũng có bộ đội, cán bộ, giao thông qua làng. Người thì tìm liên lạc. Người thì gọi giao thông. Người lấy gạo. Ai cũng hỏi Việt Minh Páo. Thành thử, Páo cứ đi công tác suốt ngày, cả đêm cũng còn rong đuốc đi. Cái Sam em Páo thì lấy chồng ở Khuổi Trang đã được hai con. Thằng Eng vừa đi hỏi vợ ở Khuổi Phai. Nó mới lên nhà vợ nó về. Bà định tháng Mười này gặt xong thì xin cưới. Nhưng bây giờ Tây nhảy dù, nó đi du kích huyện, biết bao giờ về. Thằng Tương, em nó, mười bốn tuổi đã làm đỡ được. Còn cái Hà mới biết thổi cơm. Bây giờ bà Nhậm và cô con gái út ấy phải ở lại lán trong rừng để đuổi bò, thổi cơm, trông con cho vợ Páo và quanh quẩn lo ăn cho hai con lợn. Cả nhà còn dọn nhà, dọn thóc ngoài làng và nghe Tây đến để chạy. Rồi mấy hôm liền, lại chạy nữa. Những con lợn to mồm hay kêu và chào lợn, cả xóm đã mang đi hết. Cả nhà sắp sẵn chăn áo, mỗi người đeo mấy cái túi. Họ leo qua quả núi - trời dần dần tối - lên tận những cái lều canh rẫy của người Mán. Bây giờ mới nghỉ lại mở ống cơm lam ra ăn. Cả mấy làng, những đêm chạy giặc ấy đều ở trên núi giữa rừng sương. Có nhà ngồi ngủ ngay dưới gốc cây. Không dám đốt lửa, sợ lính Pháp ngoài chợ Phủ trông thấy. Đạn moóc-chi-ê của chúng nó véo qua, vạt vào rừng réo lên ừng ực. Các cụ già trẻ con sợ moóc-chi-ê, sợ nhất moóc-chi-ê. Ngày trước Nhật không bắn súng to, không bắn nhiều thế này. Các lán ở ngoài

gần bờ suối đều dỡ đi, dọn sâu vào nữa. Có những nhà vào làm lán tận trong rừng tre ẩm tối gần hang Tắc Ngòem, xa hơn cả chỗ năm trước chạy Nhật.

Ai cũng mong bộ đội. Chưa thấy bộ đội đến.

Rồi một buổi kia, bộ đội tới. Bộ đội không ở trong rừng, bộ đội đóng ngay các nhà trống trong làng. Dân làng tíu tít quây gao ra cho và xem bộ đội.

Đã lâu mới lại được thấy bộ đội đông như thế. Năm trước còn kháng Nhật, bộ đội ông Trung Lâm có hai người Tây là đồng chí Đồng Tâm và đồng chí Bác Ái cùng đi đánh Nhật, cũng chưa đông bằng. Trẻ con kéo ra đầy làng. Các chị vác hàng chục bó củi to. Người ta quây về mấy cái chảo đại, bắc bếp thổi cơm ngay giữa lối đi. Khói bốc xanh cả làng. Người nói chuyện uôm uôm. Đường như không để ý thằng Tây vẫn còn đóng ở chợ Phú, cách làng có một dãy đồi. Bộ đội thì nằm, ngồi trên các nhà sàn, bỏ trống hốc cả bốn vách. Họ sưởi trước nồi cơm và chuyện với các cụ già, mấy chị và từng tốp trẻ em. Súng dựng xung quanh vách. Ba lô treo lưng lửng khắp xó. Các đồng chí xoa đầu em bé:

- Không sợ nó đâu, nè!

- Nó lấy mất của nhà em ba mươi cum thóc à? Anh sẽ chọc cái bụng nó cho lòi thóc của nhà em ra.

Một đồng chí giờ súng:

- Thằng Pháp? ... *Bòm... Bòm* ... Chết bỏ mẹ nó.

Lũ trẻ cười thích lắm. Hôm sau, các chị ra phơi thóc, xuống suối giặt không phải trèo lên đồi trông trước ra cánh đồng nữa. Có bộ đội đứng gác đầu núi rồi. Ai gặp nhau cũng khoe:

- Bộ đội đã về đến.

Các lán trong rừng thấp thỏm đợi nghe súng.

Bộ đội đi phục kích một buổi sáng, gặp một toán Pháp và xe ô tô. Chúng dắt theo cả một đàn trâu vừa trộm được của các làng dọc đường. Bộ đội nấp trên núi, nổ ba loạt súng vào toán dắt trâu đi sau. Trâu bồn lung tung. Chúng nó khuôn mui mấy thằng chết lên ô tô. Rồi đốt làng Phiêng Phường.

Eng đi công tác, về qua Phiêng Phường. Những đám than nhà cháy còn nóng hổi. Vào làng, nhìn lên đỉnh đồi trơ vơ không bóng người gác. Vào tận mãi suối vẫn chưa gặp ai. Eng tìm về lán của nhà. Lán này về khác lán trước, phải trèo lên tận đỉnh Pù Cút, lại xuống qua một cái thung lũng sâu tối om om toàn tre và mai. Nhà mới chuyển lán vào đây. Cái lò đất đang nghi ngút khói lên quanh chảo lợn đầy tú ụ bẹ chuối. Bà Nhậm ngẩng đầu lên nhìn Eng rồi lại cúi xuống tỳ con dao dài trên thân cây chuối trắng nõn, thái xuống sần sật. Trong lán, vợ Páo đang lắp cái khung củi vãi. Eng treo túi lên cột, bảo Páo:

- Thằng Pháp nó luồn vào thì chết hết. Du kích bỏ canh gác thế mà không biết phê bình nó.

Rồi Eng lại cởi áo, lấy thuốc ra đào sửa cái bếp lợn. Buổi tối, bà Nhậm bảo Eng:

- Tháng này thì tao đi lấy vợ về cho mày. Nhà còn có ít thóc nếp, mai tìm thêm vài chục ống nữa làm rượu.

Eng không nói gì.

Được tin Eng về, hôm sau, có đồng trai làng đến gặp Eng để bàn về việc du kích xã. Họ hỏi vào lán:

- Eng có nhà không?

- Nó đi rồi.

- Sao đi ngay thế?

Bà Nhậm tần ngần nói:

- Muốn giữ nó lại để lấy vợ về cho nó mà không được. Nó bảo bộ đội đương lên Pắc Nậm đánh thổ phi Lìn cho nó khỏi tràn xuống cướp cái Tết. Nó lại đi rồi, nó bảo chắc Tết cũng chưa về.

Bà già rơm rớm khóc. Sắp Tết rồi.

*

* *

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Năm thứ tư vừa về đến

Đình Hội cũ đã qua theo mùa đông

Tiến cũ, đón mới xuống Mậu Tý

Dù đương đánh nhau to với Tây

Nhưng xóm làng ta vẫn được vừng

Chúc bộ đội đánh giặc thắng trận

Chúc đồng bào ở yên Tết xuân.

(Bài thơ chúc Tết 1947 bằng tiếng Tày ở Bắc Cạn)

Chẳng còn mấy ngày nữa thì đến Tết. Theo tục lệ kiêng đi hái củi ngày Tết, những bó củi to mà mọi người kiếm sẵn cho tháng Tết đã dựng cả đầu lán và rải rác trên các lối rừng. Buổi sáng, sương nặng hạt rơi buốt như mưa nay [1]. Dưới thung, vườn mận nở hoa trắng tinh. Các ông kẻ ngồi lán trên mỏm núi mở tờ giấy mán ra chép lịch mới. Thình thoảng, tiếng moóc-chi-ê xa xa phía chợ Phủ dội đến, lịm vào sương mờ và rừng hoa mận trắng xóa. Năm nay hẳn ăn Tết trong rừng.

Đoàn thể phụ nữ xã bận lắm. Kết quả quyên góp Mùa Đông Kháng Chiến được hơn một nghìn bạc, ba mươi sợi vải, năm áo trấn thủ và bốn đôi giày. Chị Nhiều, chị Vải, chị Quê, nhiều chị nữa lại đi khắp các bản hô hào mọi nhà giã gạo làm bánh biếu Tết bộ đội. Các chị quây gánh bánh, vải, giày và đem tiền lên huyện.

Mấy anh trai làng đi phá hoại ngoài đường đá vè gặp, bảo nhau:

- Chồng nó đi du kích nên nó mới hăng hái thế!

Họ nói, cốt cho các chị nghe tiếng. Rồi họ cười. Các chị cũng cười. Kể ra thì từ xưa nay chị Nhiều cũng đã hăng hái, hăng hái học chữ cũng như công tác. Chứ không phải vì ai. Song thật lòng thì mấy hôm rồi quây gánh gạo lên huyện cũng có ý muốn được thấy mặt Eng một tý. Vì tháng Mười Eng lên Khuổi Phai chơi, khi thắng Pháp vừa nhảy dù xuống tỉnh, đóng chợ Phủ, từ lần ấy tới giờ Nhiều chưa thấy mặt Eng.

Nhưng du kích huyện đi Pắc Nặm chưa về.

Các chị giao quà bánh rồi trở lại, ngồi nghỉ trên bờ suối. Chị Vải lấy hộp trà cau trong thắt lưng ra, nói đùa chị Nhiều:

- Ăn trà đi, đừng khóc. Đến Tết thì nó về.

Rồi Tết đến. Mọi nhà trong làng dựng lên đầu lán một cành tre buộc cái hoa chuối rừng đỏ chói. Người ta xuống suối làm thịt lợn. Nhà khá ăn cả con, nhà nghèo thì hai ba nhà chung nhau mổ. Năm nay chỉ có một đám còn ở một khoảng ruộng gần rừng. (Năm ngoái thì quả còn bay khắp đồng như bướm bướm). Quả còn đuôi tím, đuôi đỏ, nhíp nhàng lượn bên trai sang bên gái, bên gái về bên trai. Những tà áo, những thắt lưng, những nếp váy chàm tím ngắt, tung tăng. Những miệng nhai trà chum chim đỏ. Những con mắt đung đưa. Các chị Nhiều, chị Quê, chị Vải, tất cả có mặt ở đám còn, không tung cũng đứng vào đám.

Bốn ngày Tết đương qua, đám còn mỗi hôm mỗi nhạt. Cũng chưa thấy Eng về. Mãi đến hôm đi xem kịch của thông tin về diễn, cũng không thấy Eng. Tan kịch. Ông trăng mừng mười vừa lên lơ lửng đầu núi, ánh trăng rét ngọt. Dòng suối mờ mờ giữa những tảng đen sẫm. Trai gái làng còn nhớ năm trước tan kịch cũng trăng rét ngọt như thế này. Thế nào cũng có người kín đáo dạo nhau ở đầu bản, tặng nhau chiếc khăn mặt, con dao díp, cái hộp trà và đưa quần áo đổi cho nhau giữ làm kỷ niệm. Ông giăng mừng mười lơ lửng trên đầu núi. Các bó đóm lập lòe về lán trong rừng. Chị Vải ôm vai chị Nhiều, nói nhỏ:

- Mày buồn không nên đâu. Ngày nào độc lập thì nó về mà.

Hai cô rúc rích cười. Mấy cô đi sau hỏi:

- Hai đứa cười cái gì?

Nhiều đương nhìn đám đuốc đi trước. Tưởng như đây là người ở Pắc Nậm về, bộ đội đánh tan thổ phi đã về, các làng vác đuốc đi đón. Nhiều vẫn cười, quên trả lời các cô bạn đi sau.

*

* *

Cũng trong mấy ngày Tết ấy thì các đội du kích của huyện đã đi từ vùng thổ phi về huyện. Về để dự kịp ngày thành lập đội du kích Ba Bể. Và Eng đã trở thành hội viên của một đội du kích. Chính buổi chiều ở Nà Lộc, Khuổi Phai diễn kịch, ở huyện làm lễ thành lập đội du kích Ba Bể. Bên kia, đôi cô tranh lô xô. Sau lưng, triền núi Cứu Quốc vươn lên như một cánh tay áo chàm bát ngát. Giữa bãi cỏ, ba trung đội du kích đứng dưới cột cờ, trước mặt các đại biểu chính quyền, đoàn thể, nhân dân các dân tộc khắp huyện. Có cả mấy cụ già người Mán Tiên, ngày trước nuôi cách mạng nhiều lắm, mới ở Ngân Sơn xuống. Một cụ mặc áo chàm rộng, khuy tết, búi tóc to trĩu sau gáy, đương ra trước bàn thờ Tổ quốc nói hoan hô đội du kích. Đứng bên cạnh Eng là hai người Mán Đò: Bàn Đình Lợi, Sắn Tiến Thành vừa vào du kích, cứ ngênh mặt nhìn ông già Mán Tiên. Tất cả chào lá cờ từ từ kéo lên. Thế là đội du kích Ba Bể ra đời - đội du kích mang tên hồ Ba Bể lịch sử của huyện Chợ Rã.

Rồi một buổi sáng, không kịp nghỉ ăn Tết nữa, đội du kích qua hồ Ba Bể, cùng đại đội 132 trèo núi Ca Cháp lên đánh đồn Nà Phạc. Tiểu đội phó Eng chỉ huy một tiểu đội.

Trời trắng sương. Cũng cái trắng sương của những đêm mùa xuân diễn kịch, đàn hát ngọt ngào của các làng, các bản đương ăn Tết. Mưa bụi lớt phớt trên mũi, lạnh buốt như gai hạt dẻ. Mưa vẫn lâm râm, con chim khảm khắc kêu đối nhau, tiếng buồn thấm chìm vào nước mưa. Đồn Nà Phạc mờ mờ trên ba quả đồi trước mặt.

Mọi người đào công sự làm chỗ nấp. Đào bằng dao, cứ ngồi ôm súng đợi mượn dao. Khoét, móc đất cùng một lúc, Eng ngồi thử vào, vẫn thấy chồm hồm. Đất dốc quá, không làm thế nào hơn được, bực mình, Eng cắm dao vào vỏ. Rồi cũng vác súng, nghĩ vãn vợ, loăng quăng, nhớ đám còn ngày Tết ở làng năm trước.

Mưa đọng ở giọt lá, rỏ tí tách xuống, ầm cả túi, cả chần trên lưng. Bỗng một loạt “đòm đòm” xả sang quả đồi im lặng. Du kích đã khai hỏa? Eng bật người lên, ghéch súng bắn liên tiếp vào những lỗ lư trước mặt. Trong đồi, liên thanh phóng ra, rền rền trên đầu như rần mỡ. Dạn moóc-chi-ê cày đất tung miệng, lấp mặt. Lăn sáng đạn lửa rền rẹt xé ngang xé dọc. Quả pháo hoa cà hoa cái lơ lửng rơi xuống đồi, rơi xuống lưng áo của Eng. Eng phải nghiêng mặt lên thôi cho nó tạt sang chỗ khác rồi lại cúi xuống bắn.

Cho tới khi nghe một hồi kèn xé lên: tò te... tò te... Eng báo hiệu cho tiểu đội bò xuống, rút về. Nhiệm vụ bắn nghi binh cho xung kích vào đồn của tiểu đội, đã làm xong.

Hôm sau, kiểm điểm, Eng nói:

- Tôi chẳng rút được kinh nghiệm gì cả. Bố trí phải chỗ dốc, nó bán cho bỏ mẹ.

Nhưng trận ấy ta đánh vỡ được hai lô cốt đồn Na Phạc. Rồi bộ đội về đóng ở gần chợ So, cho dễ tiếp tế. Và bây giờ mới được ăn Tết. Chợ So, năm hôm một phiên, đông lắm, bằng chợ Phủ ngày trước. Đông nhất là bộ đội. Bộ đội ở đâu mà kéo ra nhiều thế. Trong hàng phở, mấy cái chôm mũ ca lô cúi trên bát, và soàn soạt, những đầu ruồi súng giáp năm, giáp ba thò lên ngó ngoáy trên gáy. Người ta vào các hàng thuốc Lào, thuốc lá, xúm xít như tổ ong mùa hè. Các nhà bếp hỏa thực ôm, đội những thúng cà chua, rau muống, rau cải, lại lễ mễ đeo từng xâu lát buộc thịt lợn. Có một đám các chị ở bản Hon, bản Là xuống chợ bán mật, gặp anh bộ đội quen, cứ hỏi mãi: Bao giờ các đồng chí lên? Có lên nữa không? Lên thì để giã gạo trước, lại phải mua chỉ sắn vá quần áo, khâu giày, khâu ba lô cho.

Một chú bé ở bản Là tóm cái quai túi xách cốt của Eng, rù Eng cùng về. Các chị bản Là đứng gần đấy cứ đỏ mặt nhìn sang, khúc khích cười. Eng biết các chị ấy đùa mình, xui chú bé ra kéo “đồng chí Eng về bản Là ăn Tết, bản Là vẫn còn Tết vui lắm đấy”.

Bỗng nhiên, Eng quay lại nhìn thấy Nhiều và Vải đương khoác tay nhau trước một lều hàng xén. Không hiểu hai người đã nhìn rõ Eng chưa. Eng vội chạy về phía ấy, làm cho các chị bản Là đương cười đột nhiên im hẳn, nhìn theo Eng. Eng hấp tấp hỏi trệch:

- Vải đi chợ đấy à?

- A lúi [2].

Cô Nhiều vừa ngẩng trông lên, Eng đã đến trước mặt. Dưới cái mũ ca lô xanh, mặt Eng rám đỏ. Eng khỏe mạnh, đôi mắt Eng vẫn lừ đừ như mọi khi. Cái dây da chéo ngang ngực áo đeo chiếc xách cốt, trông Eng đẹp chẳng khác cán bộ đi công tác.

Eng hỏi thăm làng Tết có vui không? Làng đã cày chưa? Thằng Pháp lâu nay có đánh vào lần nào nữa không? Hôm Tết, đi diệt thổ phi về, chúng tôi cũng nhận được bánh của ban phụ nữ huyện gửi cho. Những ai quây gánh lên huyện thế? Cô Nhiều cứ im lặng, hai tay vịn vào vành nón, thỉnh thoảng lại kéo kéo cái mép áo trắng bịt tà và ngẩng lên. Đôi mắt đen lung linh, cặp má phính hây hây đỏ ửng nhìn Eng từng lúc lâu.

Chợ dần dần vắng. Hai chị em ra về. Eng đi cùng hai người một quãng đến bờ suối thì rẽ. Eng nói ngoái lại:

- Về làm nhiều “vườn kháng chiến” cho bộ đội đi qua có rau xanh ăn nhé. Bây giờ giống rau bí, rau bao được rồi.

Eng nhìn theo hai cái nón trắng trắng khuất trong rừng. Cứ tần ngần nhìn như tiếc giấc chiêm bao. Eng về, anh em hỏi:

- Đi chợ có gặp vợ không?

Eng cười tíu mắt, lấy gói thuốc lá sợi trong túi xách cốt ra cho cả bọn cùng hút.

Vài hôm sau, đã đến tai bà kế Nhậm cái câu Eng đã nói với Nhiều ở chợ So. Cô Nhiều đã từ Khuổi Phai sang chơi với bà Nhậm, kể chuyện gặp Eng cho bà Nhậm nghe. Bà Nhậm thờ dài:

- Chúng nó đi cả, còn có người già ở nhà khó nhọc lắm. Tao muốn lấy mày về làm dâu nhà tao.

Buổi tối, bà Nhậm bảo anh Páo:

- Mày viết cái giấy gửi thằng Eng gọi nó về cưới vợ cho tao được dâu về làm.

Páo gắt:

- Biết nó ở đâu mà viết!

- Cái Nhiều vừa gặp nó ở chợ So. Nhà cũng còn thóc nếp, mai tao đi tìm thêm vài chực ổng nửa về làm rượu cưới.

- Biết nó nghĩ thế nào? Thôi mặc kệ nó!

- Chúng mày đi cả, năm nay ai làm cho đủ ăn được!

Bà Nhậm không nói nữa. Bà nghĩ đến cô con gái lấy chồng ở Khuổi Trang. Bà muốn đi bàn chuyện với con gái. Bấy giờ đã sang tháng Ba, vừa qua Tết tảo mộ. Nghe tin ở Khuổi Trang, bà Nhậm càng nhớ vợ chồng nó. Khuổi Trang cũng gần chợ Phủ. Từ năm ngoái, Pháp đã vào đốt hết cả làng Khuổi Trang, rồi lại thường vào bắt trâu, bắt lợn luôn. Mà sao vẫn chưa thấy chúng nó tản cư sang đây. Nhà đương thiếu người làm bà càng mong. Chị Sam đã hẹn lên mà không thấy tin tức.

Một ngày kia, bà Nhậm sắp sửa túi “lam” hai ống com nếp rồi đi Khuổi Trang thăm con gái. Ở Khuổi Trang đã bắt đầu làm mùa, sớm hơn cả Nà Lộc. Có nhà làm rẫy trên núi xong lại ra làm tận cánh đồng làng, có du kích đứng trên đồi gác Tây.

Vợ chồng A Sam đã tra được mười ống ngô và cấy được những mười lăm cân dây khoai lang. Bấy giờ đương làm rẫy gạo bí mật trên núi. Bà Nhậm ở chơi với chàng rể và con gái hai ngày. Bà nói:

- Chúng nó đi công tác cả. Vợ chồng Páo, con bé Hà chả làm được nên ăn. Chúng mày có lên ở với tao không?

Sam nói:

- Mé lấy dâu về cho nó làm. Chúng con ở làng này trông nom được. Bấy giờ rời tay ra phải đánh Tây thì ở đâu cũng khó nhọc thế cả.

Về Nà Lộc, lần ấy, bà Nhậm lại bảo Páo:

- Mày viết cái giấy cho thằng Eng.

Lần này Pảo viết. Nửa tháng sau, làng Nà Lộc có một đám cưới ở trong lán: Anh Eng ở Nà Lộc lấy chị Nhiều bên Khuổi Phai. Cưới xong được ba ngày, Eng lại trở về đơn vị bấy giờ vẫn còn đóng gần chợ Phủ.

*

* *

Mưa tầm tã. Mưa trắng núi, trắng trời. Bộ đội từ bên kia đèo về làng. Họ đi dưới mưa như một dòng kiến bò vắt qua ruộng, qua rừng, qua đèo, về từ trưa, mãi tới chiều ngớt mưa mới cạn người. Đông lắm, đông chật ních cả bốn xóm nhà bỏ hoang.

Người làng từ lán xuống, trông thấy toàn bộ đội quen. Đây là tiểu đoàn “mũ sắt” 39. Nào trung đội địa lôi. Nào đại đội Ba-dô-ca trợ trợ tiếng Trung bộ khó nghe. Tiểu đoàn 55, đem theo cả cái văn phòng lưu động có cái máy chữ nặng phải hai đội viên mới khênh nổi. Lại ban chỉ huy trung đoàn 72, có cả đội du kích Ba Bể.

Bộ đội và du kích vừa đánh trận phục kích ở chân đèo Giàng về.

Nhà ông Ích thịt một con bò, không đủ bán. Bộ đội ở mặt trận về ăn thịt như voi ăn kẹo. Có nhà giết thêm hai, ba con lợn mà cũng hết veo. Ủy ban làng tít gọi người gánh gạo ở các kho của bộ đội từ lán trong rừng ra. Các chị Vải, chị Nhiều, chị Quê, nhiều chị nữa, mỗi người vác ủng hộ bộ đội một bó củi ta đã kiếm sẵn, vẫn để ở nhà.

Một ông già ở lán xuống thăm nhà, cứ đứng nhìn khói, rồi nói:

- Nhà ta mấy tháng nay không được có khói, con mọt ăn hỏng hết cột, các bộ đội ạ.

Một anh nói tiếng Bắc Ninh, vừa đảo chảo thịt bò, vừa đáp chuyện cụ chủ nhà, đôi lúc lại pha lời mấy tiếng Thổ:

- Bao giờ độc lập thì *cần ké* (người già) làm cái *lườn* (nhà) mới *cải lai*, *cải lai* (to lắm, to lắm), thế có sướng không?

Ông già cười:

- Sướng chứ.

Eng cũng ở trong đám được về qua lán. Đại đội cho về nhà tối hôm ấy, Eng kể chuyện:

- Lưng đèo cách chợ Phủ có nửa cây, ngay chỗ Nà Mẫu ra. Đánh xong trèo lên núi trông xuống thấy bốn cái ô tô bò lên đem xác những thằng chết về tỉnh.

- Đáng kiếp chưa!

Cả nhà vừa nghe chuyện, vừa làm. Bà Nhậm đưa con dao thái chuối, sạt sạt. Vợ Pảo cho con bú. Cô Hà dọn cơm, ngả cái mâm gỗ rồi lấy bát đũa ra. Chị Nhiều ngồi, váy xòa trước cửa bếp giữa lán xào một chảo rau *cút*, ánh lửa hắt lên làm tròn thêm khuôn mặt. Từ khi về nhà chồng, Nhiều đẩy ra. Anh Pảo thì vừa nghe chú em kể chuyện mặt trận, tay vẫn cầm quyển sổ, vừa lẩm nhẩm tính số tân binh của làng.

Chỗ nào nghe thích chí lại vỗ quyển sổ xuống chiếu, cười thật to, làm cho mọi người phải quay cả lại, nhìn hai anh em.

Sáng hôm sau, Eng trở dậy sớm. Đã nghe tiếng vợ đương gọi trâu, tiếng “cừa, cừa” trên núi xuống. Bà Nhậm lại đã ngồi thái chuối sạt sạt đầu lán. Ngoài kia, mưa vẫn tầm tã trắng núi, trắng trời... Eng bắc nồi đương sôi réo trên bếp xuống, lấy ống nước vào pha, rửa mặt. Rồi Eng từ lán trong rừng trở ra ngoài làng, với đơn vị, lại đi. Lần này đi, bà Nhậm không dặn với theo nữa. Mà Eng cũng không nghĩ một điều gì khác. Du kích tập trung của huyện, khi thì đi đánh giặc, khi thì qua nhà, về nhà, rồi lại đi, lại về.

Tiểu đoàn “mũ sắt” 39. Đại đội Ba-dô-ca. Trung đội địa lôi. Ban chỉ huy trung đoàn 72. Tiểu đoàn 55, mà đi sau vẫn là văn phòng lưu động có cái máy chữ hai người khiêng lưng lửng. Sau cùng là đại đội du kích Ba Bể. Tất cả lại tiếp tục hành quân. Họ đi dưới mưa, đoàn người như dòng kiến bò từ từ vắt qua ruộng, qua rừng, qua đèo...

1948

[1] Mưa nay: Mưa nhỏ ra tuyết mịn trên các đỉnh núi cao ở Việt Bắc.

[2] Một tiếng kêu tỏ dấu hiệu ngạc nhiên.

Đi dân công

Loa của các ủy nhiệm thôn đã gọi rờng rã suốt ba buổi. Cuộc mít tinh toàn xã tối hôm đó tổ chức ở chợ, giữa phiên chợ đông.

Phó chủ tịch xã Sin, Minh Thông, cán bộ huyện lên giải thích, kêu gọi đi dân công.

Ngoài đồng, lúa con gái đã ong óng, thơm từ mặt rồi.

Ban xã làm việc suốt ngày ở trụ sở. Chốc chốc, tất cả lại giật mình nghe đầu chạy ra. Tưởng có hỏa tốc trên huyện về. Minh Thông với ba người khác, xoay quanh cái bàn, đọc, đếm, chép danh sách các thôn. Mỗi ngày một bề bộn. Ngày nào cũng tưởng “hỏa tốc” về, càng lóng nhóng hơn.

Sin, một tệp giấy danh sách đặt trước mặt. Mỗi lúc rỗi mắt, rồi óc quá phải đọc to từng tên. Đọc ba bốn lần vẫn chưa viết lên chữ, lại chấm mực, chấm mực. Rồi thừ người ra, nhìn trời âm u ngoài kia, lại nhớ ra hai dậu ngô phơi ngoài sân sà ở nhà mưa ướt tiết cả. Mẹ Sin có về kịp không? Cứ loay hoay thế, không biết bao nhiêu lâu, cho tới lúc thoảng có tiếng người gọi nhau ngoài rừng: “Về ăn chiều vớ... chiều vớ!...”. Chiều lúc nào rồi. Sin ngẩng đầu lên chợt thấy vắng sau lưng. Thì ra bọn Minh Thông “rút lui” đã lâu.

Bước khỏi trụ sở gặp ngay ông Siêu. Ông Siêu chống cái gậy đi đâu lặt đặt thế? Ông Siêu đứng sừng lại. Như tình cờ gặp, ông Siêu kêu lên:

- Kìa đồng chí!

Sin biết thừa cái thóp ông Siêu. Có thể ông ấy đã đứng đầu hàng buổi ngoài cửa đội lúc nào ta đi ra. Ấy là cái lối lên hầu quan nha thời đế quốc vẫn hay to nhỏ một mình như thế. Óc lão này chưa sạch được. Lại chỉ việc dân công, biết rồi, đánh đóng cọc vẫn chỉ việc ấy.

Hai lần năm ngoái gánh gạo chiến dịch thu đông, lão lờ đi, mặc dầu có nhiều người lớp tuổi như lão xung phong quây, chở máng, mài miết hàng tháng. Lão vẫn còn ngượng.

- Ông Siêu đi đâu?

- Ra gặp đây. Định ra từ lúc nãy, cứ vương đuổi con trâu về mà lâu quá.

Sin hỏi thẳng:

- Cái việc đi dân công của ông ấy à?

Ông Siêu hai tay xoa xoa cười lấy lệ:

- Ấy thế!

- Không nên đâu. Ông xem: cả ủy viên kháng chiến, cả ban đặc điền, cả ủy nhiệm thôn, bí thư các giới cùng hết. Người ta đương tình nguyện ầm ầm cả làng đấy.

Ông Siêu về ngược một bên ria:

- Tôi biết, tôi biết. Tôi biết chứ. Nhưng mà lão ủy nhiệm thôn này nó thù tôi.

- Ủy nhiệm thôn làm theo thông tri cấp trên thôi.

- Cái này chưa biết. Nói thì dài, để mai tôi lại chơi, đồng chí nghe hộ tôi câu chuyện, tôi tức lắm.

Sin bực mình: “Tối nay tôi khai hội. Mai tôi đi”. Nhưng ông Siêu nói vội: “Tôi đến sớm. Tôi đến sớm. Cứ nghe hộ tôi”. Cái gậy lão Siêu hạ xuống, bước lộc cộc, bước vội. Sin không quay lại nữa. Sin về nhà. Quả nhiên, hai đậu ngô vẫn lặn lóc ngoài sân ướt mùng nước mưa. Hàng xóm cũng đều đi ruộng đi rẫy vắng. Lúc mưa chỉ có mấy đứa trẻ con chơi trong nhà, quên cất ngô.

Bố Sin đi thổi com đợi vợ. Nồi com vẫn đặt xuống đồng than rồi, mẹ Sin mới về. Nghe tiếng lạch xạch rửa chân ngoài thang, đã quen lệ, bố Sin nhắc cái chảo lên kiềng. Mẹ Sin xách giỏ tép, cúi nghiêng người để thằng Khoi trên lưng tuồn xuống bên cạnh bố. Mẹ Sin đưa cho chồng cái giỏ - được một mớ cá đồng đông. Sin khoắng cái chảo, cặn mỡ còn lại kêu xèo xèo. Mẹ Sin cời thất lung, cái áo dài còn ầm sệt nước mưa, hơ lên trần bếp. Không ai nói. Mẹ Sin không hay nói. Bố Sin cũng chẳng mấy khi trò chuyện với vợ. Lúc nào cũng bận công tác. Ngày trước, chồng cấy, phát nương, vợ thổi com, bắt cá, trang thóc ở nhà, thì bây giờ, vợ làm chồng, việc làm ăn trong nhà, vợ đã làm thay hết.

Khoi đến ngồi trước mặt bố, nhìn chảo cá rán khan. Tội, lại con mọn. Lắm lúc bố Sin thương vợ con lắm. Bố Sin bỗng nói:

- Bẹ ướt cả, mai nắng lại phơi lại, mày ạ.

Mẹ Sin đang rửa bát, quay lại, muốn nói một câu, nhưng thấy bố Sin đã đương cầm củi chẻ đóm, biết là bố Sin lại sắp sửa đi. Cái câu định nói lại im.

Ánh đuốc của bố Sin đã xuống sau bụi chuối. Sin đến họp với trung đội quân dân.

Sin ngồi ra giữa sàn. Anh nói về thi đua đi phục vụ tiền tuyến và tăng gia. Bây giờ lại đến vụ chăm làm cỏ giữ nước, bón phân. Giồng lạc vụ sau ngay đi. Sửa soạn làm bẹ mùa thì vừa. Tăng gia và đi dân công phải đi đôi. Đương nói như thế, đột nhiên bồi hồi thương mẹ Sin.

Hơn ba mươi khuôn mặt đen rám ngồi quay một vòng tròn rộng quanh ngọn nến trảm tuôn khói thơm hắc, không một ai nhếch mép, không một ai chớp mắt. Rồi một cái cúi đầu xuống. Một, buồn ngủ - có thể là lo lắng, mới.

Bỗng góc nhà có tiếng cát to:

- Cho hỏi một câu.

Giọng đầy hơi rượu sần sỏ tiếp:

- Tôi hỏi rằng nói như thế chứ rồi cứ đi hết, không còn ai là ở nhà đâu, sang năm chết đói thì ra thế nào?

Sin trả lời câu hỏi ấy của lão xã đoàn ngày trước. Vừa nói, anh vừa nhớ: xã đoàn có hai vợ, bảy tám con nhớn đã làm được. Vợ mình có biết cày rẫy bao giờ mà vụ chiêm này nó phải cày thêm một cái rẫy nữa. Bọn ngay xương này muốn phá hoảng nên mới nói thế. Ờ ờ... Sin quay lại phía lão xã đoàn lại vừa giờ tay, Sin nói:

- Ông ơi! Ông có hai vợ, ông có tám con trai, con gái làm được, ông có hai chục con trâu, ông có mười mẫu ruộng tốt ở chân núi đất, ông đi dân công một tháng chứ ông đi một năm cũng xong. Có chết đói thì nhiều người chết đói đã ba năm rồi, còn ông vẫn sống ngồi uống rượu đấy, ông ạ.

Tiếng cười ồ, nhao nhao: “Đồng ý! Đồng ý!”. Một người nói:

- Ông quá lo thôi. Bây giờ người già, đàn bà đi cày rẫy được hết, đói thế nào được.

Quá nửa đêm mới tan, Sin ngủ luôn đấy. Sáng ra về sớm, đầu hấy còn vương cái câu của lão xã đoàn ương ngạnh. Có vài người cũng loại ấy, loại lão Siêu, mặt mắt, râu ria lúc nào cũng bụi rự rượu. Lão Siêu hện sáng nay đến. Được, lão mà đến thì Sin sẽ nói đâm toạc vào mặt như lão xã đoàn này.

Về nhà, thấy một con gà nhót trong bu đề ngoài liếp. Sin hỏi, vợ đáp:

- Gà đem về ăn giỗ ngoại đấy.

Bố Sin mới nhớ ngày mai giỗ bố vợ. Thật ra vẫn nhớ, nhưng cứ tưởng còn xa ngày. Giá gọi được thằng Sin về cho hai anh em nó cùng nhau đi ăn giỗ ngoại. Mọi năm, năm nào anh em chúng nó cũng được đi giỗ ông ngoại với bố. Ờ, mai rồi nhỉ? Không biết có gọi kịp thằng Sin về không?

Như gọi được trúng nhịp, câu nung nấu từ tối hôm qua, bây giờ mẹ Sin mới nói:

- Gọi thằng Sin về thôi.

Thằng Sin mười bốn. Đứa trẻ khác, ở tuổi ấy, dất con trâu còn khóc. Nhưng Sin đã làm được đủ việc. Ngày ngày chăn trâu, tát cá, thổi cơm, kiếm củi, không được đi học như các trẻ em khác. Bố Sin nghĩ khổ hại lắm. Nhưng biết làm thế nào. Nó phải đỡ cho mẹ. Nếu không thì đói. Nghĩ mãi sau ra một cách: cho Sin ra huyện, trên huyện đương cần liên lạc viên. Nó sẽ được các đồng chí trên huyện dìu dắt. Đỡ thiếu ăn, lại được học.

Thằng Sin lên huyện từ đấy. Nghe vợ nói, bố Sin gật đầu:

- Được rồi, mai cho nó về đi ăn giỗ.

Bố Sin gật đầu. Nhưng làm thế nào gọi được Sin về kịp, chưa biết. Bên sườn còn đầy một xác cốt việc phải nghĩ đây. Sin đứng lên, lấy cái nồi xuống thổi cơm sáng để vợ ra sân phơi ngô.

Có người đi qua dưới vòm chuối. Nhưng không phải lão Siêu. Minh Thông hấp tấp nói với lên:

- Hòa tóc mới, Quốc Hồng ơi!

Mẹ Sin quây báng ra suối lấy nước. Lúc về thì bố Sin và Minh Thông đã cùng ra khỏi ngõ. Mẹ Sin tần ngần nhìn theo, rồi lại lẳng lặng thổi cơm, ăn xong, địu thằng Khoi, một mình xách bu gà về ngoại góp giỗ.

Vừa rồi Minh Thông đưa cho Sin hai cái sao lục công điện mặt của tỉnh và một thông tri hòa tước của huyện. Hòa tóc ấy đã chạy đem từ huyện về. Có hai việc cho xã: 1) Lấy một trăm mười dân công loại A. 2) Mượn của dân hai trăm cái cuốc bừa.

Minh Thông nhấn nhó:

- Khỏe lắm, việc bận đến nơi mà tao lại bệnh.

Sin vẫn cúi, đọc lẩm nhẩm, chợt hỏi:

- Sao?

- Từ đêm qua đến giờ tao đi kiết tám lần.

- Uống sái thuốc phiện chưa?

- Định đi kiểm sái thuốc phiện thì gặp hòa tóc này.

Sin thừ mặt, vẻ nghĩ, lơ lơ mắt:

- Làm công tác neo người thì sinh bối rối, mà việc lại không chạy, cũng khổ. Đàn bà ở nhà neo người cũng khổ. Minh Thông nhỉ?

Sin thoáng tưởng cái bu gà rầu rĩ, ngơ ngẩn đặt trong đầu. Nhưng hai tờ công điện to tướng lại mở ra, che kín ngay. Và Sin nghĩ ngay cho giao thông chạy các làng lập tức, làm thế nào đến tối, các thôn kịp triệu tập được các trung đội, thế là cái bu gà về ngoại, việc đi gọi thằng Sin về ăn giỗ không còn chỗ mà chen ra được. Ngày mai giỗ bố vợ. Nhưng ngày mai cũng bao nhiêu chờ đợi. Ngày mai, đội dân công của xã lên tỉnh. Bao nhiêu người chăm nom, lo lắng, hồi hộp, vất vả mất ăn mất ngủ vì việc này bấy lâu. Sin hỏi Minh Thông:

- Làm thế nào bây giờ?

- Nào biết!

Chóc chóc, Minh Thông lại chạy ra cửa trụ sở. Trờ vào, mặt nhếch nhếch thảm hại, một tay ôm

bụng. Sin ái ngại:

- Đề nghị thế này: tôi đưa dân công đi. Minh Thông ở nhà đi mượn cuốc và phân công cho mua ngô, mua lợn giúp ban quân lương, mấy việc đã bàn hôm nọ ấy.

- Được đấy!

Giao thông đã xuống đến các thôn rồi. Tiếng loa gọi khai hội vọng đến trụ sở, rõ mồn một. Sin hối hả đi các làng.

Năm thôn trong xã rải rác bọc quanh một cánh đồng nhỏ. Đứng sườn đồi làng này trông thấy mái nhà, vườn chuối làng kia. Các ủy nhiệm thôn trèo lên cây, quay loa gọi, tiếng vang vào núi, hắt sang thôn khác, buổi chiều hôm ấy hàng xóm bỗng trang trọng, rộn rục lên. Vội quá, còn có một ngày để chuẩn bị. Giới phụ nữ đi quây gao làm bánh tiễn dân công và tân binh lên đường. Tiếng chày giã gạo thành thịch, tiếng hát đồng thanh riu rít. Làng thức khuya, chốc chốc lại chập chờn một bó đuốc vào trong ngõ, như có bộ đội về đóng.

Trưa hôm sau, một trăm mười người “nghĩa vụ” sắp hàng trước trụ sở.

Đại biểu xã, đại biểu Liên Việt nói chuyện. Nhắc nhiệm vụ, kỷ luật và bảo người đi đừng ai thất mắc việc nhà. Gặt hái ở nhà mùa này sẽ được lo liệu, nhà đủ giúp nhà neo, thế nào cũng xong được.

Sin đeo túi và bao gạo đứng với ban chỉ huy đại đội. Sin trông mây vẫn đầy trời, lo chốc nữa có thể mưa. Sin nhìn Minh Thông phát biểu, cái tay cứ giờ lên giờ xuống phăng phăng. Kiết lỵ khỏi rồi hay sao mà giờ tay khô thế? Hay lão này giả vờ ốm? Hay lão này sợ đi khó nhọc? Nhưng Sin cũng chỉ đoán thoáng qua, rồi lại tíu tít nghĩ chuyện gấp đi.

Phút chốc, đoàn người náo nức tập hợp. Nhưng đến khi chiếc nôi của các tiểu đội sau cùng bông bênh trên đầu gậy không còn trông thấy nữa, bãi cỏ và cái trụ sở bỗng thanh vắng trở lại, mọi người đứng lại đó vẫn nhìn theo, thì mọi người cũng nghĩ tới một sự gì nghiêm trọng có thể sắp xảy ra ở trên mặt trận phía biên giới kia.

Tất cả đi khỏi, Minh Thông sục ngay vào bàn viết cái thông tri mượn cuốc.

Xong việc cuốc rồi. Chưa hết đâu. Còn ngọn việc đây. Vinh Quang ơi! Quốc Toàn ơi! Mau lại đây làm thống kê. Ba người hí hoáy đọc chép danh sách, xoay quanh cái bàn.

Một lúc, lại ngừng bút, nói chuyện:

- Này, cậu nào biết chuyện lão Siêu chưa?

- Lão nghe phải đi dân công, lão cầm dao lên rừng chém vào chân. Thế nào chém quá tay hóa ra gãy xương, bây giờ què què rồi.

- Đã gọi đến loại B của lão đi đâu?

- Thế mới gà hóa cuốc, oan cái chân.

Ba người ôm bụng, cười sằng sặc. Chuyện lão Siêu lên rừng chém dao vào chân là câu chuyện vui, vui qua thì giờ. Rồi trời đổ mưa to. Rồi chiều lúc nào không biết. Thế là ai về nhà nấy.

Hôm sau Minh Thông nghĩ một lúc không thấy có việc gì phải ra trụ sở. Minh Thông ăn cơm sáng xong, tần mẩn lên rừng tìm nấm hương, bỗng xem thấy có lốt chân hổ. Minh Thông về sai thằng con đi lấy cây, hai bố con hì hục chữa lại cái cũi bẫy.

Một hôm, đương uống rượu, bỗng Sin lù lù về. Minh Thông, một tay đương quơ cái chai, một tay cứ nguyên thế, ngượng quá.

- Quốc Hồng về đấy à?

- Ừ.

- Có việc gì?

Sin bí mật:

- Chẳng có việc gì.

Nhưng rồi Sin cũng nói:

- Chiến dịch còn dài, còn nhiều...

- À... à... ở nhà nhiều việc tôi đã giải quyết xong, Quốc Hồng có gặp món gánh cuốc ra ngoài ấy không?

Minh Thông phẩy phẩy mặt sần, ngồi nhích vào trong, chưa bao giờ cung kính với bạn như thế.

- Quốc Hồng có gặp à... Chạy mượn cuốc hai hôm sưng cả chân. Mượn thừa ra ba chục cái. Xã mình thế nào cũng được nhất, đã đúng hạn, lại cho mượn thừa, nhất rồi. Hôm nay mới rồi một tý về ném được vài cân cá. Uống một chén cho vui.

Minh Thông cứ nói liên thoảng. Anh sợ sự im lặng làm anh rất mặt.

- Uống một tí đi. Đúng đấy. Quốc Hồng ơi! Có về đến nhà mới biết đàn bà trong nhà neo người, khổ thật.

Chai rượu, đĩa cá rán. Vợ Minh Thông, và đứa con ngồi ăn cơm sau cái nôi. Sin nhìn Minh Thông lơ đãng như chưa thấy nhau bao giờ. Cái tay Minh Thông rót rượu, cái miệng Minh Thông nói gì, cái chai rượu, người vợ đề nhiều, khó nhọc nhiều, héo hắt xấu xí đi, ba đứa con, đĩa cá, những thức linh tinh lấp lánh sau cái mặt phính đỏ, bộ ria như lão Siêu. Hôm qua hội nghị tỉnh Sin dự, bí thư tỉnh nói: "Chúng ta mà dựa dẫm, sợ việc thì không xứng đáng". Cán bộ mà dựa dẫm,

sợ việc còn hại hơn lão Siêu, lão Siêu ít hại bằng một cán bộ dựa dẫm, sợ việc, nói dối. Đúng như thế. Minh Thông không cày, không tăng gia. Minh Thông đeo xác cốt lên huyện, xuống xã, vò vắn làm. Nghĩ cho kỹ: cán bộ như thế chẳng có lợi cho ai.

- Phải kiểm thảo Minh Thông.

Nhưng rồi Sin lại ngại, nể và tự nói: “Huyện sẽ kiểm thảo nó, bận gì đến mình”. Và Sin đưa Minh Thông một tờ giấy. Minh Thông hỏi hấp tấp:

- Việc gì? Việc gì hả?

Quốc Hồng lắc đầu nói lửng:

- Thấy báo huyện sắp giao công tác mới.

Minh Thông tợp một hơi cạn chén, tặc lưỡi:

- Công tác mới! Cũng tốt thôi!

Sin không nói, Sin im lặng. Sự im lặng chụp xuống dần vật, bút rút, khó chịu cho cả hai người. Họ tình cờ nhìn ra những ruộng lúa sắp chín, vàng rực. Bỗng nghe ngoài đồng xa gợn lên một tiếng động lạ.

- Cái gì nhỉ? Súng à?

- Tàu bay đấy.

Thoáng một lát, từ đầu cánh đồng phía nam đưa lại, chiếc máy bay Đa-cô-ta hiện ra lờ lờ, từng đợt ba chiếc, bay qua trên làng mạc, rừng ruộng, trắng toát rừng rợn xanh ngắt.

Sin nghiêm mặt, nói nhỏ nhỏ:

- Nó bay lên cứu nhau, chiến dịch ta bắt đầu rồi.

Tiếng tàu bay càng rền rĩ nhiều quá. Sin không thể ngồi yên. Sin chạy ra trụ sở. Minh Thông gọi với. Nhưng Sin không quay lại. Minh Thông đuổi theo. Ngoài đường, vẫn như thường. Con trâu gặm cỏ. Trẻ con lạng lẹ nằm trên các mòm đá giữa đồng nhìn lên tàu bay. Người vào rừng, xuống suối, ra đồng, đến trụ sở, đi chợ, gặp nhau không nói nhưng trong ánh mắt lạng lẹ ai cũng như muốn nói: Ta bắt đầu rồi... Ta bắt đầu rồi... Mà cứu nhau thế nào...

Đêm ấy, Minh Thông trần trọc không ngủ. Sáng hôm sau Minh Thông lên huyện sớm.

Rồi hai đội dân công “hỏa tốc” nữa cùng đi một ngày. Rồi một đội toàn thanh nữ, phụ nữ lại đi hôm qua. Sin cũng đi nữa rồi. Hai đội dân công loại B cuối cùng đi nốt, cả lão Siêu đã khỏi chân cũng đi trong đó.

Ông Siêu đi hể hả, thật tình ông hể hả. Ông được đi. Ông đi ngay. Tổ cha đứa nào đồn ông chặt chân. Ông lên rừng kéo dây song chẳng may hòn đá rơi vào chân, ông đau chân mất vài ngày mà nó dám treo mồm đồn thổi bảo gãy xương, ông què rồi, liệt giường rồi, nằm đợi chết thôi. Nó bêu riếu ông trốn dân công. Việc gì ông phải trốn. Đi dân công năm bảy ngày, một tháng, ông vẫn đi thường. Ông khỏi chân, ông đi, cho đứa nào thù ông, nó trắng mắt ra, hộc máu ra mà chết. Đến khi đội dân công loại B được gọi, ông Siêu đi ngay. Vai bên phải đeo bao gạo. Bên trái quàng ống thịt gà rang vàng - bà lão giết một con gà hiến cho hai bố con (chị Thanh Xuân phụ trách trung đội dân công nữ) làm canh rau ăn đường. Ông đầy đủ rồi. Ông đi.

Đoàn vận tải ấy qua sông với nhiều đoàn khác, hàng nghìn người rộn rịch công kênh hòm, sọt, chậu...

Đội trưởng thở hồng hộc, giờ cái cành cây ngụy trang đã trụi hết lá, làm hiệu cho mọi người đứng lại. Từng đám lão đảo đứng lại.

Những đoàn dân công đương đi lên đèo Đông Bắc.

Tiếng hô của đội trưởng chạy lan xuống cuối toán:

- Chưa tới điểm nghỉ. Một quãng nữa mới tới, các đồng chí cố gắng. Ta lại đi thôi.

Trong bóng tối, người và hòm, sọt, chậu lại đứng lên, cắm cúi leo dốc xuống dốc. Mãi đến lúc có một cơn gió ẩm ướt thốc vào mặt, mồ hôi lạnh toát, mới nhìn xuống thì thấy lửa sáng và tiếng người reo ầm ầm. Trạm tiếp nhận dân công ở đây. Địa điểm nghỉ đây.

Lửa đương rừng rực quanh tiếng hát của một toán em nhỏ trong đội kịch lưu động. *Quê em miền Thất Khê ...* Ánh giăng xuống, đuốc đốt, tiếng ngáy, tiếng rên rết, tiếng hoan hô, tiếng ho, hỗn loạn trên bãi quanh rừng, núi đá mù mịt. Đội trưởng rong bó đuốc đến, tàn đuốc lửa rơi xuống soi lên những bộ mặt tối sẫm, chỉ thấy nhấp nháy tỏ tường.

- Đội một đâu? Đội ba... Còn thiếu đội ba. Có ai thấy đồng chí Quốc Hồng ở đội ba?

Ba bốn lần hỏi mới có tiếng đáp:

- Đội ba đương đi tìm nhà.

- Tìm làm gì nữa. Nhà ở chỗ nào nằm ấy chứ đâu. Anh em đến trước ngủ hết nhà rồi.

Không ai nói thêm, không ai trả lời. Cũng không ai nghĩ đến có nhà ngủ. Nhiều hôm nhờ độ đường, đến trạm chậm, đã ngủ ngay giữa đường như thế này rồi.

Khi đội trưởng tìm ra đội ba thì đội ba đã ngáy khò khò từ lúc nào. Sín bị lay dậy. Hai vai đau buốt như đóng đinh. Sín vừa nằm xuống chưa được mười phút. Lại ngồi lên hỏi ý. Cuộc trao đổi nhát gừng giữa mấy người phụ trách ở ngay chỗ ấy.

Lại một đêm nữa qua giữa trời.

Năm sáu sáng nay, cứ còn mờ mờ tối đất, đội trưởng đã nhô dậy, hốt hoảng, lật đật nói bô bô xuống những cành lá ngụy trang rũ rượi, những bụi cỏ sương còn ướt trắng, những cái hòm, những người nằm, người chạy thúc cả vào lưng vào đầu: - Đội một... Đội hai! Chuẩn bị!

- Đi anh em ơi! Đứng cả lên!

Lại đi. Cứ buổi sáng nào cũng lừ lả không thể nhắc nổi một cánh tay nhưng rồi lại đi, vẫn đi. Những lúc ấy Sin vẫn nhớ vợ, thương vợ lắm. Mẹ Sin bây giờ chắc đang gặt với hội đôi công. Ông bà ngoại chắc giận mình quá. Không hiểu sao anh đã nhớ, mà rồi lại quên bằng không gọi thằng Sin về cho nó giúp mẹ nó vụ gặt, cho nó về ăn giỗ... Mẹ Sin thật khổ. Người ta biết chữ cả, mẹ Sin vẫn chưa đọc nổi một chữ. Sao anh luẩn quẩn thế! Những ý nghĩ lằng quằng ấy đẩy chân Sin đi không kịp biết mỗi nữa.

Hết núi, xuống đồng, men theo những bờ ruộng, lúa nặng trĩu lại hai bên chân. Những người dân công mà ở quê làng có ruộng cao, bây giờ càng nhớ đám lúa cấy sớm chắc chắn sắp được ăn tháng Tám. Mặt trời rọi chéch cổ, đằng sau gáy. Chỉ có mặt trời với lúa rực rỡ. Không thấy ở đâu có con trâu, có khói thổi cơm chiều, có bó củi dựng chân thang. Đây gần đồn Tây lắm, làng mạc đã vào núi, vào lán, chỉ ra làm ruộng rồi lại lui ngay.

Tự dung, toán đi đầu loạng choạng dạt cả xuống. Có người chạy. Nhưng rồi thốt nhiên đứng sững lại. Không thấy Tây. Đây là bộ đội ta đang đi tới. Bộ đội khoác lưới cỏ ngụy trang. Thấy đoàn vận tải, có người kêu khe khẽ:

- Ô kìa đạn! Hoan hô đạn!

Đi lẫn với bộ đội bên kia, có từng đoàn dân công áo chàm dài một lượt. Đôi bên vuốt mồ hôi, thở, lướt qua nhau, hỏi thăm lao xao không ngớt, quên cả giữ bí mật. Đây là dân công Quảng Uyên, Phục Hòa, Hà Quảng, Trùng Khánh. Đây dân công Đội Cấn, Quốc Khánh, Hành Lư tới. Đoàn này đưa muối sang đông bắc, đoàn này theo bộ đội ra tiền tuyến, đi ngược, đi xuôi, mỗi một huyện ủy viên làm toán trưởng.

Sin chợt trông thấy Minh Thông đội mũ nồi cao cao. Minh Thông cũng vừa trông thấy Sin. Minh Thông nhắc cái mũ xuống lau mặt, cười, vẫy.

Giữa lúc đó, hai chiếc máy bay phóng pháo lao tới lượn quanh cánh đồng một vòng rồi thả từng loạt bom trông rõ như từng quả bưởi đen sì rơi rơi.

Trận địch ném bom đoàn dân công đi tiền tuyến buổi chiều ngày hai mươi bốn tháng Tám âm lịch này huyện Bắc Sơn mất mười bảy người hy sinh, ba mươi năm người bị thương. Minh Thông đã chết trong trận bom ấy.

Nửa tháng sau, các xã trong huyện tổ chức lễ truy điệu những người đã hy sinh.

Biểu ngữ dài suốt hai dãy quán chợ. *Hoan nghênh các chiến sĩ bộ đội và dân công đã giải phóng Cao Bằng, Đông Khê, Thất Khê, Na Sầm, Đồng Đăng, Lộc Bình... Nhớ ơn các chiến sĩ bộ*

đội và dân công... Mỗi chữ khiến cho mọi người nghĩ ngợi.

Cán bộ Sin nhớ sắp đến ngày sơ kết kinh nghiệm huy động dân công toàn huyện. Hội nghị này có tự phê bình, phê bình để rút kinh nghiệm. Có nên đem việc Minh Thông định trốn ở nhà ra phê bình không? Minh Thông đã hy sinh rồi.

Quốc Hồng không biết trả lời mình ra sao. Tan cuộc truy điệu, trên đường về làng, lão Siêu cứ lú rú chuyện. Nhưng Sin đương mải nghĩ, không nghe thấy.

Cánh đồng gặt đã vãn. Hội đội công chỉ còn giúp mấy nhà cấy muộn. Góc rạ mới còn vàng hây. Buổi chiều óng ả cây rom, cái lóng đưng thóc đập giữa ruộng, và tiếng trẻ em reo. Cánh đồng mới gặt thơm ngọt, đầm ảm.

Hội đội công năm nay cố gắng lắm. Phải kiểm điểm để rút kinh nghiệm chung. Người chết, nhưng kinh nghiệm vẫn để lại học được. Cứ đem Minh Thông ra.

Sin đã nghĩ được câu trả lời. Sin đi rào bước. Đã xâm xâm tối. Từ dưới bờ suối lên đường cái, mẹ Sin gánh hai đấu thóc.

Bố Sin trông thấy thằng Khôi ngủ ngồi ngật ngưỡng trên địu lưng mẹ nó. Bố Sin bảo vợ đặt gánh thóc xuống, cho mình quây đờ, và nói:

- Tao đã gọi thằng Sin trên huyện về làm giúp nhà vài hôm rồi đấy.

Chiến dịch Biên giới tháng 10 - 1950

Xuống làng

Bà Ké có hai người con. Lạn và Mươi. Anh Mươi đi cán bộ. Chị Lạn năm nay ba mươi một tuổi. Má đã hơi khô, lấm tấm chân hương. Nhưng, cũng như chị em phụ nữ huyện Thoát Lãng, Lạn đầy đà, khỏe. Đôi mắt thăm thẳm.

Những đêm mùa đông, lạnh tê, trần trọc nghĩ đến người con gái đầu lòng ấy bao giờ bà Ké cũng thờ dài trông ra trời, trời mãi chưa thấy sáng. Tháng Chín, Lạn đem con về ăn giỗ ông Ké, thằng Kim cứ mỗi lần mỗi khác. Chiếc mũ ca lô chon chòn trên cái trán dô, cái cằm vuông bạnh. Sao nó giống bố nó thế, giống bố nó như tạc.

Bố thằng Kim đi đã ngoài mười năm. Năm ấy, cũng vào tháng Chín, thổ phi bên Trung Quốc tràn sang cướp. Trâu bò, thóc vừa gặt, mất sạch. Rồi rập luôn lúc đồn Tây gọi lính bị ban. Bố Kim phải về tỉnh. Nhà còn một con bò dắt đi bán nốt. Rồi lớp bị ban ấy phải sang Tây. Ở bên ấy bố Kim gửi về được mấy chữ: *Anh sang Tây chuyến này chưa biết bao giờ lại thấy quê...*

Mười năm qua, Lạn nhớ chồng, vẫn chỉ thấy có mấy chữ ấy, bây giờ thằng Kim đã biết đọc, nó đọc: *Anh đi chuyến này chưa biết bao giờ mới lại thấy quê... Anh đi lần này chưa biết bao giờ vợ chồng mình mới lại thấy mặt nhau*. Đời người đàn bà vắng chồng chấp vá những buồn tủi.

Lạn ít nói. Đi khai hội, hay ngồi cúi mặt. Không ai nữ nói người Lạn vẫn hay chạnh lòng. Chồng sang Tây từ thời đế quốc, chứ chồng chị không đi nguy binh. Chồng chị không thể ví với chồng con mẹ Vầu đi nguy binh ra ở đồn Thất Khê.

Lạn không gặp phải bước như Vầu. Nhưng mấy năm nay Lạn xấu đi trông thấy. Mỗi lúc mở hộp ăn trà, cái gương trong nắp hộp lại trông thấy cái tay vuốt rưng xuống một nắm tóc. Xót con gái, bà Ké gọi Lạn về ở với bà từ lâu. Nhưng nhà neo ruộng xa, có hai người cũng phải chia làm hai quê. Mẹ con chị Lạn thì ở trong rừng bên cạnh nương. Nhà trong làng vẫn vắng vẻ.

Mười đi công tác có lúc bắt chợt lại về nhà. Bà Ké bảo con:

- Con ơi! Mẹ bây giờ già chỉ còn tìm đường chết thôi. Mẹ giữ nhà thế này hôm nào chết cũng không ai biết đâu. Mà phải để mẹ kiếm con dâu về.

Có đám con gái ngoài làng, nhà Mươi đã đi sêu được bốn cái Tết. Nhưng nhà người ta lại ở làng “lấy thế” đồn Tây bên kia sông, cách Na Sầm không đầy cây số chẳng làm thế nào cưới được. Mà Mươi thì đi công tác luôn. Bà lại khóc.

Đến cuối năm, Mươi được đổi về địa phương.

Mười về nhà:

- Mé à...

Mười cười. Mười chưa nói hết. Nhưng trông bộ mặt vui của Mười, Lạn đã đoán biết câu chuyện của cậu em. Chị tủm tỉm.

Thế là đám cưới Mười định vào tối mười bốn. Đám cưới một anh cán bộ lấy vợ vùng địch. Dù sao cũng không thể được hẳn như ý nhà gái và các cụ muốn. Thanh niên trong làng hầu hết đã đi bộ đội, đi công tác xa. Ông chủ tịch, ban xã và đội du kích thì ở trong rừng. Từ độ ông Nhục ra làng uống rượu say ngủ lại bị lính tuần bắt, các ông trung niên cũng vào ở rừng rồi.

Trong nhà đã bày hai mâm rượu các cụ. Tiếng đàn then nhảy nhót. Nhiều người chen đi chen lại, đàn bà quây quanh bếp, nói ào ào. Chú rể Mười với chủ tịch xã, xã đội ngồi một mâm. Cả nhà ăn uống đến mãi tận khuya.

Một du kích gác ngoài bờ sông chạy vào, tay ôm mớ:

- Có người sang sông.

Xã đội sững sốt hỏi:

- Nhiều hay ít?

Mười say cười liu đau xuống vai xã đội lè nhè nói:

- Ấy bảo tôi mai đến mà đến sớm thế. Anh em pặc-ti-dăng đồn Nà Sầm về ăn cưới tôi mà.

- Thế nào?

- Mới thấy bóng người lội, tôi về ngay đây báo.

Mười lại cười khà khà:

- Người ta sốt sáng về sớm càng nên hoan nghênh chứ.

Chủ tịch nói:

- Ta ra đón chúng nó vào uống rượu nhân thế.

Mười, và mấy anh du kích cùng đi. Kim cũng theo xã đội còn đủ tỉnh xách theo khẩu súng trường của chủ tịch treo trong góc sán. Mọi người vừa đi khỏi, chủ tịch lồm cồm dậy, cũng chạy theo.

Bỗng, từ ngoài bờ sông, liên thanh học từng hồi dài. Một tiếng ùng rùng rợn chuyển lại, tiếp một tiếng nữa, một tiếng nữa. Ca nông! Giời ơi! Súng ca nông!

Luôn mấy hôm, chiều nào ca nông bên Nà Sầm cũng nã quanh đây. Tiếng oàng dúm xuống dập mặt người xuống đá. Cái xóm bốc cháy. Không còn ai xuống làng nữa. Một con hươu phóng từ rừng ra rồi nó nghiêng đầu, đến trước một hũm đất đại bác vừa đảo tung lên, vục cái mũi nó xuống lạng

lẽ tìm ăn trong đám tro còn nóng hổi.

Đại bác vẫn bắn. Mùa gặt hái đã qua, thóc đã vào kho lán. Cả làng vào lũng. Vào lũng, thành trì của các làng mạc biên giới. Bao nhiêu năm nay chạy thổ phỉ vào đây, khai hội Việt Minh cách mạng giải phóng cũng ở đây. Trên lối vào, từ những đồi trước, các cụ đã xếp đá thành các đợt công kiên cố, mỗi quãng dựng một cái tường đá, kẻ cướp và đế quốc chưa bao giờ lọt được vào. Đường lũng vắt qua mồm núi rồi xô xuống một cái triền dài những vạt đất, vạt rừng kẹp giữa hai sườn yên ngựa. Nhà ở chỉ chít trổ trong hang. Đại bác không thể đánh cháy, đánh sập được.

Có đến mấy hôm rồi mà Lạn vẫn ngày ngày thơ thần xuống làng. Chị vợ vẫn đi tìm con. Nhìn cái lô cốt Nà Khuổi, quanh bờ suối, quanh rừng hời. Chị ngồi thụp, hai tay chống má, thờ thần. Một tiếng gọi:

- *Pá! Pá ơi!*

Chị thấy ngay sau nền nhà cháy nhô lên một người đàn ông, tóc rũ hết xuống, mặt tái mét. Chính người ấy vừa gọi *Pá! Pá!* Chị Lạn quay lại, bước ngay đến. Đã nhiều lần, cán bộ, bộ đội bị Pháp phục trên đường số 4, lội qua sông chạy vào làng, đầu tóc cũng lướt thướt thế này.

Người ấy cúi xuống sau tảng đá.

Sau tảng đá, còn người nữa. Chị Lạn bước lên thì thấy thằng Kim sổng sụt dưới đất. Tóc nó bê bết máu.

- *Ơi con!*

- Lên núi nhanh lên. Nó biết tôi trốn rồi, ca nông nó đương bắn theo đấy.

Chị Lạn run rẩy xóc Kim lên. Nhưng chị càng run hơn, nói không ra hơi. Người kia vội đỡ lấy thằng bé, vác lên vai, một tay đẩy lưng Lạn. Như mất hồn, chị Lạn lập cập chạy lên.

Kim đã tỉnh, đương rên. Người lạ ngồi, úp mặt xuống đầu gối, nhưng lại ngẩng lên ngay, nói sang bà Ké:

- Ké đừng nghĩ, anh Mười cũng trốn được thôi. Nó cùm cả hai chân mà tôi với em Kim cũng chạy được, bà Ké đừng nghĩ.

Lạn bung thau nước nóng ra: “Đồng chí rửa chân”. Ánh nến trám trên cái phen nửa tỏa xuống nhòe nhoẹt hai cổ chân đỏ lên, nhầy nhụa những máu. Người ấy còn nói pha trò:

- Thằng Tây muốn làm cho tôi rụng chân. Nhưng chân Việt Minh lại bằng sắt, chị ạ.

Hôm sau, đồng chí ấy không cựa quậy được, đau phát sốt luôn mấy trận. Phải mất một tháng nằm liệt rồi những vết thương còn để lại hai vòng sẹo quanh cổ chân.

Vừa khỏi, đồng chí Kiên Quyết đã trở dậy, cất nhắc, làm đỡ việc trong nhà. Phoi thóc, xay ngô,

đốt nương. Có khi đi vắng đâu vài hôm lại về. Bây giờ Kiên Quyết đã được huyện cử xuống công tác địa phương này. Cũng khi đi, khi về, như Mười đạo trước. Nhờ vậy, bà Ké được khuấy khóa đôi chút.

Dưới thung, đương giữa cữ hoa mận nở trắng tròn như mâm xôi gạo mới vừa dỡ. Tết Nguyên Đán ấy cũng không có gì. Đất lũng đá nhiều hơn hoa màu. Mới mừng hai đã phải đi đốt nương tra ngô, lúa mậ.

Một hôm Kiên Quyết về cười, nói:

- Đòi nợ chị Lạn đây!

- Nợ à?

- Cái nợ hôm nợ ấy.

Chị Lạn cười, lắc đầu.

Hôm nợ, Kiên Quyết bảo: “Sắp có cuộc tổng nguy vận, tất cả địa phương ta, ai họ hàng quen thuộc một nguy binh nào, cũng viết cái thư kêu gọi họ. Anh ấy thì ở tận bên Tây kia, chắc đâu đã về. Nhưng mà có nhiều lính khó đồ, Tây mới mang về. Những người ấy đi lâu lại bị đế quốc giấu giếm, lừa dối, tưởng vợ con, cha mẹ ở quê tan nát cả rồi. Vậy ta phải giác ngộ cho họ. Chị cũng nên viết một cái. Thư của chị, không cứ anh ấy, ai cùng một cảnh ngộ như thế mà được đọc cũng phải tỉnh. Chị làm thư, chị Lạn ạ.” Nhưng Kiên Quyết đi khỏi, Lạn không viết. Chị ngại, chị sợ nhắc đến.

Khắp vùng, người viết thư nguy vận tới tấp gửi đến ban thống nhất địch vận xã. Hăng hái quá, cả những chị không có chồng đi nguy binh, cả những chị chưa có chồng cũng viết. Lại có cả thư của chị Vầu. Vầu nói: “Tôi hết duyên nợ với nó, tôi lấy chồng khác rồi, nhưng tôi chẳng bao giờ muốn nó làm ác nên tôi viết thư”, và chị Vầu viết thư.

Chị Lạn thức khuya. Hai mẹ con cụng đầu vào nhau, lúi húi viết.

Kim ngắ đầu, bảo Kiên Quyết:

- Em viết thư cho mẹ đây.

Chị Lạn vội xòe tay che tờ giấy: “Không phải đâu. Đồng chí xem không nên đâu”. Nhưng Kiên Quyết trông qua cũng thấy rồi. Cái thư viết lối phong thư, Kiên Quyết mỉm cười nhớ rằng vùng Thất Khê, Tràng Định vốn đất hát lượn, đất phong thư rất giỏi, rất tình. Chị Lạn kín đáo quá.

- Hoan hô!

- Tôi viết không nên đâu, Kiên Quyết đừng hoan hô.

- Chị Lạn à, chuyện nào gửi phong thư cho pác-ti-dăng vui lắm. Phụ nữ cả huyện cùng ra đường cái làm công tác nguy vận. Chị Lạn cũng nên đi.

- Chưa đốt hết nung, chưa đi được.

Kim bảo Kiên Quyết:

- Em xung phong đốt nung cho mẹ em đi.

Rồi hai mẹ con lại loay hoay rì rầm viết. Kim đã ngủ, hai tay ôm vòng giữ lấy lưng mẹ. Mẹ nó ngồi đọc lại tờ giấy phong thư: *Xuân mủ, bioc đào phong... Xuân mới, hoa đào nở, anh ơi!*

Sáng hôm sau, Kim theo bà Ké lên đốt nung, Lạn đeo túi, Kiên Quyết quảy hai cái dậu mới. Thông dong xuống làng như vợ chồng tháng Ba ngại việc đi buôn muối chợ. Nhưng đây là họ đi ra đường ô tô số 4.

Ven sông Kỳ Cùng, dọc đường cái có nhiều vườn lê các làng tản cư bỏ hoang. Vườn lê trĩu quả. Không có người về hái. Chỉ có con sóc, con chuột, con cheo cheo, bọn ngụ binh, bọn Pháp đến ăn trộm. Trên những quả lê thường có truyền đơn, khăn mặt buộc, mấy câu lượn, một phong thư, có khi một gói kẹo. Nhiều khi ngụ binh biết có người đứng ở trong vườn nhưng ồ vào thì các chị thoát mất, chỉ còn lại quả bánh, phong thư trên quả lê vẫn đương lúc lắc. Đọc phong thư, ăn kẹo bánh, bắt nghiện. Một hồi, mỗi khi ngụ binh cứ nói lóng “đi tìm lê” có nghĩa là đi tìm phong thư, tìm mối giao thiệp với ta. Đồn Tây triệt thể nào cũng có cách trốn đi tìm lê được.

Giữa năm ấy, các kế hoạch sửa soạn chiến dịch thu đông lại đã bí mật bắt đầu. Ngụy vận đường số 4 hoạt động mạnh hẳn lên. Có một số tài liệu cần phải gửi vào đồn Thất Khê. Kiên Quyết về nói với Lạn:

- Chị Lạn ơi, chị Lạn đi Thất Khê nhé!

Lạn đi chợ Thất Khê hôm phiên chợ đó. Lạn không nói. Kiên Quyết không nói. Nhưng mẹ và Kim dường như biết công việc của chị. Mỗi lúc chị Lạn sắp đi, Kim mới phụng phịu: “Mẹ không được vào đồn Thất Khê, mẹ không được gặp thằng pác-ti-dăng nhé. Chúng nó muốn giết con ở Nà Khuổi rồi, con đã kể cho mẹ nghe, mẹ còn nhớ chứ? Anh Kiên Quyết còn nhớ chứ?”

Lạn đi rồi. Lạn đi được một hôm, Kiên Quyết xuống trụ sở bàn với xã đội cho thêm du kích đi gác đường đón chị Lạn. Buổi sáng ấy thật sốt ruột, Lạn vẫn chưa về. Kim đi theo Kiên Quyết lên đầu lũng.

Kim vào vườn tìm lê. Kiên Quyết trèo lên một móm đá cao nhìn ra lối đường tắt ngoài bờ sông vào đồn Nà Khuổi. Cái làng vắng lặng bỏ hoang làm cho Kiên Quyết nghĩ đến chị Lạn.

Một vệt áo chàm đung dẩy và cái nón ánh trắng dưới thung. Trông rõ cả Lạn đương xắn quần lội qua sông. Một vệt chàm khác từ trong đồi vụt ra. Đây là Kim. Tưởng nó trèo lê dưới vườn, ai ngờ nó ra rình đón mẹ. Hai mẹ con chiu vào nhau, rồi khuất vào bóng cây. Kiên Quyết cố ngồi rón lại, đợi trông cho hai du kích gác bờ sông vào nốt, bấy giờ mới nhảy xuống.

Mẹ con Lạn đã đương ngồi gọt lê. Kim cười cười, nói nói, khoe cái gì với mẹ. Kiên Quyết chạy sầm đến, nắm tay Lạn: “Kết quả nò? Kết quả nò?” Lạn đưa cho Kiên Quyết một cái thư, và nói:

- Gặp cả bố thằng Vầu. Nó gửi cho mẹ Vầu cái hộp đựng trà. Nó buồn lắm. Kiên Quyết à. Nó bảo bây giờ vợ nó lấy chồng rồi, nó chẳng còn cái gì nữa, nó chết cũng bằng con ma không có ai cúng giỗ. Nó khóc rồi nó đi mua cái hộp trà. Nó bảo: “Bạn sau có đi chợ thì rủ vợ tôi đi, cho tôi được gặp.”

Thằng Kim xiu mặt, vút qua lê xuống đất. Kiên Quyết biết Kim giận mẹ lắm, liền nói tránh đi:

- Chợ Thất Khê có nhiều thứ không?
- Không có một quả lê nào. Thằng bố Vầu nó bảo cái đời pác-ti-dăng...
- Giết chết thằng bố Vầu!

Chị Lạn mắng con:

- Không được nói nhảm!
- Thôi bây giờ chị Lạn, Kim nữa, ta vào hái lê về ăn.

Cuối mùa, quả lê đỏ mọng, sẫm, Lạn vít xuống, đỡ từng quả, bỏ vào một cái túi chàm.

- Ngày trước, cứ tháng này xe ngựa Thất Khê, Lạng Sơn về mua đi từng vườn. Bao giờ độc lập để có người về mua lê?

Kiên Quyết như đang theo đuổi một ý nghĩ trong đầu, rồi gật cười:

- Gần thôi, gần rồi.

Lạn vụt nghĩ đến Mười, cái đêm đám cưới của em Mười. Chị thở dài:

- Anh đừng chủ quan quá.

Rồi lại hỏi:

- Thế liệu Tết này có xuống làng được không?

Xuống làng. Cái Tết trong làng sao mà đầm ấm. Đuôi những quả còn bay vi vút. Cả làng ăn cỗ đoàn kết giữa đồng. Lạn thấy phơi phới. Lại hỏi:

- A, Tết mà được xuống làng thì đồng chí Kiên Quyết được về Cao Bằng ăn Tết với vợ con nhỉ? Đồng chí quê ở huyện nào?

Kiên Quyết còn đương nghĩ câu trả lời để chữa câu nói “chủ quan” của mình, nên chỉ phảng phất bên tai câu hỏi của chị Lạn. Dần dần anh nhớ rõ ra, hơi lạ, anh chưa hiểu hết ý nghĩa của câu hỏi. Lạn dừng đình nhai trà, đôi mắt lừ đừ. Kiên Quyết bắt đầu nhận ra cái nhìn nồng nàn ấy. Anh nghĩ một câu trả lời ý tứ: “Làng tôi cũng ở lũng, vợ tôi cũng như chị, chắc cũng đang mong xuống

làng”. Nhưng anh không nói.

Rồi hết mùa lê. Một hôm, chủ tịch xã đeo khẩu súng trường Nga, nòng dài nghêu, đi từng lán nói vào: “Chuẩn bị! Chuẩn bị!” Mọi người ngó ra cửa hang thấy tháng Mười tới, gió se se lạnh đã thổi vào trong khe đá.

Lại như năm trước, mọi người chuẩn bị đi tiếp tế cho chiến dịch.

Đội tiếp tế đầu tiên buổi sáng ấy đi. Bộ đội về lấy dẫn đi về phía nam bờ sông. Mọi người đoán ta sắp đánh Thất Khê. “Đánh rắn phải đánh đập đầu trước. Thất Khê là cái đầu rắn!” Trong các lũng ồn hân lên.

Đội phụ nữ tiếp tế đi, Lạn cũng đi rồi. Bà Ké xuống lán trụ sở:

- Cháu ơi! Chính phủ còn tiếp tế nữa không?

- Bà nội hỏi làm gì?

- Tao cũng đi.

- Không ai cho bà nội đi đâu.

Bà Ké nói to:

- Không, không, mày giấu tao à?

- Tôi giấu bà nội cái gì, khổ quá!

Bà Ké như sắp hét lên:

- Bộ đội sắp đánh đồn Nà Khuổi, tao biết rồi. Đừng giấu tao. Bộ đội đánh đồn Nà Khuổi, mày phải cho tao đi, cho tao đi.

Chủ tịch xã nhớ cái đêm say rượu, loạng choạng chạy theo Mười, nhớ những lúc bà Ké, chị Lạn như sắp điên, cả ngày lẩn thân ra bờ sông, nhìn lên đồn Nà Khuổi, ai giữ thế nào cũng không được. Thằng Mười bị bắt về đấy.

Chủ tịch bèn nói: “Được, được”. Bà Ké gắng lại cho chắc chắn: “Tao đi được chứ?”, “Được, được. Bà cứ đi. Mẹ bộ đội mà đi tiếp tế thì bộ đội sướng bao nhiêu rồi”.

Từ các hang, các lũng, từng đoàn người đi ra trong mưa, trong sương mù. Chiếc lá ray che túi đựng lương thực. Nước nhỏ lộp độp trên cái lá vung vẩy, ướt cả nắm ngô bung, ướt cả vai áo thấm xuống lưng. Họ đi tới kho gạo đặt kín xé phía dưới Thất Khê.

Nhưng gạo chưa tới. Ba mươi tấn gạo của các huyện đương được đưa ra mặt trận. Kho chuyên kho, vai chuyên vai. Trời mưa lâm, lúa đổ đầy đồng mà không gặt được. Nhưng không thể đợi tạnh

ráo, các làng đội nón đi xén từng nạm về hơ, rang, đập, tuốt, rồi xay giã, gánh đi. Ba mươi hai tấn gạo, mặt trận đương chờ. Hàng nghìn vai quây cũng chưa kịp. Kho ngay giữa trời, quân lương không cần vào sổ nhập, cứ nhập đến gánh nào là đã có vai khác đợi sẵn, đỡ đi luôn. Vẫn chưa xuể, vẫn chưa kịp, bộ đội lên mặt trận đông không biết đâu mà đếm, người đi ngày đi đêm, gạo đi ngày đi đêm. Các ban xã, ban huyện cuống quýt lo tìm thêm cách chuyên chở.

Sông Vạn Thủy, sông Bắc Khê mùa lạnh, cạn trơ gờ đá. Bè khô nó trôi được. Nhưng đã có cách. Bốn năm làng đi chặt nứa, kết bè. Những làng phía trên, giáp đồn, gần ngã ba sông Kỳ Cùng, chỗ đặt kho tiền tuyến thì người ta đắp bờ cản cho nước dềnh cao lên, đủ thả mảng. Nhưng hàng chục năm nay, không ai buôn bè, không ai xuôi muối, xuôi dầu hồi xuống bán ở Thất Khê, những tay đẩy mảng thành thạo cũng ít còn ở nhà. Làm thế nào tải được gạo đi? Ba hôm sau, bờ sông đã nhộn nhịp các cụ lão ông. Các cụ khắp huyện kéo về, mỗi cụ nghênh ngang trong tay một cây sào hóp dài. Con cháu đã tìm ra được những tay sào cứng ngày trước.

Trời vẫn mưa, vẫn sương mù. Quá trưa, loạt mảng đầu tiên mười cái của các cụ lừ lừ trôi vào. Bến kho đông nghịt. Người đỡ gạo, quây đi trong mưa phùn. Các cụ lên bờ, ngực áo phanh trần, phì phò thở. Có cụ cỡi nạm rượu trong thắt lưng ra tu. Một tốp chị em trong Thất Khê ra đi dân công xuống mảng, tay bám nối nhau, bám ngón chân cắm xuống đất dốc. Các cụ nói:

- Chúng tao ở ngoài nghe nói các cháu trong này ở với Tây sung sướng, thế sao mà áo rách, áo bạc thế kia?

Có chị đáp:

- Ông nội, ông ngoại ơi! Ở với Tây rách áo, lại rách cả mặt nữa đấy.

Rồi nhiều chị túi thân vùng vằng quây đi ngay.

Lặn đưa gạo vào tận xóm Nà Nghiều, cách Thất Khê độ ba cây số.

Nà Nghiều vài nóc nhà, có nhà chỉ trống hốc bốn cái cột. Một người đàn bà ngồi bên bếp lom đom lửa ngược mắt chào: “Các chị đi tiếp tế vui nhì”. Người đàn bà ấy lòa cả hai mắt. Bên cạnh, một cô bé chừng mười lăm tuổi, mặt húp híp xì xuống.

- Các chị ơi! Người mù, người trẻ con mà. Tây cũng muốn bắt hết cả đi. Bố nó, người ta bảo không còn nữa rồi. Khổ lắm, mẹ con tôi lấy gì nên ăn?

Bỗng nhiên, từ phía Thất Khê, sương và bóng tối còn mù mịt, một chập moóc-chi-ê đỏ như những cái bắp chuối lao về. Uỳnh... uỳnh... Người đàn bà lòa ngẩng mặt lên, theo thói quen, mím cười hỏi:

- Có phải ta đánh Thất Khê không?

Nhưng cô gái hốt hoảng nói:

- Không, moóc-chi-ê của nó đấy!

Các chị dân công chỉ còn kịp trông thấy cô bé hấp tấp dắt mẹ xuống thang và người đàn bà lòa ngửa mặt lên nức nở khóc. Ai nấy đều thấy tự dưng ngượng. Muốn nói với theo người đàn bà lòa một câu, nhưng không biết nói gì. Lát sau, có lệnh rút lui trở về.

Tập trung ở trạm tải thương ven sông. Buổi trưa cũng chưa đi đâu, rồi có tin đến báo: “Các chị về thôi, không đánh Thất Khê, ta hết nhiệm vụ rồi”. Về cũng mưa như hôm đi. Ai nấy, hậm hực và buồn, cả ngày không ai nói một câu.

Một năm qua.

Bảy giờ giữa tháng Tám (âm lịch) năm 1950, một buổi sáng, chủ tịch xã đội, ông Liên Việt xã, chị Mai Khuê, bí thư phụ nữ, mấy anh nữa, tăng tá đi qua các xóm lại ngó lên từng nhà mà hét to: “Chuẩn bị! Chuẩn bị!”. Trong rừng hòi, trong vườn lê, ngoài trời sương mờ mịt cũng như vang vang hai tiếng: “Chuẩn bị! Chuẩn bị!”

Làng làng lại đi tiếp tế. Về quan trọng hơn mọi năm, khác mọi năm.

Tối nào xã đội cũng họp các giới cho học tập các tài liệu của ban huy động huyện đưa xuống.

Chị Lạn lại tới tới vác đuốc đi dự. Một tối kia, tan họp, Mai Khuê gọi Lạn ra một chỗ, ngập ngừng rồi nói:

- Thôi để mai em đến nhà. Mai chị đừng đi nương buổi sáng, em muốn nói câu chuyện.
- Có việc gì thế?
- Mai nói nhân thể.

Mai Khuê tắt tá đi. Nhưng dường như Lạn đã đoán được việc ấy.

Có người, người nào không ai biết, đi chợ Thất Khê về nói rằng trông thấy bố thằng Kim đóng lon quan đội ở Thất Khê. Bố Kim nói vừa mới ở bên Tây về đương muốn bắt liên lạc với nhà.

Tối hôm ấy, Lạn ngồi xay ngô, sấm sủa lương thực đi dân công, chốc chốc lại nhìn con, thờ dài. Kim đương thịt con gà làm “rau xanh” cho mẹ ăn đường. Nó chặt mạnh tay dao bắn cả miếng thịt ra sàn. Nó chửi: “Ê mẹ chó mù.” Nó đang cúi. Nó lau nhàu: “Pạc-ti-dăng rồi, không quý đâu, không phải bố đâu. Giời ơi, giời báo anh Kiên Quyết về ngay, tao chỉ mượn quả lựu đạn, tao vào Thất Khê ném chết nó đi. Nó sống không nên đâu. Nó trối người ta vào lô cốt. Nó trối tao vào lô cốt đấy”. Kim lại chửi. Kim chưa biết mặt bố. Nhưng mà nó cứ tưởng tượng thấy một người pạc-ti-dăng răng vàng đầu để tóc húi cua, nó đã xấu hổ, nó muốn ném lựu đạn vào mặt ngay. Nó vẫn không thể quên cái lô cốt đồn Nà Khuổi, có hai pạc-ti-dăng với một thằng Pháp vào xích chân nó treo ngược lên. Cái sẹo còn lằn cộm vòng quanh cổ chân đấy. Sờ thấy, nhắm mắt vẫn trông rõ.

Chủ tịch xã và chị Mai Khuê đến.

- Chiến dịch sắp đến nơi rồi, phải tuyệt đối giữ bí mật mà chúng tôi biết chị có tin tức ra vào

Thất Khê nhiều quá, có thể nào thì chết thể đây.

- Không, không, có gì đâu.

Mai Khuê nói nhỏ:

- Hay là chị Lạn đừng đi dân công nữa.

Bà Ké không nhẹ nhàng được như chủ tịch và chị bí thư, bà Ké nói choang choác:

- Mẹ con tao bao nhiêu năm ở hang, ở lán, người mất, người còn, đêm nằm chỉ mong chóng sáng cho thấy độc lập, mẹ con tao ngồi đây mà chúng mày dám nói những câu ấy à? Tin tức đâu? Ai báo tin tức? Ai đi Thất Khê?

Lạn, hai mắt mọng đỏ, đến trước mặt Mai Khuê:

- Mai Khuê, mày bảo tao là Việt gian à?

Mai Khuê vuốt vai áo Lạn.

- Không đâu, không đâu, chị dâu em à, chị cứ đi dân công.

Hôm sau, dân công bắt đầu đi. Ở trạm tiếp phát, toán phụ nữ Nà Khuổi chia thành ba tốp. Một bọn lại được lệnh vào Nà Nghiều. Những ai năm ngoái suốt đêm không chợp mắt được ở Nà Nghiều đoán chắc ta lại sắp đánh Thất Khê. Và họ nhớ đến mẹ con người đàn bà lòa nói: “Khổ lắm! Khổ lắm!” Nhớ tha thiết như một điều mong mỏi bấy lâu. Thế nào ta cũng đánh Thất Khê.

Tiếng súng phía Thất Khê nổ rầm suốt đêm.

Một toán cán bộ thương về trạm cấp cứu tiểu đoàn vừa tới đặt ở Nà Nghiều. Bọn chị Lạn xung phong ở lại tải thương để các chị kia được về lại đơn vị.

Cái xóm Nà Nghiều năm nay chỉ còn một rừng cỏ hoang.

Anh em thương binh mới ra đòi uống nước. Chưa có gạo tẻ, các chị phải lấy gạo của mình nấu cháo loãng thay nước. Có chị thương bộ đội quá, khóc từ lúc nãy, giờ vẫn thút thít.

Lạn thoáng nghe trên cánh có tiếng rên liền chạy lên, thấy mảnh chăn trong cái cánh lúc nãy đã xô về một bên. “Em kê lại đầu cho anh nè!”. Chị kéo chăn che kín cái tay trong chăn vừa tuột ra. Cái cổ tay nhợt nhạt có thím chàm một đồng tiền. Chị nhìn lại anh thương binh: đầu húi ngắn, mặt trắng bệch, hai má chầy phệ. Chị ngơ. Chị nhìn lại. Rồi chị nhón nhấc trông ra bờ suối: bọn cái Vầu đương nấu cháo, xúm xít cả dưới ấy. Chị bình tĩnh quay lại, cúi xuống, khe khẽ hỏi:

- Anh... là pác-ti-dăng à?

Người ấy mở mắt, gật đầu. Muốn nói, nhưng cổ khô khè không bật ra tiếng. Lạn đã đứng lên đi

qua từng cái cẳng, mở chấn, coi từng anh. Chỉ có một nó thôi, một nó thôi. Ta khiêng nhăm nó về. Các bộ đội thương binh đều tóc dài, má, mắt hăm sâu, da sốt rét xám, các anh đều bị thương ai cũng đều như nhau thế.

Có thể người pác-ti-dăng này ở trong đồn Thất Khê? Chị Lạn toan hỏi, thì tiếng bộ đội gọi Lạn xuống.

Lát sau, Vầu xăm xăm chạy ra kéo Lạn, hốt hải: “Lạn, Lạn! Tao với mày vừa mất công tải nhăm thằng pác-ti-dăng”.

- Sao biết?

- Tao đem cháo lên, nó bảo nó là khó đồ. Tao trông đúng lắm. Tao báo với bộ đội rồi...

Chị Lạn sừng sốt:

- Báo rồi à? Báo thế nào?

- Tao không khiêng thằng toi ấy nữa để cho nó chết thôi.

Nhưng chị Lạn đã lên bên cẳng. Chiếc “hộp” sắt nghi ngút bốc hơi cháo dưới cò. Người bị thương mở to đôi mắt cầu cứu, kinh sợ. Lạn khề hỏi:

- Ăn cháo nhé?

Chị Lạn đổ nước cháo ra bát từng ít một. Rồi tay nâng gáy, một gối tì lên cái chấn dạ để đầu người bị thương cao lên một chút, chị nghiêng bát nước cháo đổ cho người ấy húp. Buổi chiều vàng sẫm hắt lên những cái bóng chạy đi chạy lại, hắt lên tiếng anh bộ đội và các chị nấu cháo đương nói lao xao: “Thế à, thế à, chúng em không bằng lòng để cái cẳng ấy cùng một chỗ với cẳng bộ đội ta. Không, không...”.

Người ngụ lính bị thương lắc đầu không muốn ăn nữa. Rồi lại rên rĩ như đứt ruột gan ra. Lạn hỏi. Nhưng người ấy dường sắp ngất không biết nữa.

Lúc này, làm sao mà Lạn bồi hồi nghĩ đến cái tháng Chín đau đớn trong đời chị. Thỏ phi cướp của, để quốc cướp chồng, có con bò phải dắt đi bán nốt, còn một mình ôm con về ở với mẹ. Nước mắt chị tràn xuống má. Không, bỏ thằng Kim nhất định không như người Việt gian kia.

- Anh có phải ở Thất Khê ra đấy không? Anh có biết bố Kim không?

Người khó đồ vẫn rên, quần quai, rồi lặng ngắt, có lẽ người ấy chết rồi. Trời đã tối sẫm. Ngoài kia, nhiều thương binh vẫn khát, đòi nước. Những vết thương sơ cứu ngoài mặt trận bây giờ lại rỉ máu. Thật khổ. Nhưng vừa may, đại bộ phận của quân y đã tới.

Lịch kịch sốt, hòm gỗ. Chưa thấy người đã nghe ồn ào từ đằng xa, những tiếng điệp nhau, nhắc lại giống nhau, ồn ào tới như một câu hát: “Thất Khê lấy được rồi. Lấy được Thất Khê rồi... Thất

Khê...”, “Ai bảo thế?”, “Ông y sĩ ngoài trạm giải phẫu về bảo thế. Ban chỉ huy trận địa gọi tê-lê-phôn báo tin”.

Y tá trưởng xách cái đèn bão sáng vung vẩy đi tới.

- Đúng đây. Trạm ta giờ thành trạm giải phẫu, thương binh để cả đây. Ban huy động có lệnh gọi hết dân công vào Thất Khê.

Nhiều người kêu ré lên.

- Bình tĩnh, bình tĩnh. Tàn binh nó còn cả lũ nấp trong rừng ấy. Các chị đi đi thôi.

Lạn chạy xuống theo chị em. Lại tiếng reo rập rờn đến sau lưng. Rồi lũ lượt nữa ào tới, toàn dân công. Lạn nhận được ra cả cô bé Nà Nghiều con người đàn bà lò nặm năm ngoái, cô ấy đương vung bó đuốc.

- Em à? Cho chị nhờ lửa với. Mẹ em đâu?

Cô bé ngẩn ra, rồi bấu chặt vai áo Lạn. Cô bé giơ cả bó đuốc chỉ lên Thất Khê: “Chị ơi! Đi đi”... Nói không nên lời nữa, cô bé cứ bấu vai áo Lạn giơ đuốc, hai người chạy vào Thất Khê.

Tin đồn Thất Khê giải phóng tràn trên các cánh đồng lúa đương chín. Người ta ra công gặt, gặt suốt cả trưa, cả chiều, cả tối. Bà Ké, nghe rõ tiếng thằng Kim the the nói loa. Nó nói thay cho người thông tin đã đi dân công. Bà ngược lên mặt ruộng, nắm tay chậm chạp đâm lưng nhìn về phía có tiếng loa.

Kim đến hỏi bà:

- Bà nghe rõ rồi chứ?

Bà Ké buông cun lúa:

- Bà xuống Thất Khê bây giờ đây.

Kim reo:

- Để cháu đi gặt đôi cho bà.

Rồi Kim nhảy xuống ruộng lúa.

Bà Ké đến trụ sở ủy ban xã. Chủ tịch vừa ngoài ruộng về, gánh thóc còn đặt ngang giữa cửa.

- Bà đi không được đâu. Đã bảo mà...

- Không cho tao xung phong à?

- Cháu bảo thật. Thất Khê bây giờ có một rừng người, cũng chưa thấy được anh Mười đâu.

Bà Ké mếu máo:

- Cái ma mày rửa tao rồi, cháu ơi!

Thế rồi khác những lần trước, chủ tịch vội gật lia lia: “Được, được, được, được. Cháu viết tên bà vào đầu danh sách dân công bất thường đây”.

- Cháu viết cho tao được đi ngay.

Chủ tịch rút bút máy ra viết luôn.

Bà Ké đi. Bà Ké và chị Lạn, hai mẹ con gặp nhau ở công trường vận tải. Trông thấy mẹ, Lạn cau mặt. Bà cười: “Mày không biết, tao vui lắm”.

Mà vui thật. Đường Thất Khê xuống Nà Sầm, người chen vai, đông như hội, đi nhanh, đi như nước chảy. Hai mẹ con bà Ké man mác giữa mọi người, bộ đội, dân công, hàng binh, người hồi cư, ô tô, trâu gặm cỏ sườn đồi, hàng đàn nhận liệng ra, báo hiệu trời lại muốn mưa rét nữa.

Mưa bụi bắt đầu phun phớt. Chốc lại bắt kịp mấy người thông tin xách thùng mực luống cuống chạy giật lùi, phết lên những khẩu hiệu sẵn có trên đường, trên những tấm bảng gỗ, những mô đá, những cổng chào mừng chiến thắng ở đầu các làng, các phố, các chợ, một lô chữ mới: *Nà Sầm, Đồng Đăng, Lộc Bình giải phóng* đen nhánh, hắc ín, chữ viết càng về sau càng vội, càng bôi rồi, lí nhí, nguệch ngoạc, quên hết cả dấu.

Thằng Kim, quần xắn quá đầu gối, hót hải dưới bên lên, ôm choàng bà Ké, rồi quay lại thao láo mắt nhìn mẹ. Kim líu tíu: “Loa con gọi tin giải phóng cả ngày. Dân công làng ta mới ở Thất Khê về lại đi luôn Nà Sầm. Con mong quá. Con đợi mãi. Con lo quá. Người ta đi hết không có ai nghe loa nữa. Con cũng đi...”.

Rồi mẹ con, bà cháu riu rít, lúc đi, lúc chạy, bát ngát người ồn ào, cuộn cuộn. Chốc chốc thằng Kim căng lên, mách mẹ, mách bà:

- Mẹ kìa, nhiều quá, nhiều quá.

Một cái ô tô chạy qua, chao ôi, ô tô cũng muốn đứng lại, ô tô phải cố mới lách bánh lên được.

Kim bỗng nhú mắt, nghên cổ:

- Mẹ kìa...

Gì nữa? Một đoàn người nửa nghìn nghịt tiến lại. Kim tỉnh lắm. Kim bảo: “Lính pạc-ti-dăng bị bắt làm tù binh đấy mà”. Thế là nó nín lặng, hai tay nắm chặt lại.

Kim nhìn theo, nó nhắc đi nhắc lại:

- Nhiều pạc-ti-dăng lắm... đêm không xuể...

Nhưng không thấy bà Ké nhắc lại, nó lại nói:

- Bắt được nhiều pác-ti-dăng thế, ai đi làm cán bộ địch nguy vận? Không thấy anh Kiên Quyết, bà nhi?

Kim ngẩng mặt đợi bà nói theo. Nhưng Kim không thấy mẹ với bà nói gì. Từ nãy, trông đoàn tù binh, hai mẹ con đột nhiên nhớ bố Kim, nhớ thằng Mười. Kim không khoe bà nữa. Nó cũng im lặng.

Về tới đầu nhà thì thấy đồng chí Kiên Quyết bước ra. Bắt tay bà Ké. Bắt tay Lạn. Kim ôm chầm lấy, nhảy búa vai Kiên Quyết.

- Tôi về mời mẹ, mời chị Lạn đi dự tiệc tình mừng đoàn kết, chiến thắng, mẹ mặc áo mới vào. Đi ngay bây giờ, mẹ ạ.

Trông thấy Kiên Quyết, đôi mắt Lạn đương thăm thăm, bỗng tương bùng lên.

Kiên Quyết về vừa lúc. Bà Ké thì nghĩ: “Như của cái về đến. Độc lập đến rồi”. Kim được thế, càng nhảy tót lên. Rồi rút đòi mẹ lấy quần áo mới. Bà Ké mở hòm lấy vòng ra đeo. Mấy năm nay mới lại đeo chiếc vòng bạc to. Bà Ké sờ tay thấy nó rộng quá xuống đến nửa vai. Bà già đi nhiều rồi. Nhưng bà Ké lúc này có cần gì thấy như thế, bởi vì hình như bà đã trông thấy chóc nữa kia, mâm cơm đoàn kết của tỉnh, bên anh Kiên Quyết, có thể có cả thằng Mười ngồi đấy. Lạn thì nghĩ có thể có cả bố thằng Kim nữa. Mỗi người một hy vọng.

Cả nhà xênh xang đứng ven đường cái đợi ô tô.

Một đoàn ô tô đến. Xe dừng lại mời mọi người lên. Nhiều người đi tỉnh ăn cơm đoàn kết chiến thắng. Người Thổ, người Nùng trên Chi Lăng. Người Mán Thêu ở Ba Sơn về.

Kim búa chặt vai đồng chí Kiên Quyết, nghển cổ nhìn ra ngoài xe. Kim reo: “Bà ơi! Kia cò! Cò!”.

Bà Ké nhìn theo ánh mắt thằng bé. Bấy giờ ô tô đương vào tỉnh. Đoàn xe bon bon vào buổi chiều ngày hội. Xe cứ chạy, mỗi lúc xung quanh càng trào lên, reo lên, những người, những cò. Và đèn điện khắp nơi vừa bật, như sao trên trời nhảy xuống múa lấp lánh trong cây. Bà Ké, chị Lạn, cả những người Nùng, người Mán Thêu, người Mèo ngồi trong xe, ngay cả cán bộ Kiên Quyết cũng ngó ra. Bao nhiêu hy vọng, mỗi người một hy vọng khác trong cái tung bùng chung của đất quê.

Cứu đất cứu mường

Phải năm đất nước loạn lạc, núi lở sông cạn

Cuối đồng mường ta rậm cỏ, Tây ác đóng

Ngọn suối mường ta cạn nước, thổ ác đóng

Người trong mường ta phải đem nhau đi ăn rừng ở nương

Đã bao nhiêu tháng

Còn đến bao nhiêu năm...

(Bài hát Mường ở châu Phù Yên)

Con chim kỳ xanh biếc, chân đỏ.

Ít ai trông thấy chim kỳ, chỉ nghe tiếng nó thánh thót cao thấp như tiếng kèn gọi phường săn. Nghe tiếng, người ta bảo điềm lành.

Một hôm nghe tiếng chim kỳ cuốn dài theo gió từ khe Mông Mang đưa ra, ai cũng thấy mùa đông đương trở lại, có những điều tốt lành lại theo. Đây là mùa gặt hái sắp tới.

Mùa gặt hái lại đã đến trên khu du kích.

Nhưng hai bên sườn núi trong các lũng vẫn sừng sững một màu đá xám ngắt, không thấy đâu một chút vàng lúa chín. Vẫn chỉ nghe tiếng chim lẫn quất kêu trong gió và trong sương mù.

Nhưng thực ra lúc này ở trong rừng sâu đâu đâu cũng đương tấp nập. Các tổ tăng gia cứ tới tới lại họp để tính đổi công gặt. Du kích thì xuống gác tận chân núi. Các vọng mõ báo động cũng được đặt lại. Theo kế hoạch bảo vệ mùa, người ta lại chuẩn bị các bẫy đá, các dõc, các khe lại đặt chông thuốc độc mới.

Trong khi đó thì ở phía đồn Tây dưới Mường Cơi cũng nhận nhíp bắt đầu những “công việc ngày mùa”: ngày ngày sửa soạn rục rịch lên núi cướp phá để triệt lương ăn của khu du kích.

Mùa năm nào cũng vậy.

Những nương âm thầm cứ dần dần vàng hoe rồi đỏ ngọt trong khe sâu. Các tổ đổi công lần lượt, mãi miết gặt. Quân Tây như mưa lũ, biết được nó ào lên lúc nào! Người ta bảo: “Việc ta ta cứ làm, còn mày muốn càn lúc nào là việc của mày. Đợi mà chạy mày chỉ thêm sốt ruột”. Cho nên, công việc ngày mùa trên các lũng tuy vội vã, nhưng vẫn tuần tự như thường.

Giữa lúc ấy, nghe tin có một đoàn dân công đương tải muối và lưỡi dao, cuốc từ phía sông Thao vào qua. Nửa tháng trèo núi, đến đây, đoàn người dừng lại. Một số trở ra để nhặt hàng và đánh dấu lại mấy nơi đã chôn cất người chết đường. Những ngày lặn lội, không thể cố gắng vượt nổi, họ đã bỏ mình trên lưng chừng núi. Dân công dừng lại ở đây cũng để lấy thêm người khu du kích đi vác tiếp vai cho đoàn vận tải, còn đi được nữa. Muối, cày cuốc và súng đạn vẫn không ngừng lại, vẫn đi vào nữa. Dù rằng các khu du kích ở trong núi đã mấy năm không biết mặt hạt muối, không ngửi một hơi khói thuốc Lào, không thấy đâu một vuông vải mới nhưng đoàn dân công vận tải vẫn đi vào, bởi vì các khu du kích xa trong kia còn gian khổ nhiều hơn nữa.

Nhưng ai cũng lặng lẽ, hồi hộp, mong đợi, mong đợi một cái gì khác. Có cán bộ đi sẽ có cán bộ ở. Cán bộ, bộ đội, dân công càng đi sâu vào, càng được trông thấy đất nước nơi nào cũng đều đứng lên đánh Tây.

Hôm đoàn dân công lại đi, có đồng người các lũng đã bỏ cả gặt, cứ đứng trên mỏm núi nhìn ra cánh rừng đương thoai thoải xuống sông Đà. Chẳng biết có ai thật trông thấy đoàn người đi không, nhưng rồi lũng nọ đồn lũng kia: Đông lắm... mỗi người một vác trên vai... tôi trông thấy đồng chí Sơn đi... đồng chí Sơn đi với mấy người đi đầu...

Người các lũng náo nức thăm hỏi đoàn đi, không phải chỉ vì có dân công, bộ đội đi qua mà còn vì trong đoàn đi ấy có Sơn là một đội viên đội võ trang sau cùng lên đường vượt sông Đà sang Mường La, tiến sâu hơn nữa, để bắt mối với đội võ trang đã rải rác đi trước vào sâu từ hai năm nay.

Du kích Nhấn bừa qua bán được một con phượng hoàng đất. Nhấn nường vội một nửa đem xuống làm lương khô biếu Sơn đem đi ăn đường. Rồi Nhấn cứ lẻo đẻo theo Sơn, đưa Sơn xuống khỏi lũng, mặc dầu những đêm qua, đêm kia, Nhấn và Sơn đã trò chuyện dạn dò nhau suốt đêm không chợp mắt.

Nhấn đứng lại, ngo ngẩn nhìn Sơn, rồi Nhấn nói:

- Anh Sơn ơi! Tôi nói với anh Sơn chuyện này: tôi không phải người Mán, anh Sơn biết chưa?

Sơn biết chuyện ấy đã lâu, từ khi mới đến lũng. Nhấn thường hay nói, nhưng lần nào Nhấn nói lại cũng như nói một chuyện mới lạ. Tuy nhiên, Sơn đã hiểu khi nào Nhấn muốn nói lại như vậy là trong lòng Nhấn đương có một điều ngẫm nghĩ vừa như buồn bã, vừa như tin yêu. Cho nên Sơn im lặng, Sơn đợi Nhấn nói. Phải, Nhấn không phải người Dao. Dù cái áo tay chàm rộng rách lượm tướp kia, dù mái tóc kín gáy lại xõa xuống khuôn mặt sạm như một người ngồi khói cả mùa đông vừa bước ra cửa rừng kia, ai chỉ mới thoát trông tầm vóc người nhỏ lẩn và con mắt sắc, vành cằm nở, cũng biết được Nhấn không phải người Dao.

Nhấn nói:

- Năm xưa, mẹ tôi bán tôi lên Mán, tôi vừa đi vừa khóc, tôi bảo: “Mẹ để cho ta khổ một mình thế này, bao giờ ta biết cầm dao thì ta đi giết chết mẹ”. Nhưng đến khi tôi nhớn, bố nuôi tôi đem tôi xuống cho gặp lại mẹ, thấy mẹ chỉ khóc thì tôi cũng khóc, không còn nhớ đến con dao nữa. Mới biết mẹ con tôi ai cũng khổ cả, không biết làm thế nào cho hết được!

Nói đến đây Nhấn lại khóc:

- Năm ngoái, tôi trốn xuống Mương Còi tìm không thấy mẹ đâu. Chết đói hay Tây giết, châu đoàn giết mất rồi. Anh Sơn à, mùa này xong tôi lại xuống tìm mẹ tôi.

- Nếu tìm thấy thì Nhấn đón mẹ lên ở trên nương này.

- Phải rồi! Phải!

Nhấn hấp tấp nói, như chợt nghĩ ra, ánh mắt vui hẳn lên, nhìn Sơn.

Một lát sau, Sơn đã đi khuất. Nhấn đứng lại, Nhấn lại buồn. Bỗng dưng Nhấn nhớ đến mẹ mình.

Mẹ Nhấn, ngày trước, người làng gọi là cô Ảng. Cô Ảng xưa đã một thời đẹp nức tiếng đất Mương Còi. Lệ làng ở đây bắt người ta mỗi năm phải đi làm công [\[1\]](#), bắt cả công đàn bà. Chao ôi, những con gái đẹp nhà quan thì càng làm đẹp cửa đẹp nhà quan hơn, con cái nhà dân trắng mà đẹp thì chỉ sinh lo, sinh bệnh cho cha mẹ. Bố Ảng đã già yếu mà năm nào cũng phải chăm đi ở công thay con gái, vì cụ không muốn nhà quan nhìn được mặt con gái. Mẹ của Ảng thì bắt con mặc váy vá, quần thất lưng thêu, dùng đội khăn lụa trắng, cho đừng ai biết đã nhón rồi, đừng ai để một đuôi mắt nào tới nó.

Nhưng rồi một năm, bố không còn sức đi ở thay con được, Ảng đã phải đi làm công cho tri châu Né. Ngày ngày Ảng tìm cách lấy việc đi làm đồng xa để tránh làm trong nhà. Lúc về nhà châu Né, Ảng tìm chỗ ngồi trốn giữa mấy chục người dân ngồi xôm hầu dân quan. Mẹ đã dặn: “Đừng để ai nhìn thấy mặt mày!”.

Thế rồi tri châu Né cũng nhìn thấy mặt Ảng. Bởi nhà quan đã quen tìm người hầu trong đám người dân tới ở công rồi. Ảng phải đi ở hầu quan từ đấy. Bố mẹ không còn biết đâu có cửa nào to hơn, cao hơn nữa mà kêu oan cho con gái được. Người con gái mười bảy đành đem thân đi nâng giắc ông lão bảy mươi. Tối ngày Ảng ngồi một xó nhà, rót nước, nướng thịt, bung xôi, đun nước tắm. Con mắt mờ mịt không còn lúc nào ngược trông ra thấy được mùa nào có con chim nào đã về qua dưới cửa sổ.

Ngót mười năm nay đầy đọa Ảng rồi, tri châu Né chết. Ảng được trở về làng. Người con gái trong mường đi lấy chồng xa trở về làng, như người ta mong ước: chồng thì tay dất trâu, vai gánh gà vịt; vợ thì quây ninh, quây nôi, lưng đeo con nhỏ. Nhưng cô Ảng ở nhà quan trở về chỉ đeo một túi quần áo và đi một mình. Bố mẹ không còn nữa. Bố mẹ buồn khổ chết đã lâu rồi.

Ảng từ nhà châu Né về, nhưng từ đấy lại thành ra người chuyên tay của các quan châu, quan làng, những ông chúa đất ở Mương Còi, ở Mương Vạt, ở Mương La. Ảng không đi hầu riêng ai, mà Ảng phải đi hầu khắp mọi người quan. Mỗi lần tri châu, châu đoàn về Mương Còi, là đất lắm cánh đẹp, để đi săn, đi chơi hang đá, đi tắm suối nước nóng ngày Tết, các quan đều cho gọi Ảng theo hầu rượu, hầu thuốc phiện, hầu chần đẽm. Tan cuộc chơi lại cho cô Ảng về. Bấy giờ tuy Ảng còn trẻ đẹp, nhưng dân trắng trong làng thì không ai dám lấy. Người ta sợ quan, mà người ta cũng khinh

hạng đàn bà là người thừa, người không biết làm ăn gì. Ảng khiếp sợ cái đời sống ấy. Nhưng Ảng còn biết làm thế nào? Ở đâu cũng một đất nước của quan châu.

Cô Ảng sinh được hai con, cũng không biết bố nó đích thực là người quan nào. Không nhà quan nào ra nhận mặt con. Nhưng mỗi cuộc săn, mỗi chuyến đi tắm suối nước nóng, đi chơi hang núi đá ngày Tết, các quan vẫn bắt cô Ảng đi hầu. Cô Ảng phải đem gửi con rồi đi hầu quan. Và tuy quan không nhận con, song lệ làng thì vẫn giữ nghiêm, các quan làng đã ngả vạ người đàn bà chùa buộm. Lệ làng phạt mỗi trẻ con đẻ hoang thì mẹ nó phải nộp làng mười hai đồng bạc hoa xòe. Những đứa con cô Ảng là trứng của nhà quan, nhưng nhà quan không nhận thì nó cũng chỉ bằng trứng con quạ, con cú trong rừng, cho nên làng mới phạt vạ. Cô Ảng phải đem một con lên núi cho người Dao, đổi lấy mười hai đồng bạc trắng về nộp làng. Vẫn chưa hết khổ. Không có chồng, trong nhà lại không có đàn ông, thế thì phép quan châu cũng không chia cho đàn bà được phần ruộng để làm [\[2\]](#).

Mẹ đành phải ôm con la liếm đi vét cối giã gạo ngoài suối xin ăn.

Mười mấy năm qua. Rách quá, ốm quá, chẳng mấy lâu mà người Mường Cơi đều đã gọi cô Ảng là bà lão Ảng, bà lão Ảng ăn mày.

Khi còn bình yên, Nhấn đã lớn, mỗi năm một lần, Nhấn đem một con gà xuống Mường Cơi biếu mẹ. Hai mẹ con thấy nhau chỉ khóc: “Con ơi! Vì mẹ khổ mà hai con của mẹ, đứa thì hóa ra trâu, đứa thì hóa ra bò”.

Ba năm nay, Pháp trở lại chiếm Mường Cơi, lập lại quan châu, quan mường. Các làng ven rừng không chịu cúi đầu, đều bỏ lên ở bí mật trên núi. Nhấn không xuống thăm mẹ được. Bà Ảng già cũng không biết đường nào lên núi. Có lần Nhấn xuống, phải khi đồn canh ngặt quá, không vào được làng. Nhưng nhiều người Thái, người Mường bỏ Mường Cơi chạy lên ở khu du kích, họ kể vẫn thấy bà lão Ảng còn sống, bà ở một mình. Hỏi: “Em tôi đâu, con gái bà ấy đâu?” Người ta chép miệng: “Đứa con gái lớn ấy lại phải đi hầu ông triều bà nàng nhà châu đoàn Cẩm Vàng rồi, lại đến bỏ đi thôi!”.

*

* *

Bỏ đi thôi! Bỏ đi thôi! Những tiếng ma rừng rợn, thì ào vang lại. Nhấn nắm vật xuống lịm đi. Nhưng rồi dần dần Nhấn nghĩ: “Không, không thể bỏ đi thôi. Mẹ ta, em ta sẽ lên đây ở. Rồi ta đi bộ đội như anh Sơn”.

Một hôm Nhấn nói với bố:

- Bố à, tôi muốn xuống Mường Cơi.

Ông Sênh đương mài dao, ngẩng mặt lên, trừng mắt hỏi, Nhấn bảo:

- Tôi đi đón mẹ, đón em lên làm nương cho ta đây.

Ông lão “ừ” một tiếng. Rồi lại cúi đầu mài miết đưa lưỡi dao trên hòn đá. Bao giờ Nhấn hỏi, Nhấn bần gị với ông Sênh, ông cũng “ừ”. Ông quý Nhấn, con nuôi cũng là con đẻ, ông chỉ có một mình Nhấn. Và chẳng, từ khi Sơn đến ở nhà ông, Sơn dạy chữ cho Nhấn, ông biết nó đã lớn khôn. Lại nữa, lúc này các lũng đương gặt, nhưng đã sắp đặt tất cả: người thì ở nương cũ canh thóc, người thì đi làm nương mới. Nhà ông có hai bố con, chưa biết ai ở, ai đi. Ừ, tìm mẹ con bà Ảng lên đây, có một việc dễ thế mà mấy năm nay đã nhiều người dưới làng bỏ Tây lên núi ở, sao ông chưa nghĩ ra?

Nhấn xuống Mường Cơi mười hôm, từ đầu mông trăng. Cả vùng mấy làng tập trung chen chúc dưới chân đôn, có chòi canh bốn phía, không phải ai vào cũng được, Nhấn ở ngoài ruộng đội, rồi một đêm, Nhấn trèo trộm được vào mường.

Nhấn tìm đến cái lều cối nước ở bờ suối người ta đã bỏ hoang. Mẹ Nhấn ở đấy. Câu đầu tiên Nhấn hỏi mẹ:

- Em tôi đâu?
- Phải vào ở nhà quan Cẩm Vàng rồi.
- Đã bao lâu?
- Hai năm nay.
- Nó có hay về với mẹ không?
- Từ khi đi chưa về lần nào.

Bà Ảng nói rồi khóc. Nhấn bảo:

- Rồi bộ đội ta về đón nó. Bây giờ mẹ đi với tôi.

Đêm ấy, Nhấn dắt mẹ đi. Cuối mông trăng, Nhấn mới về tới đến lũng. Nhấn công mẹ từ chân núi lên đến khe Mông Mang. Nhấn còn nhớ mãi lúc bấy giờ đi giữa hai khe núi có nương lúa chín vàng len lỏi cạnh từng hốc đá, tai lúc nào cũng nghe vi vu tiếng chim kỳ kêu bốn phía. Mẹ và con vừa đi vừa nói chuyện.

Ông Sênh ra tận đầu lũng đón hai mẹ con Nhấn.

- Bà Ảng hôm nay lên kháng chiến à?

Nước mắt bà Ảng giàn giụa:

- Tôi chỉ còn biết giữ nương như người sắp chết thôi.

Bấy giờ đương giữa mùa đông, các lũng bắt đầu đi phát nương mới.

Năm nào cũng vậy, mỗi năm phải đổi nương một lần. Người ta sợ ở đâu lâu, đồn Mường Cơi cần lên sẽ tìm được hết tung tích. Cho nên năm nào cũng phát nương, năm nào cùng đi tìm kiếm lục lợi ra những khe sâu nữa, cao nữa. Vần quanh hết núi này lại chuyển sang phía núi khác. Trên các mỏm đá, người ta cứ leo xuống các vách dựng đứng, quanh năm vang động tiếng vượn hú. Người leo sau, đàn vượn chạy trước. Người chiếm mất chân vách đá của đàn vượn. Trong sương mù lại nghe tiếng vượn vừa chạy vừa hú và tiếng chim kỳ kêu, càng xa thăm thẳm, lẫn tiếng cây người ta ngã xuống, đương rào rào đổ. Dưới chân đá chìa ra từng vạt rừng kín đáo, những vạt rừng chạy nghiêng dài theo khe giữa hai lòng núi khép vào nhau, rồi áp lại, khiến cho người đứng núi khác không trông thấy đất mới vỡ bí mật ở núi này được.

Trong lũng chỉ còn một mình bà Ảng ở lại trông nương. Theo tục mường, mỗi khi một nhà bỏ nương cũ thì để lại người già trông nương, trông kho đựng thóc và nuôi gà, bao giờ con cháu làm xong nương mới, có lúa ăn đầy đủ mới đón người già đi.

Những ngày đêm mưa tầm tã trên núi, tưởng không bao giờ dứt, cũng qua. Đám mây lam đốm xám như đuôi con sóc nối nhau bay quần sát ngọn cây, lê thê đi mãi, bây giờ cứ loáng thoáng nhạt dần, thỉnh thoảng dứt quãng, đã thấy lộ lộ đằng xa một bức vách đá trắng toát. Tiếng chim kỳ lại thánh thót gọi mưa tạnh, trong từng khoảng trời dịu xanh quang, tạnh ráo.

Trên một cây xoan có bậc thang đóng vát vào thân cây, bà Ảng ở túp lều cạnh xoan ấy - chiếc lều như một cái tổ chim. Lều gà cũng ở trên cành xoan với lều người. Quanh lều thông ra lô xô những dây dợ bắt dài vào nương sắn. Nếu có gấu, có nhím về đào sắn, bà giật dây. Bà Ảng đuổi thú rừng cả ngày, cả đêm.

Những đêm giông bão, bà Ảng vẫn thức. Mà sao bà Ảng không thấy điều gì quanh quẽ trong lòng. Bà Ảng ngồi im trong chiếc lều đảo điên giữa cành cây trông ra những mô đá lúc đen sì, lúc bóng nhoáng, nhô trên nương. Nhưng bụng bà vẫn yên tĩnh như khi trời tạnh. Bà đương nghĩ: “Một đời tao không biết mặt cái ruộng, tao không biết đi làm nương. Bây giờ già sắp chết mới được ngồi canh nương của mình thế này”. Nghĩ thế, trong lòng bùi ngùi.

Trời đã tang tảng, bà kéo cái dây hạ chuồng gà trên cành xoan xuống. Cho đến lúc có ánh nắng, bà Ảng mới thả gà. Rồi bà dạo xem qua các giàn bí đỏ, thấy quả nào đã già mặt, bà cắt đem đặt lên phơi nắng trên các tảng đá. Sau bà sang nương sắn để xem đêm qua có nhím về đào sắn không. Đây là những công việc đều đặn mỗi sáng của người trông nương. Xong một lượt, bà Ảng trở về góc xoan, lấy bốn cái bẫy chuột đem vào cài lên những bịch thóc trong lán ven rừng. Bà đã buộc được bốn cái bẫy. “Một đời người phải khổ sở, sắp đến ngày chết mới được bẫy ăn thịt chuột làm hại thóc nhà mình”.

Bà Ảng ôm bó bẫy chuột vừa đi vừa tính việc: “Ngâm mây xuống lạch nước cho dèo mây rồi làm thêm ba bẫy nữa. Thăng Nhấn về thì tha hồ mang thịt chuột nướng đi ăn với du kích... Tết này xong ta bảo nó ra Ngọn Lao xin hột bông giống, năm nay sẽ phát lấy một nương bông”.

Bà Ảng bước lập cập xuống ven suối. Được vài bước, bà Ảng bỗng quay lại. Một mùi hăng hắc thoảng quanh. Bà nhớ ngay những hôm lính say rượu à à từ trên đồn xuống đuổi bắt đàn bà con gái dưới làng, mùi quần áo lính nó cũng hăng hắc. Mấy năm ở dưới chân đồn, bà Ảng đã thuộc cái

mùi ghê rợn ấy. Bà Ảng vội ngẩng đầu thì, trời ơi! đã thấy trên đầu nương lồ nhỏ lính tráng vàng lôm lôm.

Một lũ chạy xuống xuôi lồi bà Ảng lên, hỏi:

- Nhà bà già ở đâu?

- Nhà ta đây.

- Hôm nay Việt Minh đi đâu?

- Chỉ có người già trông nương, đã mấy năm nay cũng chưa thấy một người.

- Nó đi đâu?

- Tàn cư ra Mường Lò rồi.

- Nói láo! Đây mới là nương, còn nhà chúng nó ở chỗ nào?

Lúc ấy người châu đoàn từ ngoài vào, cất tiếng hỏi:

- Nói cho thật, con mẹ già kia! Nhà mày ở đâu? Kho thóc chúng mày để đâu quanh cái nương này?

Bà Ảng nhìn lên quan châu đoàn, rồi hốt nhiên im lặng. Bà nhận ra được người châu đoàn này, như bà đã nhận ra mùi quần áo lúc nãy.

Những cái thật quen, mới đây thôi, mà đã thật xa, thật xa lạ. Bây giờ thì bà nhớ: Cầm Vàng, châu đoàn Cầm Vàng là người này. Thoáng một cái, một điều cay đắng lắm từ bao giờ bỗng trở lại, bà Ảng nhớ lại hơn mười năm ở hầu quan châu Né. Châu Né già ốm quá, không ngồi được, cả ngày nằm trên tấm đệm đặt giữa nhà sàn. Mỗi bữa ăn, cô Ảng lại đem giỏ xôi đến bón cho lão từng miếng. Ngồi cầm miếng xôi đút vào miệng lão, cô Ảng thường ngồi phía trong vách nhìn ra và bao giờ cũng trông thấy cái cằm bệnh của lão đưa đẩy trệu trạo, mà cô Ảng thân nhiên như trông con trâu già nhai trầu.

Những năm ấy thì thằng Cầm Vàng này còn bé, thường đến đứng xem cô nàng hầu bón cơm cho bố nó. Ảng nhìn thằng bé, cô thấy cái cằm nó cũng bệnh ra, như tạc cái cằm bố nó.

Thế mà nay đã ra là mười mấy năm, bây giờ con gái bà Ảng lại phải đem thân vào hầu con cái trong nhà châu Né và thằng Cầm Vàng con nhà châu Né lại gặp bà Ảng tận nơi rừng hoang núi cao này. Ai biết thế là thế nào? Nên gào chửi, nên khóc thật to hay nên thế nào? Trong khi ấy bà Ảng dần dần trở lại thân nhiên. Sự giận dữ đã nén xuống, lắng lặng.

Châu đoàn Cầm Vàng quát gặng lại:

- Nhà con ma già ở đâu?

Bà Ảng lại nhìn người châu đoàn. Thật rõ là cái cầm bạnh của bố con nhà châu Né. Bà Ảng ngọt ngào nói:

- Nhà tao là nhà quan châu Né ở Mường Còi, mà không biết à?

Châu đoàn Cầm Vàng giật mình, rồi chau mặt, quắc mắt:

- Con ma già này nói rõ à?

Bà Ảng lại nói:

- Mà là cái khó đồ Cầm Vàng, con châu Né bây giờ làm quan châu đoàn chứ ai. Mà cướp được con gái tao thì mà quên tao rồi.

Châu đoàn Cầm Vàng cười nhạt:

- Con già mường này rõ thật!

Rồi người châu đoàn vút ngọn roi lên.

Từ lúc nào, không đợi lệnh quan châu đoàn, bọn lính đã tràn cả ra nương đuổi bắt gà kêu quang quác, bọn lính đã xô nhau nhổ sắn, dẫn chuỗi, lấy đu đủ, bí đỏ xách vào. Chúng hò hét nhau làm cơm, lung tung ra như cảnh cướp đường. Một toán lưng từ trong rừng ra, vừa chạy vừa kêu: “Kho thóc, kho thóc Việt Minh, tao đốt rồi”. Sau lưng họ, tiếng nổ rừng nửa lớp bốp, khói bốc ngùn ngụt.

Bà Ảng vùng xông ra, xô giữa đám, quờ quạng hai tay lên, dường muốn cầu xé lũ lính. Chúng họ cứ vừa cười vừa chạy quanh, không đứa nào thêm chú ý đến bà già đương đuổi đánh. Mãi sau mới có một người ngựa tay, sấn đến gạt bà Ảng ngã xuống, rồi kéo bà đến trói vào gốc xoan.

Bà giẫy giụa: “Thóc tao! Thóc của tao! Cầm Né! Cầm Né! Con mà đốt thóc của mẹ con tao!”. Châu đoàn bước lại, đánh bà Ảng hai báng súng. Mặt bà đầm và gốc cây.

Bà Ảng chết ngay dưới gốc cây xoan.

Lát sau, bữa cơm thịt gà, bí đỏ lấy của nương, chúng đã chén xong. Những đứa nhát sợ và lười nhát cũng đã bị châu đoàn xua vào phá bụi sắn, ngã cây chuối còn sống sót. Xung quanh đã tan hoang hết, cả bọn lại kéo sang phá nương rẫy phía núi khác.

Trên ngựa, châu đoàn Cầm Vàng quay lại. Xác bà Ảng gục phía đầu núi, có ý suy nghĩ, nhưng có lẽ chỉ ngờ ngợ không nhận ra đây là ai.

Hôm ấy, phiên Nhấn canh lũng cho các nhà đi phát nương, Nhấn xách nỏ, đeo ống tên me (tên thuốc độc) len lỏi hai ngọn núi rồi trèo lên trạm gác trên một cây cao nhìn xuống thung.

Dưới kia, rành rành đồng Mường Còi tròn như một đồng tiền thủng lỗ đặt giữa cánh đồng. Chỉ

là cục đất thế mà nó đã sinh ra biết bao việc ác cho mọi người. Nhân nghĩ: “Bộ đội cứ về quấy đồn Mường Còi ba lần, ba lần là nó phải ngồi trong đồn thì các lũng ta gặt mùa được yên”. Rồi lại lan man bôn chôn: “Bao giờ ta đi bộ đội với anh Sơn về đốt đồn Mường Còi, đuổi hết Tây, hết quan châu, thì cứu được em ta về”.

Vừa vót tên, Nhân vừa nghĩ. Giữa lúc ấy, Nhân trông ra thấy khe núi phía nương cũ bốc khói. Bên ấy bây giờ chỉ còn một mình mẹ. Ai đốt gì vậy? Hay là Tây đã lên nương?

Nhân vội nhảy xuống đất, rẽ lau luồn lên gò gianh. Buổi sáng nào cũng thường nghe vượn hú trong vách đá trước mặt. Nhưng sáng nay không nghe tiếng. Đàn vượn sáng nay sợ cái gì? Hễ nghe tiếng vượn kêu xa hay kêu gần cũng biết được có người đi qua chỗ nào. Thế này tất có người lên nương, vượn căm lặng đã chạy tiệt cả đi rồi. Ai vào nương? Lũng này chẳng có ai trở lại nương. Chỉ một mình mẹ ta ở nương. Có thể Tây đã luồn qua núi bên kia sang. Thế ư? Ai đi qua vách đá mà vượn sợ chạy? Ai đốt khói to thế kia? Nhân kéo ống tên, cầm sẵn một nắm. Rồi cứ đỉnh gò cò tranh, Nhân trườn lên đứng một chỗ thật cao, đánh mõ báo động. Tiếng mõ dội qua các đỉnh núi, nghe như chim kỳ kêu, chim gõ kiến kêu...

Nhân đứng sững nhìn dõi theo khe suối.

Lát sau, lộ nhỏ một bọn quần áo vàng rộp. Đi trước là toán người vừa ở lũng ra nương.

Thì ra, lính Mường Còi thành lính lên càn, đã bắt được người đưa đường về phá lũng. Nhân không hoảng hốt. Mỗi năm thường nhiều lần đánh với Tây đồn Mường Còi, Nhân trái cảnh này đã quen. Và cũng đã nhiều khi có người bị bắt như thế. Ở các lũng, hỏi cả mấy chục người, ai cũng đã có lần bị đạn Tây bắn phải, chẳng ai tránh khỏi.

Nhân bò xuống thấp, ra sát trên đồi, ngay đầu toán lính và người đi vào. Mấy lần, Nhân gương nỏ, nhưng không bắn được. Nhân lại đuổi. Nhân men gò tranh vượt lên trước, đến đợi ở chỗ cái bẫy đá treo giữa dốc vào lũng. Hai loạt đá tảng chằng chằng từa vào vách núi. Dưới khe, lồm chồm mấy chục lớp công thuốc độc.

Vào giữa hõm núi, toán người bị lừa ở lũng ra đột nhiên đứng lại. Bọn lính đằng sau bị dòn lên. Trên núi, Nhân trông thấy nhiều người ngửa mặt gào to bằng tiếng Dao: “Kéo bẫy đi! Kéo bẫy!” Bọn lính nghe kêu đình tai nhưng chưa hiểu thế nào.

Nhân luống cuống nắm lại cái thùng, mà Nhân không dám giật. Nhân run tay không dám giật. Nhân đã biết các người dưới kia bảo giật bẫy, nhưng giật bẫy thì chết cả, chết cả người của ta.

Một người lính chạy vọt lên đầu dốc rồi nói to xuống:

“Có nhà! Có nhà! Đến nhà đây rồi”. Bọn lính phía dưới càng lao xao: “Những quân Mán này nằm chết đây à? Nó cản đường à? Giết đi!” Nhưng cả toán người lũng vẫn nhùng nhằng không nhích bước. Họ có dòn bọn lính nghẽn lại giữa dốc, họ vẫn ngẩng mặt lên núi, kêu khóc, gào thét: “Kéo bẫy đi! Kéo bẫy!” Bọn lính tức quá, vượt ồ lên. Nhân giật bẫy.

Hàng trăm tảng đá rầm rầm rơi. Người lẫn đá lẫn thốc cả xuống vực. Tiếng rú, tiếng thét.

- Chết rồi! Có chông!

- Có chông!

- Chông cắm chết rồi!

Chi còn thoát mấy người lính cùng với châu đoàn Cẩm Vàng đi sau. Chúng tôi tả chạy ngược trở lại.

*

* *

Ngay đêm ấy, các nhà trong lũng dọn đi núi khác. Người ta phòng bị hôm sau đồn Mường Còi lên báo thù. Cũng đêm ấy, các xóm Mường, xóm Dao trong khu du kích từ lũng Tùm Cẩu đến khe Mông Mang đều chuyển, họ đi làm lũng mới, tìm nương mới.

Trăng vàng vạc sáng như nước chảy trên lá. Những người còn sống sót đều đã gồng gánh lên vai cả. Nhấn cồng ông Sênh. Ông Sênh bị gãy chân. Con cồng bỏ đi, lúi lũi, cậm lạng, bước cao, bước thấp. Đoàn người chuyển lũng đêm lần lần đi sâu hơn, đi lên cao nữa, lên đến những đỉnh núi cỏ bông thất ngẩng lại, quanh năm trời búa sương mịt mù, nhưng vẫn có tiếng chim kỳ kêu đêm giục giã, đôi hồi.

Một năm sau.

Bây giờ là cuối mùa thu năm 1952. Một tổ quan báo chúng tôi vượt vùng rừng núi đại trắng vào chuẩn bị chiến trường trong hậu địch Tây Bắc.

Chúng tôi tới một làng người Dao trong khu du kích Bản Thái - khu du kích đầu tiên gặp, từ hôm vượt sông Thao vào đây.

Các khu du kích ở Tây Bắc! Trông vào bản đồ quân sự, thấy miền Tây chỉ chít đồn bốt giặc, nhưng cũng chỉ chít những khu du kích. Chúng tôi đã đặt chân đến một khu du kích trên núi đã năm năm nay không biết mặt hạt muối, không có vải. Vào các nhà không ai dám đứng dậy. Váy áo rách cả. Nhưng rồi ai nấy vừa cười vừa khóc kéo cán bộ ngồi xuống. Chúng tôi đã tới những nơi đau thương dững cảm ấy.

Có giao thông lên báo:

- Bộ đội mới vào, đến các lũng nhiều lắm. Nhiều người đương về lũng ta.

Nhấn hấp tấp hỏi: “Phải bộ đội Sơn không?” rồi Nhấn chạy ngay ra.

Cả lũng, tất cả lũng kéo ra đầu dốc nhìn xuống, xôn xao: “Trời ơi! Bộ đội... Bộ đội...”.

Từ khi võ trang vượt sông Đà sang Mường La, từ khi người bộ đội sau cùng là Sơn đi khỏi, thì bây giờ các lũng mới lại được trông thấy bộ đội.

Ba người đương trèo lên lũng, lượn quanh tít tấp mãi dưới ghềnh đá.

Chẳng mấy lúc, ba chúng tôi đã đứng trước mặt mọi người, cười cười, thở thở. Vừa tới, mà đường đã quen từ lâu. Các cụ già, các chị, em bé, các anh, người nào cũng quần áo rách lòa tòa, người nào cũng hốc hác đen cháy, nhưng ai ai cũng tự nhiên, thân thiết, đến vuốt vai, sờ súng, sờ ba lô bộ đội, vừa cười vừa ghé nghiêng ngắm nghía bộ đội.

Ông Sênh chống chiếc nạng, khập khiễng ra tận trước mặt để nhìn cho rõ hơn. Các bộ đội trẻ, khỏe, má béo căng đỏ. Ông giơ tay vuốt cái vai áo màu xanh lá. Áo bộ đội bây giờ không rách như áo Sơn ngày trước. Ông sờ đầu khẩu súng trường các-bin mập mạp, nhẵn bóng, ông nghiêng tai nghe, ngấm, luôn miệng: “Ồ súng bộ đội...” Ông nhìn, ông nghĩ: “Không còn ai gầy ốm như ngày trước nữa rồi. Điềm tốt thế này thì đánh được giặc rồi”.

Từ nãy, Nhấn đứng im, Nhấn thần thờ nhìn chúng tôi. Rồi Nhấn nói:

- Có gặp anh Sơn ở đâu không?

Chúng tôi biết làm sao mà trả lời! Nhưng chúng tôi đoán ngay là có bộ đội tên là Sơn đã từng phát triển công tác qua đây. Không để cho người du kích trẻ tuổi kia phải thất vọng, chúng tôi trả lời: “Anh Sơn... anh Sơn trước ở đây à?”. Thế là Nhấn xoắn lấy và trò chuyện về anh Sơn đến hết cả đêm hôm ấy.

Hôm sau, chúng tôi từ khu du kích bí mật xuống điều tra quanh đồn Mường Còi. Cùng đi, có cả Nhấn. Ông già Sênh chống nạng đưa con một quãng ra đầu núi.

Đi lần này, vào lúc các lũng lại đương tấp nập một mùa gặt mới, lại đương sửa soạn chống càn và các tổ tăng gia lại rủ nhau đi phát nương mới, như mỗi năm, theo lệ thường.

Sau này, mỗi khi kể lại chuyện hôm Nhấn đi, Nhấn nói rằng lúc xuống dốc núi, Nhấn trông thấy Mường Còi thấp thoáng dưới bóng sương. Nhấn nhớ đồng ruộng, nhớ làng mạc ven chân rừng, có ao cá, có đồi chè, có chuồng lợn. Bấy giờ là một buổi sáng, tiếng chim kỳ cuốn dài theo gió từ các hốc đá còn mù mịt sương sớm đưa ra. Rồi Nhấn nhớ lại cả cái đời thâm của mẹ và của mình, Nhấn muốn khóc.

Giữa khi ấy thì tiếng chim kỳ, tiếng chim kỳ lạnh lạnh như tiếng kèn giục phùng sẵn. Nhấn không khóc được. Nhưng từ đây, trong đời chiến đấu của người bộ đội, mỗi khi nghe trên cánh rừng, đầu rừng nào có tiếng chim kỳ kêu, Nhấn tưởng hồn mẹ và hồn em đi đâu cũng đuổi theo Nhấn.

[1] Trong chế độ Thổ ty, lang đạo ở Tây Bắc trước, các nhà chia ruộng (tri châu), phía (lý trưởng) bắt từng xã, từng thôn hàng năm, hàng mùa phải đi hầu hạ, làm không công cho nhà quan, gọi là làm cuông.

[2] *Tục lệ cũ nhiều nơi ở Tây Bắc: đàn bà và người tàn tật không được làng chia ruộng công. Vì thổ ty, lang đạo bảo đàn bà và người tàn tật không đi phu, đi lính (mặc dầu ở nhiều nơi họ cũng bắt cuông đàn bà) nên không được phân ruộng.*

Vợ chồng A Phủ

Ai ở xa về, có việc vào nhà thống lý [\[1\]](#) Pá Tra thường trông thấy có một cô con gái ngồi quay sợi gai bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa. Lúc nào cũng vậy, dù quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi hay đi cõng nước ở dưới khe suối lên, cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi. Người ta thường nói: Nhà Pá Tra làm thống lý, ăn của dân nhiều, đồn Tây lại cho muối về bán, giàu lắm, nhà có nhiều nương, nhiều bạc, nhiều thuốc phiện nhất làng. Thế thì con gái nó còn bao giờ phải xem cái khổ mà biết khổ, mà buồn. Nhưng rồi hỏi ra mới biết cô ấy không phải là con gái thống lý Pá Tra. Cô ấy là vợ A Sử, con trai thống lý.

My về làm dâu nhà Pá Tra đã mấy năm. Từ năm nào, không nhớ, cũng không ai nhớ. Nhưng người nghèo ở Hồng Ngải thì vẫn còn kể lại câu chuyện My về làm người nhà quan thống lý. Ngày xưa, bố My lấy mẹ My không đủ tiền cưới, phải đến vay nhà thống lý, bố của thống lý Pá Tra bây giờ. Mỗi năm đem nộp lãi cho chủ nợ một nương ngô. Đến tận khi hai vợ chồng về già rồi mà cũng chưa trả được nợ. Người vợ chết, cũng chưa trả hết nợ.

Cho tới năm ấy My đã lớn, My là con gái đầu lòng. Thống lý đến bảo bố My:

- Cho tao đưa con gái về làm dâu thì tao xóa nợ cho.

Ông lão nghĩ năm nào cũng phải trả một nương ngô cho người ta, thì tiếc ngô, nhưng cũng lại thương con. Ông chưa biết nói thế nào thì My bảo bố rằng:

- Con đã biết cuộc nương làm ngô, con đi làm nương ngô trả nợ thay cho bố. Bố đừng bán con cho nhà giàu.

Tết năm ấy, Tết vui chơi. Trai gái đánh pao, đánh quay rồi đêm đêm rủ nhau đi chơi. Những nhà có con gái thì bố mẹ không thể ngủ được vì tiếng chó sủa. Suốt đêm, con trai đến nhà người mình yêu, đứng thối sáo xung quanh vách. Trai đứng nhẵn cả chân vách đầu buồng My.

Một đêm khuya My nghe tiếng gõ vách. Tiếng gõ vách hện của người yêu. My hỏi hộp lạng lẽ quơ tay lên thì gặp hai ngón tay lách vào khe gỗ, sờ một ngón thấy đeo nhẫn. Người yêu của My thường đeo nhẫn ngón tay ấy. Biết hiệu. My nhấc tấm vách gỗ. Một bàn tay dắt My bước ra.

My vừa bước ra, lập tức có mấy người choàng đến, nhét áo vào miệng My rồi bịt mắt, cõng My đi.

Sáng hôm sau, My mới biết mình đang ngồi trong nhà thống lý Pá Tra. Họ nhốt My vào buồng. Ngoài vách kia, tiếng nhạc buộc cổ chân cồng ma đương rộn rập nhảy nhót.

Lúc đó, A Sử đến nhà bố My. A Sử nói:

- Tôi đã đem con gái bố về cúng trình ma nhà tôi, bây giờ tôi đến cho bố biết. Tiền bạc để cưới

thì bố tôi bảo đã đưa cả rồi.

A Sử về. Ông lão nhớ ngay câu nói của thống lý Pá Tra đạo trước: cho con gái về nhà thống lý thì được trừ nợ. Chao ôi! Thế là cha mẹ ăn bạc của nhà giàu từ kiếp trước, bây giờ người ta bắt con trừ nợ. Không thể làm thế nào khác được rồi.

Có đến hàng mấy tháng, đêm nào My cũng khóc.

Một hôm, My trốn về nhà, hai tròng mắt còn đỏ hoe. Trông thấy bố, My quì lạy, úp mặt xuống đất, nức nở. Bố My cũng khóc, đoán biết lòng con gái:

- Mày về chào lạy tao để mày đi chết đấy à? Mày chết nhưng nợ tao vẫn còn, quan lại bắt tao trả nợ. Mày chết rồi thì lấy ai làm nương ngô trả được nợ người ta, tao thì ốm yếu quá rồi. Không được, con ơi!

My chi bung mặt khóc. My ném nắm lá ngón xuống đất. Lá ngón My đã tìm hái trong rừng, My vẫn giấu trong áo. Thế là My không đành lòng chết. My chết thì bố My còn khổ hơn bao nhiêu lần bây giờ. My đành trở lại nhà thống lý.

Lần lần, mấy năm qua, mấy năm sau, bố My chết. Nhưng My không còn nghĩ đến My có thể ăn lá ngón tự tử. Ở lâu trong cái khổ, My quen rồi. Bây giờ thì My tưởng mình cũng là con trâu, cũng là con ngựa. Là con ngựa phải đổi cái tàu ngựa nhà này đến ở cái tàu ngựa nhà khác. Con ngựa chỉ biết việc ăn cỏ, biết đi thò mà thôi.

My cúi mặt, không nghĩ ngợi nữa, mà lúc nào cũng chỉ nhớ đi nhớ lại những việc giống nhau, tiếp nhau vẽ ra trước mặt, mỗi năm mỗi mùa, mỗi tháng lại làm đi làm lại: Tết xong thì lên núi trích nhựa quả thuốc phiện, giữa năm thì gặt đây, xe đây, đến mùa đi nương bẻ bắp. Và dù lúc đi hái củi, lúc bung ngô, lúc nào cũng gài một bó lanh trong cánh tay để tước sợi. Bao giờ cũng thế, suốt năm suốt đời như thế. Con ngựa, con trâu làm còn có lúc, đêm nó còn được đứng gãi chân, đứng nhai cỏ, đàn bà con gái nhà này thì vùi vào việc cả đêm cả ngày.

Mỗi ngày My càng không nói, lủi lủi như con rùa nuôi trong xó cửa. Ở cái buồng My nằm, kín mít, có ô cửa sổ là một lỗ vuông bằng bàn tay. Lúc nào trông ra cũng chỉ thấy trắng trắng, không biết là sương hay là nắng. My nghĩ rằng mình đành ngồi trong cái lỗ áo quan ấy mà trông ra, đợi bao giờ chết thì thôi.

Trên đầu núi, các nương ngô, nương lúa gặt xong, ngô lúa đã xếp đầy các nhà kho. Trẻ con đi hái bí đỏ, tình nghịch, đã đốt những lều canh nương để sưởi lửa. Ở Hồng Ngải, người ta thành lệ, cứ ăn Tết thì gặt hái vừa xong, không kể ngày tháng. Ăn Tết như thế cho kịp lúc mưa xuân xuống thì đi vỡ nương mới.

Hồng Ngải năm ấy Tết đến giữa lúc gió thổi vào cỏ tranh vàng ửng, gió và rét dữ dội.

Nhưng trong các làng Mèo đỏ, những chiếc váy hoa đã đem ra phơi trên mỏm đá, xòe như con bướm sặc sỡ. Hoa thuốc phiện vừa nở trắng lại đổi màu đỏ au, đỏ thắm, rồi sang màu tím man

mác. Đám trẻ đợi Tết chơi quay, cười âm trên sân đất trước nhà.

Ngoài đầu núi lấp ló, đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi.

My nghe tiếng sáo vọng lại, thiết tha bồi hồi.

My ngồi nhâm thăm bài hát của người đang thổi sáo:

Mày có con trai con gái

Mày đi làm nương

Ta không có con trai con gái

Ta đi tìm người yêu...

Tiếng chó sủa xa xa. Những đêm tình mùa xuân đã tới.

Ở mỗi đầu làng đều có một móm đất phẳng làm cái sân chơi chung ngày Tết. Trai gái, trẻ con ra sân chơi ấy tụ tập đánh pao, đánh quay, thổi sáo, thổi kèn và nhảy.

Cả nhà thống lý Pá Tra vừa ăn xong bữa cơm Tết cúng ma. Xung quanh, chiêng trống âm ỉ, người ộp đồng vẫn còn nhẩy đồng, người hát nhưng lòng My đang sống trở về ngày trước. Tại My vắng vắng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước, My thổi sáo giỏi. Mùa xuân, My uống rượu bên bếp và thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo My hết núi này sang núi khác.

Rượu đã tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả, My không biết, My vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà. Mãi sau My mới đứng dậy, nhưng My không bước ra đường chơi, mà My từ từ tha chân vào buồng.

Chẳng năm nào A Sử cho My đi chơi Tết. My cũng chẳng buồn đi.

My ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng. Đã từ nãy, My thấy phơ phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước. My trẻ lắm. My vẫn còn trẻ. My muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Huống chi A Sử với My, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau. Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, My sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra.

Mà tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lừng lơ bay ngoài đường.

Anh ném pao, em không bắt

Em không yêu, quả pao rơi rồi...

Lúc ấy, A Sử vừa ở đâu về, lại đang sắp đi nữa. A Sử thay áo mới, khoác thêm hai vòng bạc vào

cổ rồi bịt cái khăn trắng lên đầu. Có khi nó đi mấy ngày mấy đêm. Nó còn muốn rình bắt nhiều người con gái nữa về làm vợ. Cũng chẳng bao giờ My nói gì.

Bây giờ My cũng không nói. My đến góc nhà, lấy ống mỡ, xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa đèn cho sáng.

Trong đầu My đang rập rờn tiếng sáo. My muốn đi chơi. My cũng sắp đi chơi. My cuốn lại tóc. My vói tay lấy cái váy hoa vắt ở phía trong vách. A Sử đang sắp bước ra, bỗng quay lại, lấy làm lạ. Nó nhìn quanh, thấy My rút thêm cái áo. A Sử hỏi:

- Mày muốn đi chơi à?

My không nói. A Sử cũng không hỏi thêm. A Sử bước lại, nắm My, lấy thất lưng trói hai tay My. Nó xách cả thúng sợi đay ra trói đứng My vào cột nhà. Tóc My xổ xuống, A Sử quấn luôn tóc lên cột nhà, làm cho My không cúi đầu, không nghiêng được đầu nữa. Trói vợ xong, A Sử thất cái thất lưng xanh ra ngoài áo rồi A Sử tắt đèn, đi ra, khép cửa buồng lại.

Trong bóng tối, My đứng im, như không biết mình đang bị trói. Hơi rượu còn nồng nàn, My vẫn nghe tiếng sáo đưa My đi theo những cuộc chơi, những đám chơi. “*Em không yêu, quả pao rơi rồi. Em yêu người nào, em bắt pao nào ...*” My vùng bước đi. Nhưng tay chân đau không cựa được. My không nghe tiếng sáo nữa. Chỉ còn nghe tiếng chân ngựa đạp vào vách. Ngựa vẫn đứng yên, gãi chân, nhai cỏ. My thổn thức nghĩ mình không bằng con ngựa.

Chó sủa xa xa. Chùng đã khuya. Lúc này là lúc trai đang đến bên vách làm hiệu, rủ người yêu dỡ tấm vách gỗ ra chơi rùng. My nín khóc, My lại bồi hồi.

Cả đêm ấy My phải trói đứng như thế. Lúc thì khắp người bị dây trói thít lại, đau nhức. Lúc lại tràn trề tha thiết nhớ. Hơi rượu tỏa. Tiếng sáo. Tiếng chó sủa xa xa. My lúc mê, lúc tỉnh. Cho tới khi trời tang tảng, rồi không biết sáng từ bao giờ.

My bàng hoàng tỉnh. Buổi sáng âm sâm trong cái nhà gỗ rộng. Vách bên cũng im ắng. Không nghe tiếng lửa réo trong lò nấu lợn. Không một tiếng động. Chẳng biết bên buồng quanh đây, các chị vợ anh, vợ chú của A Sử có còn ở nhà, không biết tất cả những người đàn bà khốn khổ sa vào nhà quan đã được đi chơi hay là họ cũng đang phải trói như My. My không thể biết. Người đàn bà lấy chồng nhà giàu ở Hồng Ngải thì một đời chỉ biết theo đuôi con ngựa của chồng. My chợt nhớ lại câu chuyện người ta vẫn kể: đời trước, ở nhà thống lý Pá Tra có một người trói vợ trong nhà ba ngày rồi đi chơi, khi về nhà nhìn đến thì vợ đã chết rồi. Nhớ thế, My sợ quá, My cựa quậy, xem mình còn sống hay đã chết. Cổ tay, đầu, bắp chân bị dây trói siết lại, đau đứt từng mảnh thịt.

Có tiếng xôn xao phía ngoài. Rồi một đám đông vào nhà. Thống lý Pá Tra xuống ngựa, cho thị sống (một chức việc đi hầu thống lý như người làm mướn thời trước) dắt ngựa vào tàu. Nghe như có tiếng khiêng theo con lợn, con nai, hoặc một người phải trói, vừa vất huych xuống đất, thở phè phè.

A Sử chen chúc vào buồng, áo nó toạc một mảnh vai. Cái khăn xéo trắng loang lổ đầy máu, sụp xuống quanh trán. A Sử lăn ra giường. Lát sau, thống lý Pá Tra bước vào. Theo sau thống lý là

một bọn thì sống vẫn thường ra vào hầu hạ, ăn thịt uống rượu, hút thuốc phiện nhà thống lý.

Có người bây giờ mới nhìn thấy My phải đứng trối trong cột. Nhưng cũng không ai để ý, họ xúm cả lại quanh giường A Sử.

Pá Tra, tay vẫn cầm cái roi ngựa, từ từ đi ra. My nhắm mắt lại, không dám nhìn. My chỉ nghe như có tiếng bố chồng gọi ra ngoài.

My hé nhìn ra, thấy chị dâu bước vào. Người chị dâu ấy chưa già, nhưng cái lưng quanh năm phải đeo thồ nặng quá, đã còng rạp xuống. Người chị dâu đến cúi trối cho My. Sợi dây gai dưới bắp chân vừa lỏng ra, My ngã xuống.

Chị dâu nói khẽ vào tai My:

- My! Đi hái thuốc cho chồng mày.

My quên cả đau, đứng lên. Nhưng không nhích chân lên được. My phải ôm vai chị dâu, hai người khỗ sở dìu nhau bước ra. Trong khi đi vào rừng tìm lá thuốc, My nghe chị dâu nói lại, mới biết chuyện A Sử đi chơi bị A Phủ đánh vỡ đầu.

Nửa đêm qua, A Sử vào làng tìm đến đám chơi có tiếng sáo, tiếng khèn. Nhiều trai làng ấy và các làng khác đã tới, chơi quay, thổi sáo suốt ngày, chập tối vừa xong châu rượu trong nhà, vẫn chưa chịu tan về.

Lúc A Sử đứng ngoài, tức lắm. Nó bàn với một lũ khác, dọa đánh bọn con trai lạ vẫn bám quanh nhà đã khiến cho cánh A Sử bị vướng không thể vào được. Bọn A Sử ném đá vào vách. Ông bố trong nhà ra chửi, A Sử vẫn ném. Ông lão không dám ra nữa, vào trong cửa, bắn ra hai phát súng. Thế là tan những đám hẹn. Nhưng cũng chưa người con trai nào chịu về. Họ lại tản vào các nhà quen trong xóm. Đợi sáng mai lại lên sân đánh pao với con gái trong xóm.

Bọn A Sử cũng không chịu để cánh kia yên. Sáng sớm, khi đám ấy vừa kéo ra đầu ngõ, bè lũ bọn A Sử đã kéo đến gây sự. A Sử đi trước, nạm vòng bạc ở cổ rủ xuống những tua chỉ xanh đỏ mà chỉ riêng con nhà quan trong làng mới được đeo. A Sử hùng hổ bước ra. Bọn kia đứng dòn cả lại, xôn xao.

- Lũ phá đám ta đêm qua đây rồi.

- A Phủ đâu? A Phủ đánh chết nó đi!

Một người to lớn chạy ra vung tay ném con quay to vào mặt A Sử. Con quay gỗ ngát lảng vào giữa mặt. A Sử vừa kịp bung tay lên, A Phủ đã xộc tới, nắm cái vòng cổ, kéo dập đầu xuống, xé vai áo, đánh tới tấp. Người làng nghe tiếng hò hét đổ ra. Thấy vậy, bọn con trai làng tản hết lên rừng. Mấy người đuổi đón đầu A Phủ. A Phủ bị bắt sống, trối gô chân tay lại. Vừa lúc thống lý Pá Tra tới. Chúng nó xộc ngang cái gậy khiêng A Phủ mang về ném xuống giữa nhà thống lý.

My đã hái được thuốc về, thấy trong nhà càng đông hơn lúc nãy. Ngoài sân, dưới gốc đào lại

buộc thêm mấy con ngựa lạ.

Mỵ đi cửa sau vào, lé mắt nhìn thấy một người to lớn quỳ trong góc nhà. Mỵ đoán đây là A Phủ.

Bọn chức việc khắp vùng Hồng Ngải đến nhà thống lý Pa Tra dự đám kiện. Các lý dịch, quan làng, thống quán, xéo phải đội mũ, quần khăn, chống gậy, cưỡi ngựa kéo đến xử kiện và ăn cỗ.

Trong nhà thống lý đã bày năm bàn đèn. Khói thuốc phiện ra các lỗ cửa sổ tun hút xanh như khói bếp. Cả những người chức việc bên làng A Phủ cũng tới. Chỉ bọn con trai làng ấy phải ngồi khoanh tay ngồi cạnh A Phủ vì bị gọi sang hầu kiện, còn bọn chức việc nằm dài cả bên khay đèn. Suốt từ trưa cho tới hết đêm, mấy chục người hút. Trên nhất là thống lý Pa Tra. Thống lý hút xong một lượt năm điếu, đến người khác hút, lại người khác hút, cứ thế lần lượt xuống tới bọn đi gọi người về dự kiện. Chỉ có đàn bà ngồi trong buồng và đi lại bên ngoài dòm ngó đám xử kiện và A Phủ phải quỳ chịu tội ở xó nhà, là không được dự tiệc hút ấy.

Lúc một loạt người vừa hút xong, Pá Tra ngồi dậy, vuốt ngược cái đầu trọc dài, kéo đuôi tóc ra đằng trước, cất giọng lè nhè gọi:

- Thằng A Phủ ra đây.

A Phủ ra quỳ giữa nhà. Bọn trai làng xô đến, trước nhất chấp tay lia lịa thống lý Pá Tra rồi quay lại đánh A Phủ. A Phủ quỳ chịu đòn, chỉ im như cái tượng đá.

Mỗi đợt bọn chức việc hút thuốc phiện xong, A Phủ lại phải ra quỳ giữa nhà, lại bị người xô đến đánh. Mặt A Phủ sưng lên, môi và đuôi mắt dập chảy máu. Người thì đánh, người thì quỳ lạy, kẻ lể, chửi bới. Xong một lượt đánh, kẻ, chửi, lại hút. Khói thuốc phiện ngọt ngào tuôn qua các lỗ cửa sổ. Rồi Pá Tra lại ngóc cổ lên, vuốt tóc, gọi A Phủ... Cứ như thế, suốt chiều, suốt đêm, càng hút, càng tỉnh, càng đánh, càng chửi, càng hút.

Trong buồng bên cạnh, Mỵ cũng thức suốt đêm im lặng ngồi xoa thuốc dầu cho A Sử. Lúc nào Mỵ mỏi quá, cựa mình thì những chỗ lằn trói trong người lại đau ê ẩm. Mỵ lại gục đầu nằm thiếp đi. Khi đó, A Sử đạp chân vào mặt Mỵ, Mỵ choàng thức, lại nhặt nắm lá thuốc, xoa đều trên lưng chồng. Ngoài nhà vẫn rên lên từng cơn kéo tẩu thuốc phiện, như những con mọt nghiêng gổ kéo dài, giữa tiếng người khóc, tiếng người kẻ lêu xào và tiếng đầm đánh huỳnh huých.

Sáng hôm sau, đám kiện đã xong. Một số người chẳng biết từ bao giờ, ngủ ngáy ngay bên khay đèn. Bọn xéo phải bắc cái chảo đồng và xách ấm nước ra nấu thêm lạng thuốc để hút ban ngày cho các quan làng thật tỉnh, các quan làng còn một bữa tiệc ăn cỗ nữa.

Thống Lý Pá Tra mở tráp, lấy ra một trăm đồng bạc hoa xòe bày lên mặt tráp rồi nói:

- Thằng A Phủ đánh người thì làng xử mày phải nộp vạ cho người mày đánh là hai mươi đồng, nộp cho thống quán năm đồng, mỗi xéo phải hai đồng, mỗi người đi gọi cho các quan làng về hầu kiện năm hào. Mày phải mất tiền mời các quan hút thuốc từ hôm qua tới nay. Lại mất con lợn hai

mười cân, chốc nữa mở để các quan làng ăn vạ mảy. A Phủ, mảy đánh con quan làng, đáng nhẽ làng xử mảy tội chết, nhưng làng tha cho mảy được sống mà nộp vạ. Cả tiền phạt, tiền thuốc, tiền lợn, mảy phải chịu một trăm bạc trắng. Mảy không có một trăm bạc thì tao cho mảy vay để mảy ở nợ. Bao giờ có tiền trả thì tao cho mảy về, chưa có tiền trả thì tao bắt mảy ở làm con trâu, con ngựa cho nhà tao. Đòi mảy, đòi con, đòi cháu mảy tao cũng bắt thế, bao giờ hết nợ mới thôi. A Phủ! Lại đây nhận tiền quan cho vay.

A Phủ lê hai đầu gối sùng bạnh lên như mặt hổ phù. A Phủ cúi sờ lên đồng bạc trên tráp, trong khi Pá Tra đốt hương, lầm rầm khấn gọi ma về nhận mặt người vay nợ. Pá Tra khấn xong, A Phủ cũng nhặt xong bạc, nhưng nhặt xong lại để ngay xuống mặt cái tráp ấy. Rồi Pá Tra lại đút cả đồng bạc vào trong tráp.

Con lợn vừa mua về cho A Phủ thết làng ăn vạ đã kêu eng éc ngoài sân. Từ lúc đếm tiền rồi, A Phủ không phải quỳ, phải đánh nữa. A Phủ đứng lên cầm con dao, chân đau bước tập tễnh, cùng với mấy trai làng, ra chộc tiết làm thịt lợn hầu làng. Trong nhà, vẫn thuốc phiện hút rào rào.

Thế là từ đây A Phủ phải đi ở trừ nợ cho nhà quan thống lý. Đốt rừng, cày nương, cuốc nương, săn bò tót, bẫy hổ, chăn bò chăn ngựa, quanh năm một thân một mình rong ruổi ngoài rừng. A Phủ đương tuổi sức lực. Đi làm hay đi săn, cái gì cũng làm phăng phăng. Không có lúc nào trở về Hồng Ngài. Nhưng A Phủ chẳng muốn trở về làm gì bên ấy.

A Phủ cũng không phải người bên ấy. Bố mẹ đẻ A Phủ ở Háng-Bla. Năm xưa, Háng-Bla phải một trận đậu mùa, nhiều trẻ con, cả người lớn chết, có nơi sạch cả nhà. Anh của A Phủ, em A Phủ, bố mẹ A Phủ cũng chết. Còn sót lại một mình A Phủ. Có người làng đói bắt A Phủ đem xuống bán đổi lấy thóc của người Thái dưới cánh đồng. A Phủ mới mười tuổi, nhưng A Phủ ngang bướng, không chịu ở thung lũng thấp. A Phủ trốn lên núi, lưu lạc đến Hồng Ngài. Đi làm cho nhà người, lần nữa mùa này sang mùa khác. Chẳng bao lâu A Phủ đã lớn, đã biết đúc lưỡi cày, biết rèn cuốc, lại cày giỏi, đi săn bò tót bạo nhất.

A Phủ khỏe, nhanh như ngựa, con gái trong làng nhiều người mê, nhiều nhà nói: “Đứa nào được A Phủ cũng bằng được con trâu tốt trong nhà, chẳng mấy lúc mà giàu”. Người ta ao ước thế thôi chứ phép rượu cũng chẳng to hơn phép làng, còn tục lệ cưới xin, mà A Phủ thì không có bố mẹ, không có ruộng, không có bạc trắng, con trai không thể lấy vợ nổi. Vả chăng, thua kém nhiều nổi, đang tuổi chơi, trong ngày Tết đến, A Phủ chẳng có quần áo mới như nhiều trai khác, A Phủ chỉ có độc một chiếc vòng vía bằng đồng lằn trên cổ, nhưng chẳng biết thân, A Phủ cứ cùng trai làng đem sáo, khèn, đem con quay, quả pao, quả yến đi tìm người yêu ở cuộc chơi các làng trong vùng.

Vì thế mà sinh sự đánh nhau ở Hồng Ngài.

Một năm kia, phải khi đang đói rừng. Hổ, gấu từng đàn ra phá nương, bắt mất nhiều bò ngựa. Nhà thống lý Pá Tra lúc nào cũng đầy ngựa trong tàu trước cửa, lưng trâu bò đứng chen liền khít trong cột cửa, và dê, chó, lợn nằm quanh nhà. Ngày nào cũng lũ lượt hàng mấy chục con đi ăn nương. Bây giờ gặp khi rừng đói, mỗi lần bò ngựa đi nương, A Phủ phải ở lại trông.

A Phủ ở lều hàng tháng ngoài rừng, đêm đến thì dõn bò ngựa về nằm châu nhau ngủ quanh

lều.

Chẳng may, mấy ngày A Phủ mê mải đi bẫy nhím, không đếm được ngựa. Hôm ấy thấy vết chân hổ, A Phủ vội phóng ngựa chạy quanh đàn, dồn ngựa quân lại để đếm. Thấy thiếu một con bò. Đếm lại mấy lần, vẫn thiếu một con bò. A Phủ nhào vào rừng, lần theo vết chân hổ thì tìm được con bò đã bị hổ ăn chỉ còn lại một nửa mình vắt ngay dưới một gốc thông cụt. A Phủ nhặt mấy miếng thịt rơi quanh đấy rồi vác nửa con bò về. Nghĩ bụng “con hổ này to lắm, hãy còn người thấy mùi hôi quanh đây, về lấy súng đi tìm, thế nào cũng bắn được”.

Về đến nhà, A Phủ lẳng vai ném ngựa con bò xuống gốc đào trước cửa. Pá Tra bước ra hỏi:

- Mất mấy con bò?

A Phủ trả lời tự nhiên:

- Cho tôi khẩu súng, thế nào cũng bắn được. Con hổ này to lắm.

Pá Tra hất tay, nói:

- Quân ăn cướp làm mất bò tao. A Sử đâu, đem súng đi lấy con hổ về.

Rồi Pá Tra quay lại, bảo A Phủ:

- Mày ra ngoài kia, đem về đây một cái cọc, một cuộn dây mây. Tao trói mày đứng chỗ kia. Bao giờ chúng nó bắn được hổ về thì tao cho mày khỏi phải chết. Nếu không được hổ thì cho mày đứng chết ở đây.

A Phủ cãi:

- Được con hổ ấy còn nhiều tiền hơn con bò. Thế nào tôi cũng bắn được.

Pá Tra quát:

- Lấy cọc, dây mây về!

Không nói nữa, như con trâu đã lên tròng, A Phủ lẳng lặng ra vác chiếc cọc gỗ rồi lấy cuộn dây mây trên gác bếp xuống. Tự tay A Phủ đóng cái cọc gỗ xuống bên cột nhà. Pá Tra đẩy A Phủ vào chân cột, hai tay bắt ôm quặt lên. Rồi dây mây quấn thít từ chân lên vai, chỉ còn cổ và đầu hơi lúc lắc được. Đàn bà trong nhà, mỗi khi đi qua đều cúi mặt. Không ai dám hỏi, không ai dám nhìn ngang mắt.

Đến đêm, A Phủ cúi xuống, nhảy đứt hai vòng mây, nhích giãn dây trói một bên tay. Nhưng mới được đến lúc ấy thì trời vừa sáng. Tan cuộc thuốc phiện sáng, Pá Tra vào nhìn thẳng tù, quảng thêm một vòng tròng lọng vào cổ. Thế là A Phủ không cúi, không còn lắc được nữa.

A Sử đem lính đồng của thống lý đi đuổi, không lùng được con hổ. Mấy ngày chưa về thì cũng

đã mấy ngày A Phủ phải trói đứng trong góc nhà. Đằng kia, bếp lò bung ngô cao ngang nhà vẫn hùng hực đỏ rực lửa. Mỗi hôm hai buổi cơm, người ra người vào ăn uống tấp nập. A Phủ chỉ đứng nhắm mắt, cho tới đêm khuya.

Những đêm mùa đông trên núi cao dài và buồn, nếu không có bếp lửa sưởi kia thì My cũng đến chết héo. Mỗi đêm, My dậy ra thổi lửa hơ tay, hơ lưng, không biết bao nhiêu lần.

Thường khi đến gà gáy sáng, My ngồi dậy ra bếp sưởi một lúc thật lâu thì các chị em trong nhà mới bắt đầu thức, ra dóm lò bung ngô, nấu cháo lợn. Chỉ chớp mắt được từng lúc, My thức sưởi lửa suốt đêm.

Mỗi đêm, khi nghe tiếng phù phù thổi bếp, A Phủ lại mở mắt. Ngọn lửa sưởi bùng lên, cùng lúc ấy thì My cũng nhìn sang, thấy mắt A Phủ trừng trừng, mới biết người bị trói đứng còn sống. Mấy đêm nay như thế. Nhưng My vẫn thản nhiên thổi lửa, hơ tay. Nếu A Phủ là cái xác chết đứng đấy, cũng thế thôi. My vẫn trở dậy, vẫn sưởi, My chỉ biết, chỉ còn ở với ngọn lửa. Có đêm A Sử chợt về, thấy My ngồi đấy, A Sử ngửa tay đẩy My ngã xuống cửa lò. Nhưng đêm sau My vẫn ra sưởi như đêm trước.

Lúc ấy đã khuya, trong nhà đã ngủ yên. My trở dậy thổi lửa, ngọn lửa bập bùng sáng lên. My lé mắt trông sang, thấy hai mắt A Phủ vẫn mở. Một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại. Thấy tình cảnh như thế, My lại nhớ lại đêm hôm trước A Sử trói My, My cũng đã phải trói đứng như thế kia. Nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ, không biết lau đi được. Trời ơi, nó bắt trói đến chết, nó bắt mình đến chết cũng thôi, ngày trước ông nó, cụ nó đã trói đến chết nhiều người đàn bà cũng ở cái nhà này. Chúng nó thật độc ác. Cơ chừng này chỉ đêm mai là A Phủ chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết. Ta là thân đàn bà, nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi thì chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây, chết thế nào cũng được... Người kia thì việc gì mà phải chết thế... My phảng phất nghĩ như vậy.

Đám than đã vạc lửa. My không thổi, cũng không đứng lên. My nhớ lại đời mình, My lại tưởng tượng như có thể một lúc nào, biết đâu A Phủ chẳng đã trốn được rồi, lúc ấy bố con Pá Tra sẽ bảo My cởi trói cho nó, My liền phải đứng chết thay vào đấy, My phải chết trên cái cọc ấy. Nghĩ thế, trong tình cảnh này, thế mà My không thấy sợ...

Lúc ấy, trong nhà đã tối bùng, My rón rén bước lại, A Phủ vẫn nhắm mắt, nhưng My tưởng tượng như A Phủ đương biết người bước tới... My rút con dao nhỏ cắt lúa, cắt nút dây mây. A Phủ cứ thờ phè từng hơi, không biết mê hay tỉnh. Lần lần đến lúc gỡ được hết dây trói ở người A Phủ thì My cũng hốt hoảng, My chỉ thì thào được một tiếng “Đi đi...”, rồi My nghẹn lại. A Phủ bỗng khuyu xuống, không bước nổi. Nhưng trước cái chết có thể đến nơi ngay, A Phủ lại quật sức vùng lên, chạy.

My đứng lặng trong bóng tối.

Bỗng My cũng vụt chạy ra.

Trời tối lắm. Nhưng My vẫn băng đi. My đuổi kịp A Phủ, chạy, chạy xuống tới lưng dốc. My

nói, thở trong hơi gió thốc lạnh buốt.

- A Phủ cho tôi đi.

A Phủ chưa kịp nói, My lại nói:

- Ở đây thì chết mất.

A Phủ chợt hiểu.

Người đàn bà khốn khó đó vừa cứu mình.

A Phủ nói: “Đi với tôi”. Hai người lẳng lặng đỡ nhau lao chạy xuống dốc núi.

Hai người đi liền hơn một tháng. Đi truyền trên những triền núi cao ngất, lởm đóm nhà, thấp thoáng ruộng, đất đỏ, suối trắng tinh, trông thấy nhà ở trước mặt mà mấy ngày chưa tới. Đi từ Hồng Ngài xuống qua vùng ruộng Mường Quài của người Thái, đi từ Nậm Cắt sang Chông Chia, từ Chông Chia qua dốc Lũng Chùng Phụng lại trở về bờ sông Đà giữa châu Phù Yên sang châu Mai Sơn, là chỗ đầu mối giao thông của ngoài vùng tự do và các khu du kích của các dân tộc Thái, Dao, Mèo bên kia sông, rồi về trong những làng Mèo đỏ hẻo lánh vùng Phìn Sa. Xa lắm rồi, nhà thống lý Pá Tra không đuổi được nữa - hai người nghỉ thế.

Ròng rã hơn một tháng, ăn rau rừng, củ nâu, mộc nhĩ, đi vừa hết mùa mưa mới tới Phìn Sa.

Hai người tới Phìn Sa thì ở đây không ai còn biết đây là A Phủ, người ở nợ nhà thống lý, cũng không ai còn biết đây là My, con dâu gạt nợ của nhà thống lý. Ngõ đây là hai vợ chồng một nhà đông anh em ở làng bên kia dốc Lũng Chùng Phụng, ruộng vỡ được ít mà miệng ăn thì nhiều, cho nên anh em, vợ chồng phải chia ra, đem nhau đi tìm ăn nơi khác. Hai người nhận là vợ chồng. Mà thật thì A Phủ và My đã thành vợ chồng từ những hôm vượt rừng vượt núi sang.

Từ những hôm ấy My mới thật thấy được có chồng. Tuy vậy, có lúc chợt nghĩ tới ma nhà Pá Tra nó đã nhận cho My là vợ A Sử. Nhưng cũng chỉ sợ từng lúc. Mấy ngày sau, chẳng những chẳng sợ ma làm chết, mà còn quên tất cả. Ở Phìn Sa thì mọi người đều gọi là vợ chồng A Phủ.

A Phủ làm nhà theo đánh ra một ngọn núi tranh. Những ngày quang trời trông thấy dòng sông dưới kia và cánh đồng Bản Pe có ruộng xoe như cánh quạt. Được ít lâu, một hôm A Phủ bỗng thấy ở Bản Pe có một vết đỏ như ỏ mới đùn. A Phủ sang bên làng hỏi mọi người, rồi về nhà bảo vợ:

- Thằng Tây mới đục đất làm nhà đồn Bản Pe, đất đỏ ta trông thấy đấy.

A Phủ vẫn cho là thằng Tây thì cũng như “người khách” bán muối, bán vải, kim chỉ ở cửa Vạn ngoài sông Đà, họ làm buôn bán, không bận đâu tới ta. Rồi A Phủ cũng không để ý hơn nữa.

Bản Pe và dòng sông kia, đôi khi trông thấy đấy, nhưng chẳng biết mấy ngày đường mới tới được, cũng chẳng có ngày tháng thông thả nào mà đi tới, chẳng có thì giờ nào nghĩ tới. Bao nhiêu việc đang làm, đang đợi. Nhờ làng giúp, A Phủ mượn được cuốc, được dao. Người ta có trâu thì con

trâu làm đỡ một nửa công, đằng này lại không có, hai vợ chồng làm cả việc con trâu.

Năm sau, đến mùa đã có bắp ăn đủ, lại được trồng một nương gai, nương lanh để may váy áo.

My ngồi trước cửa dệt vải, không rũ mặt xuống như những năm trước còn ở nhà thống lý, mà My ngẩng mặt theo chiếc thoi, tay My vỗ con cuốn quán vào lưng nhanh thoăn thoắt. Trong chuồng nhà nuôi được hai con lợn nhờ.

Vợ chồng đang bàn tính phải làm nhà gỗ, vì ở đây đầu núi, nhà tranh không chịu được gió lốc tháng Tám, có khi bay cả người, cả nhà, phải nhà gỗ mới chắc chắn đứng, thế là họ bắt đầu công việc làm nhà gỗ, như mọi người chí thú khác ở trong làng. Mỗi buổi đi rừng, A Phủ vác rìu chặt một cây gỗ, đem về, cái thì đẽo làm ván, cái làm cột, cái làm mái. Đã vác về mấy chục mảnh, dựng sẵn đấy. Chỉ độ ba năm sau sẽ được cái nhà tốt.

Vợ chồng A Phủ thường nghĩ đến cái nhà gỗ cho cả đời mình, đời con cháu, một cái nhà gỗ có tàu ngựa quanh mái hiên, đằng trước đằng sau nhà hai dãy đào. Trước cửa sẽ nhô khoảng đá sỏi dọn làm một khoảng vườn to, có ván gỗ rào quanh, đến mùa khô ráo thì trồng rau cải xanh, đậu răng ngựa. Trên những tảng đá to quanh nhà, My đem váy áo ra hong nắng. Gặt hái đã xong, lại sắp Tết. Mấy nhà mổ chung một con lợn to, ăn thịt, uống rượu, còn bao nhiêu mỡ thì để dành làm dầu thắp đèn quanh năm. Vợ chồng thường bàn tính những chuyện tốt đẹp tưởng tượng ra như thế.

Một hôm A Phủ đi nương. Giữa trưa, về thấy trong nhà có một lũ lính. Hai con lợn đã bị bắt ra từ lúc nào, trói nằm trước cửa. Nếu về chậm, chắc chúng nó đã mang đi rồi.

Lạ quá, A Phủ xăm xăm chạy đến hỏi:

- Mày ăn lợn của tao à?

Mấy người lính khinh khinh nhìn A Phủ không nói. A Phủ lại hỏi:

- Thống lý bảo mày sang ăn lợn của tao à?

Những người lính Thái cũng không nói, mà họ hát hăm về phía mấy người quan Pháp vừa từ ngoài rừng bước vào, không biết ra tìm kiếm gì ngoài ấy. Cả đời A Phủ mới thấy thằng Tây lần này là một. A Phủ giật mình, rón chân chạy lùi. Nhưng A Phủ đã quên ngay sợ và lại chăm chăm mắt vào hai con lợn của mình. Trong lúc sợ A Phủ lại cũng nghĩ bọn Tây cũng có thể giống những “người khách” bán muối, vải, kim chi, xua nay làm buôn bán ở ngoài ở cửa Vạn, bèn hỏi:

- Mày về đây mua lợn của tao à?

Người lính gật và nói:

- Ừ, quan về mua lợn của mày. Mày phải khiêng lợn cho quan đi với chúng tao.

A Phủ khiêng lợn. Vừa sợ Tây và lính có súng, vừa lo mất không lợn, A Phủ chẳng kịp hú gọi vợ về, đã phải cùng ba người lính khiêng hai con lợn, xuống núi về Bản Pe.

Rồi năm ngày, mười ngày, mười hai ngày, nửa tháng cũng không thấy về.

My ra đứng đầu nường trông xuống cái đồn Bản Pe vẫn đỏ hoe như tổ mối. Một lúc thì mắt hoa lên, nước mắt lo lắng giàn giụa ra.

Một buổi, A Phủ chạy về. Bộ quần áo chàm vẫn rách toạt tả tễ. Nhưng trên đầu, đã bị cắt cụt cái đuôi tóc, mất cả cái hoa rọi mọi khi dài xuống đến vai.

Người làng ra hỏi thăm. A Phủ vừa kể vừa chửi:

- Con chó đẻ ra thằng Tây! Nó trối, bắt nằm hai ngày một chỗ với con lợn. Nó bảo ở Phìn Sa nuôi cán bộ, nên bắt tôi về bỏ tù. Tôi bảo: tao không biết cán bộ đâu, tao không biết nuôi ai, từ khi tao về đây tao chỉ biết có mây đến, mây lấy lợn của tao, thế là mây bắt tao phải nuôi mây đấy. Chúng nó đánh tôi nhiều lắm. Cái tóc dài thế này, cái tóc bố mẹ để cho tôi, mà một lũ nó đè tôi xuống, đem cắt hết tóc đi. Rồi nó bắt khiêng đá, bắt khiêng nước... Con chó đẻ ra thằng Tây! Tôi khổ quá phải trốn về, đành bỏ mất hai con lợn cho nó ăn rồi.

Từ đấy, những khi trời sạch mây mù, trông xuống Bản Pe thấy cái đồn Tây đỏ ối như mối, thì A Phủ lại kể chuyện và mở vai áo ra, đếm những vết bị đánh đã vằn thành sẹo. A Phủ vừa kể, vừa chửi. Bây giờ trông cái đồn không dừng dung như trước, mà lại thấp thòm lo. Chạy đi đâu ở thì tiếc nường, tiếc công, mà ở đây thì lo sớm tối mất cửa, mất người, không biết thế nào.

Một hôm, vợ chồng A Phủ đương cuộc nường. Nghe phía nhà ở vắng lại tiếng sáo thổi một bài hát.

Thấy ruộng không thấy nường

Thấy nhà không thấy người...

Có một người lạ vừa lên. Theo thói quen, thấy nhà vắng, khách thường thổi sáo gọi chủ về. Người lạ ấy mặc quần áo đen, đuôi tóc dài, nói giọng Mèo trắng. Người Mèo trắng ở dãy núi phía trong thường ra ngoài này tìm đổi muối ăn.

Đầu câu chuyện với khách, theo thường lệ, A Phủ hỏi:

- Ăn cơm chưa? Ăn cơm nhà ta đi.

Rồi A Phủ và người lạ vào ngay bếp, lấy mấy nắm bột ngô xuống ăn với thịt chuột nấu với rau cải My vừa nhở ở nường về. Họ ăn và nói chuyện.

- Ở đâu về đây?

- Ở ngoài vào.

- Ngoài nào?

- Ở ngoài Chính Phủ vào khu du kích.

A Phủ đứng ngay lên, tay vẫn cầm cái thìa gỗ đầy nước canh vừa mức, chưa kịp húp đồ lênh láng cả trên mặt đất. A Phủ gọi vợ, hốt hoảng. Rồi lại quay ngay vào hỏi người lạ:

- Có phải là cán bộ?

- Ừ, tôi là cán bộ. Nghe nói A Phủ mới bị Tây bắt, tôi về hỏi thăm.

A Phủ tái mặt. Mỵ đang ăn cơm một mình ngoài sân, chạy vào ngơ ngác đứng cửa. A Phủ hấp tấp bảo vợ:

- Nó là cán bộ!

A Phủ đột nhiên hăng lên, nhảy lại trước mặt người lạ, kêu:

- Pá chính [\[2\]](#)!

Người lạ ấy vẫn điềm tĩnh cảm bát bột ngô. A Phủ trợn mắt:

- Tao thù mày!

Người lạ cười:

- Sao A Phủ lại thù cán bộ?

- Một đời tao chưa trông thấy cán bộ mà thằng Tây cứ bảo tao nuôi cán bộ, thằng Tây đánh tao, cắt tóc tao.

Người lạ nhìn vào mặt A Phủ, nói:

- Tây muốn ăn lợn của A Phủ nên nó nói dối thế thôi. Chứ cán bộ cũng như A Phủ, cũng người chín châu mười mường trong đất nước, cũng nghĩ một bụng, cũng uống con suối chảy trong đất ra, vẫn thường ở với nhau, có gì khác đâu.

Rồi người lạ nắm tay A Phủ, đứng xích lại, đo cánh tay mình với A Phủ:

- Chân tay dài bằng nhau, nói tiếng nhau. Ta là anh em.

Từ nãy nghe cán bộ nói, A Phủ đã thấy xuôi. Rồi dần dần nghĩ ra. Cán bộ nói tiếng như ta, tóc dài như tóc ta, cũng họ ta, ăn như ta, cánh tay bằng cánh tay nhau, đến nhà ta chơi biết thổi sáo gọi người về, không lấy lợn, không đánh ta, cán bộ không phải như thằng Tây, có gì mà phải thù? Thôi, thằng Tây nói dối, nghĩ thế, A Phủ quay ra thì thảo với vợ. Người cán bộ thoáng nghe vợ chồng A Phủ nói, đoán nét mặt và cử chỉ, biết tình hình đã đổi khác. Rồi thấy A Phủ nhồm nhoàm ăn bột ngô. Mỵ đã bắt đầu ngẩng lên nhìn người lạ.

Đợi A Phũ nói với vợ xong, cán bộ hỏi:

- Tây bắt A Phũ mấy hôm? Làm sao trốn về được?

Thế là A Phũ mở áo cho xem những nốt sẹo, rồi kể chuyện Tây đánh, Tây sai lính bắt cắt tóc, bắt tù, bắt gánh đá, khiêng nước... A Phũ nhớ vợ, nhớ nhà... A Phũ nhảy qua bờ rào, chạy... Kể xong, A Phũ hỏi:

- Nó đánh ta, nó bảo ta nuôi cán bộ. Trông cán bộ thì cũng như anh em ta, sao nó sợ cán bộ thế?

Cán bộ bèn cười:

- Nó sợ ông Chính Phũ.

Từ lúc ấy, cán bộ đã thân như người trong một nhà. Đã hiểu cán bộ là anh em thì A Phũ nhìn bằng anh em ngay, A Phũ bảo: “Người Mèo chúng ta thù đứa nói dối, thù đứa ăn tham, bao giờ cũng thích có người tốt làm anh em một bụng. Cán bộ có một bụng thế không?”

Buổi chiều, A Phũ bảo cán bộ cùng ra phá cái chuồng lợn, lấy gỗ vào đèo làm vách. Người cán bộ ấy đèo vách nhanh và phẳng, rõ ràng một bụng như ta. Vừa làm, vừa hỏi:

- Sao không để chuồng nuôi lợn khác?

- Rồi Tây lại lên ăn mất, thôi không nuôi nữa.

- Có cách nuôi được.

- Cách nào?

- Ở Pú Nhung trên Lai Châu bây giờ nhà nào cũng có hai nhà. Nuôi lợn ở nhà trong rừng có đủ cái tốt, còn cái nhà ngoài làng thì không có gì. Tây lên tìm không còn gì mà cướp được. Cả nương ngô, nương khoai, nương rau cải cũng làm bí mật thật xa, Tây đi tìm không trông thấy thì không làm hại được.

A Phũ bảo vợ:

- Ta cũng bắt chước người Pú Nhung. Nếu thế thì vẫn ở đây được, không sợ mất cướp.

Hôm sau, A Phũ và cán bộ vác gỗ, đeo những quây khoai, ngô, những thùng đựng gỗ nước vào rừng sâu làm lán, làm chuồng lợn, lại đắp cả lò bung ngô. Ba hôm làm đã xong, A Phũ thích quá, ra đứng đầu nương trông xuống cánh đồng Bản Pe:

- Thằng Tây kia mà lên đến cái dốc này thì ta vào rừng. Này, cán bộ đi bảo cả vùng Phìn Sa cùng biết cách làm nhà trốn trong rừng như ta nhé.

- Người ta làm cả rồi. Chỉ còn có A Phủ làm sau cùng đấy thôi.

- Cán bộ bảo cách à?

- Ừ.

Hai người ngủ ở một lán trong rừng.

Đêm ấy A Phủ hỏi chuyện vợ con nhà cửa, cán bộ nói: “Quê nhà tôi ở dưới xuôi, ở đây cũng có giặc Tây đến, nó cũng đi cướp thế này. Anh em tôi cũng không còn ai nữa. Tây giết mất cả rồi. Người ta phải đem của đi cất giấu và lập đội du kích đánh nó để giữ người giữ của. Vì tôi biết giấu của, tôi biết đánh du kích nên tôi đi các nơi, bảo mọi người làm như thế. Quê nhà tôi cũng thế này”. Nghe xong, A Phủ ngồi dậy, nắm chặt hai tay cán bộ: “Ta giống nhau thế thì làm anh làm em với nhau được rồi”.

Rồi A Phủ kể chuyện đời mình, đời My cho tới khi tại sao hai người trốn đến ở đây. Cán bộ nghe, trong lòng xót xa lắm. Nửa đêm mà vẫn thao thức chưa ngủ.

- Tôi xin ăn thề làm anh làm em thật bền với A Phủ.

A Phủ sung sướng quá:

- Tên là cán bộ à?

- A Châu.

- A Châu!

- A Phủ!

- Bây giờ làm anh làm em rồi, nếu A Châu còn công tác phải đi đâu thì A Châu viết một cái giấy để lại, bao giờ lấy được nước độc lập tôi mang cái giấy về xuôi, đến tận nhà mà nhận nhau.

Hôm sau, về nhà ngoài làng, A Phủ bắt một con gà trống mang lên cúng làm lễ ăn thề nhận nhau làm anh em, theo phong tục.

A Châu treo trên vách một lá cờ đỏ sao vàng nhỏ, từ sáng sớm A Châu đã đi sang mượn được của một tổ du kích. A Phủ thắp mấy nén hương. Mùi hương thơm ngan ngát tỏa bay khiến cho người cán bộ miền xuôi ấy nhớ lại khi xưa còn ở làng, mỗi lần trong nhà có cúng giỗ. Bây giờ, lại tự tay làm cái việc phong kiến này, thấy vừa buồn cười, vừa ngượng. Tuy nghĩ như vậy nhưng vẫn lặng lẽ và nghiêm trang để nhích đầu lá cờ lên trên những nén hương, ngay đầu bếp.

A Phủ đến giữa nhà, khấn lâm râm vào bàn thờ cúng ma một lát rồi quay sang bên bếp, đứng trước nén hương và lá cờ, A Phủ cúi đầu thề:

- Tôi là Vừ A Phủ, tôi đã đem trình ma em tôi là Vừ A Châu, tôi thề suốt đời làm anh em với

nó, ăn ở với nhau tốt mãi, bao giờ được độc lập cũng thế, không bao giờ tôi hai lòng đi báo Tây hại nó, nếu làm sai lời thì trời làm chết vợ chồng, chết hết giống nhà tôi.

A Châu giờ tay thề:

- Tôi là A Châu, tôi thề suốt đời làm anh em với A Phũ, ai bắt nạt A Phũ thì cùng nhau đánh đũa thù, đánh thẳng Tây, không bao giờ bỏ anh em.

Đã thề xong, A Phũ kê con dao lên cắt cổ gà. Được lưng bát tiết, A Phũ quỳ xuống, uống một nửa, A Châu một nửa.

Không thấy tanh mà cũng không ghê lợm gì cả. Ý nghĩa tinh thần của công việc đã khiến người cán bộ vượt qua những điều ngằn ngại lúc này. Từ lúc nghe A Phũ thề, nét mặt nghiêm, tin tưởng, rồi chính mình bước ra thề làm anh em với A Phũ, không bao giờ phản nhau, thì người cán bộ không còn ngượng và sợ mình phong kiến nữa, mà trước bàn thờ lúc này chỉ thấy chói lọi lòng trung thực tha thiết của hai người.

My từ trong bếp ra. Đàn bà không được ăn thề, nhưng My trông, My nghe hai người thề thì My không ngồi bếp được. My ra quỳ xuống trước mấy nén hương thấp dờ, My bung mặt khóc. A Phũ cũng bật khóc. Mỗi người nghĩ lại ngày qua, cay đắng và ngậm ngùi.

A Châu nói với My:

- Bao giờ lấy được độc lập thì vợ chồng A Phũ về quê tôi chơi. Bấy giờ, đâu cũng được ở yên, làm ruộng làm nương, làm buôn làm bán, đâu cũng sướng như nhau.

Nghe A Châu nói, hai vợ chồng A Phũ ngược lên, nước mắt còn chan hòa, cùng nghĩ đến lúc sung sướng ấy: Có cái nhà gỗ trên núi tranh, có trâu, có ngựa quanh nhà, có trẻ con chạy chơi dưới những cây đào trước cửa, như họ đã ước từ ngày mới sang Phìn Sa.

Từ đây, A Châu thường khi đi, khi về nhà A Phũ. Mỗi lần công tác xa, lại dặn: “Ở đây nhé, rồi tôi trở về, ở đây nhé!...”. Vợ chồng A Phũ vẫn ở đây.

Một năm sau, vùng Phìn Sa thực sự đã trở nên khu du kích. Tây đồn Bán Pe lên cướp lợn, cướp bò, bẻ ngô, thì làng chạy hết, du kích ở lại bắn đuổi. Lâu lâu, không dám lên và khinh thường người ở trên núi nữa.

Hôm ủy ban xã làm lễ thành lập đội du kích, có bộ đội và ban huyện về tham dự, mít tinh rồi chơi đánh pao, đánh yến. Đội du kích đủ súng kíp, có cả ngựa. Những ngày nắng, lên tập bắn lá cây trên đỉnh núi.

Mùa xuân lại đến trên những đỉnh núi cao các làng Mèo. Tết của khu du kích kháng chiến không có tiếng chiêng cúng ma rập rờn. Nhưng trong đôi cô tranh mệnh mông, gió cứ giạt từng cơn vàng rực và trong phong cảnh khô héo cũng tựa tựa mọi năm, mỗi khi gặt hái xong, năm nào cũng như năm nào, trời cao mà như gần, cô tranh đã bắt đầu úa, có những con đường đất đỏ ối, dài hun hút, vồn lên từng nét ghê rợn bên sườn núi trọc, có những buổi chiều buốt, lạnh teo, trong khi

ấy cái Tết thông thả tới. Nhà nào cũng nghỉ đi làm nương. Củi gỗ thông trong bếp bốc mùi thơm. Tiếng sáo réo rất suốt đêm ngoài đầu núi tranh. Nhà nhà giã bánh dày, giết lợn làm Tết. Năm nay trai gái không chơi Tết trước sân đầu làng, sợ tiếng sáo, tiếng reo hò kinh động xuống cánh đồng, khiến Tây đồn nghe tiếng. Họ kéo nhau lên núi, đi chơi trên núi từng đoàn. Các chị Mèo đỏ, váy thêu, áo khoác, khăn hoa chùm rực rỡ. Các chị Mèo trắng chít khăn trắng nếp phẳng lì, tóc mai cạo xanh nhẵn. Con trai thì áo chèn, bịt đầu khăn trắng, thắt lưng màu thiên thanh.

Nhà A Phủ cũng giã bánh dày. Tết này là Tết đầu tiên hai người có thịt, rượu mà ăn với nhau. Vợ chồng mừng rỡ, vui sướng như trẻ con thấy Tết.

Buổi sáng, một bọn trai gái trong làng trèo đồi sang nhà A Phủ uống rượu. Bát rượu chuyền tay nhau, mỗi người một hớp, rượu bát chuyền quanh bếp sưởi củi thông thơm, hết bát ấy lại uống bát khác. Vừa uống vừa hát.

... Em không yêu anh

Quả pao anh ném đi

Quả pao rơi xuống đất...

Họ vừa ra khỏi đây. Tiếng hát, tiếng sáo, mùi rượu, tiếng cười còn đậm ấm đầy nhà, My và A Phủ chưa lên núi, hai người chệnh choáng say.

My ngồi bên bếp, má đỏ rù, lặng lẽ cời than, nướng miếng bánh ngô. Đột nhiên My nhớ lại ngày con gái của mình. Những ngày đầu đời con gái cũng uống rượu, cũng cời than sưởi ấm, cũng nhiều bạn cùng lứa tuổi đến thổi sáo, hát, cười. Nhà My nghèo, váy áo cũ của mẹ để lại cho thôi, thế mà sung sướng bao nhiêu. Nhưng những ngày con gái chỉ ngắn ngủi, nhanh như bóng nắng. Đến khi về đến nhà Pá Tra, My không còn nhớ, không muốn nhớ. Nhưng sao đến tận bây giờ My cũng chưa thể quên dứt được cái lỗ cửa vuông mà bao năm My đã ngồi trong bóng tối ngược mắt ra, lúc nào cũng chỉ thấy mờ mờ bóng sương. My đang nghĩ lại.

A Phủ đã buộc xong gói bánh, xách đến ngồi trước bếp, bảo vợ:

- Ta đi chơi.

- Không đợi A Châu về cùng đi à?

My lại nói:

- Bao năm nay không đánh pao, không thổi sáo, quên hết rồi.

- Bây giờ không ai cười nhau đâu.

Biết thế, nhưng My vẫn hỏi:

- Anh không có vòng bạc, em không có váy thêu mới, đi chơi sao được?

A Phủ cười to:

- Bây giờ ở du kích, ta chơi Tết không còn đĩa ăn mặc đẹp đi đánh nhau cướp vợ đâu. Đây không phải Hồng Ngài rồi.

Nghe thế, My cúi lòng. My khóc, nhưng lòng My thì phơi phới. My cời tay rút sáo cài trên ngực áo A Phủ. Nước mắt giàn giụa, My nhắc ống sáo, thổi một bài hát, mười mấy năm nay không thổi, nhưng My vẫn nhớ từng câu:

Em muốn yêu anh

Anh không yêu

Em bỏ anh không được

Em phải về, em lấy anh

Làm thế nào cho em lấy được anh.

A Phủ cũng xách cái khèn, đứng dậy:

... Trời hết rồi, em ạ

Tay em biết cầm kim khâu áo

Em không có lòng thì thôi

Em có lòng thì về

Ta ở với nhau một đêm

Ngoài cửa, bọn trai gái đi qua, lao xao gọi vào:

- Chơi một mình với nhau ở nhà à?

Chẳng biết vợ chồng A Phủ có nghe tiếng không, nhưng hai người vẫn mãi mê thổi sáo, nhảy khèn. Ngoài kia đám trai gái nọ không đợi, tiếng sáo véo von đi.

Lúc sau, A Phủ chột chống khèn, nhìn ra ngoài:

- Ta cũng đi thôi. Có thể lên núi gặp A Châu trên ấy. My khoác tay nải bánh lên vai. Hai người theo đường dốc đi lên.

Vẫn vui như lúc nãy, vợ đi trước, thổi sáo. Chồng đằng sau hát theo. Tiếng hát ứ dài, mênh mông trong đồi tranh. Hôm ấy trời trong như một bóng sáng, trông xuống thấy chảy qua chân núi dòng suối ngọt nước trắng tinh.

Tới đầu dốc, sắp vào vệt rừng thưa, bỗng A Phủ che ngang tay lên trán, dăm dăm nhìn, rồi nói:

- Con chó đẻ ra thằng Tây. Nó lên cướp Tết của ta kìa, đông lắm.

A Phủ vứt cái khèn xuống tảng đá, lao về nhà, dắt ra một con ngựa của đội du kích.

- Em lên báo tin cho du kích.

My phóng ngựa lên núi. A Phủ ra khe đá, lấy khẩu súng kíp vẫn giấu ở đấy, rồi chạy tắt núi tranh sang Phìn Sa.

Từ trên rừng, các đám trai gái đang chơi đã thành đội du kích tập hợp lại.

Đội du kích về đến làng, thì lính đồn đã ủa vào khắp nơi. Không có chỗ phục, súng kíp không đến gần được, nhưng cứ leo móm đá, đứng ngay trên đầu những nơi chúng sục sạo, bắn súng và lăn đá.

Ở đầu dốc vào rừng, một tổ phụ nữ tiếp tế bị giặc vây bắt được. Cả My cũng bị bắt.

Cuộc càn quét của giặc lên khu du kích Phìn Sa kéo luôn ba ngày.

Ngày thứ nhất chúng khuân hết của cải các nhà, từ cái thùng gỗ, cái váy, cái cối đá, đem về một chỗ, bao nhiêu người già, trẻ con còn mắc trong làng chưa chạy được nhốt cả ở đấy.

Ngày thứ hai, đi đốt nhà, cho ngựa phá các vườn rau cải, bẻ nốt những nương bắp muộn, rồi lừa trâu, bò, dê, ngựa ngoài đồi tranh về, rồi lên sục đốt các lán trong rừng. Du kích bắn lại, chúng chạy bạt xuống.

Ngày thứ ba, tỏa ra trên các dải núi. Ngô thóc và mấy chục người già, trẻ con, các chị bị bắt, hàng trăm bò ngựa và mười cánh thẳng chết, thẳng bị thương, chúng đem cả xuống.

Suốt một ngày chưa xuống tới chân núi. Qua mỗi mô đá, một khe hẻm hiểm trở lại gặp súng nổ, phải chững lại. Nhờ thế, một số chị bị bắt đã tan chạy. My cũng chạy được.

My về chỗ lán cũ. Nhưng lán đã bị cháy hết. My theo liên lạc vào cánh rừng khác. A Phủ cũng vừa về lấy đạn. Thấy chồng, My bấu chặt vai, òa khóc, mặc mọi người xung quanh xúm đến.

Những người du kích nghe My kể lại:

- Vợ con A Chế ngay từ lúc xuống giữa dốc thì ngã, đau bụng quá, những thằng lính đi sau giẫm lên, chị phải nằm chết ở giữa đường. Còn có đứa con lên ba, một mình nó lạc lại sau. Thằng lính đến kéo cổ, kéo tóc nó, càng đi càng đánh, đến đầu dốc thì nó ngã không dậy được nữa.

My ngồi xuống, hai mắt tròn xoe, mặt tái nhợt, không nói, không thở, không khóc. Nhiều người khóc, người chửi. A Phủ bảo My:

- Em đi cả đêm, nhọc quá rồi, đừng kể chuyện khổ ấy nữa.

Rồi A Phủ xúc vợ lên, cõng về chỗ lán cũ, đặt My xuống một tấm ván còn sót lại. My nằm thiêm thiếp. Tỉnh dậy, My thấy A Phủ đang tước mây buộc miếng thịt bò tốt rồi đốt lửa. My vẫn nằm quay mặt ra nhìn chồng nướng thịt.

Lát sau, A Phủ đến ngồi cạnh vợ. My nhìn trước nhìn sau rồi nói khẽ:

- Sợ lắm, anh à. Lúc nãy chưa nói hết. Thống lý Pá Tra về đóng dưới đồn Bản Pe đấy. Nó đem lính về ở đồn với thằng Tây rồi.

A Phủ không tỏ vẻ lạnh lùng gì. Nghe xong, quát lên:

- Quân ấy không phải giống người Mèo ta nên nó phải đi ở với Tây. Không được sợ. Phải thù nhiều hơn, nhớ chưa?

My nói:

- Sợ lắm. Bố con nó mà bắt được ta lần này...

A Phủ hét:

- Mê à? Đây không phải Hồng Ngài, đây là Phìn Sa, A Phủ là tiểu đội trưởng du kích mà.

Rồi không nghe vợ nói thêm, A Phủ cứ lảm bảm chửi, chửi chán lại nói: “Nghĩ xem ngày trước nó tới đánh ta, làm ta khổ hại, có khác gì thằng Tây làm ác bây giờ. Nó không phải giống người ta”. A Phủ lại ngồi xuống nướng thịt, vừa làm vừa chửi.

Thấy A Phủ quả quyết và chửi rủa bố con thống lý như thế, My cũng lỳ cái bình tĩnh lại.

Chỉ một lát im lặng, rồi những lo sợ lại đến day dứt. Mấy hôm bị bắt đã không làm cho My yên tâm ngay được. My lo nhà cháy, ngô lúa hết, bây giờ lại cặm cùi cày cuốc lấy lương ăn, như ngày mới sang đây, vất vả, khổ cực, mà chắc đâu đã được. Hay là ta đi. Ý nghĩ “lại đi” luẩn quẩn, gạt đi lại trở lại, và khi nhớ, lại ghê sợ nhớ xa cả đến cái chết giữa dốc của vợ A Ché. My càng thêm bị day dứt, hoang mang, khó nghĩ.

A Phủ đã nướng xong miếng thịt bò tốt, quảng xuống mặt ván, reo:

- Có lương khô đem đi cứu người già trẻ con rồi.

My định nói rồi lại thôi. Lưỡng lự mãi sau My mới nói muốn đi ở nơi khác.

A Phủ sầm mặt:

- Thằng Tây bắt một ngày mà nó đã làm cho cái gan của em bé đi rồi... A Châu đã bảo ta giữ đường này cho bộ đội, thì ta giữ đường này cho bộ đội.

Nghe nói đến A Châu, My tỉnh. My vẫn thường nghĩ: Đồi có bố mẹ thì bố mẹ đã chết. Bây giờ mới thấy A Châu, mới biết có người tốt. Giữa hoảng hốt, nay bỗng thoảng lên những chuyện thủy chung, My lại bồi hồi mong chờ.

My không nói “đi” nữa, My trở dậy, cùng A Phũ ngồi nướng thịt bò. Đã nướng xong “luơng khô” của du kích. A Phũ nói:

- Mai đi họp đội du kích bàn cách xuống đồn Bản Pe cứu người già, trẻ con về.

My tủm tỉm cười:

- Bây giờ hết sợ rồi. Mai em cũng đi.

Hôm sau, A Phũ và My đi họp đội du kích. Đi đường A Phũ chợt nhớ, nói chuyện:

- Ở Hồng Ngài cũng thành du kích như ta rồi. Tây phải lên đánh tháo cho bố con thống lý Pá Tra về đồn Bản Pe đấy.

Lần này nghe nói đến bố con thống lý thì My không lo sợ nữa. My nghĩ: “Không biết các chị ở nhà thống lý bây giờ ra sao? Có theo du kích vào rừng, có thoát được không?”. My nói với A Phũ ý nghĩ hồi hộp ấy. A Phũ im lặng. A Phũ đương mãi nhìn ra những làng xóm vừa bị giặc đốt cháy.

Vùng Phìn Sa trước kia, nhà cửa san sát, trâu bò ngựa dê đi vàng núi tranh, bây giờ chỉ thấy thoảng người đứng bởi cái bát, cái lưỡi cuốc còn sót trong đám tro đen. Từng đàn quạ lượn trên những vũng máu khô, những nơi mà bọn lính đã vứt lại những đầu bò, lòng lợn, hũy còn tanh sặc.

Nửa tháng đã qua, vẫn thấy từng đàn quạ nối nhau lượn tìm mùi tanh trên đầu núi.

1953

[1] Tổ chức cai trị của Pháp trước đặt chức thống lý cho chức việc người Mèo cũng như chánh tổng ở xuôi.

[2] Tiếng lóng biểu lộ sự tức giận, cũng có nghĩa như một tiếng chửi.

Vượt Tây Côn Lĩnh

(Nhật ký của một đại đội trưởng

trung đoàn Lao - Hà)

Tây Côn Lĩnh là một ngọn núi cao hơn hai nghìn thước thuộc tỉnh Hà Giang, nối với dãy núi Lũng Chùng Phụng chạy liền sang Trung Quốc. Tây Côn Lĩnh, cái bình phong thiên nhiên ngăn Hoàng Su Phì phía tây và Cổng Giời phía đông. Pháp đóng ở Hoàng Su Phì không ngờ có thể nào quân ta dám leo một triền núi đá cao ngất không người qua lại bao giờ và, dù đương mùa hè, trên đỉnh núi cũng rét cóng, đến cây cỏ cũng không mọc lên được.

Ngày 25-7-1948, một trung đội thuộc trung đoàn Lao - Hà (Lao Kai và Hà Giang) đã vượt Tây Côn Lĩnh vào tấn công Hoàng Su Phì.

24-7

Buổi chiều, đến chân núi. Bao nhiêu nóng nực đã được cất đi từ lúc nào. Trời đất dưới bóng núi, ẩm ướt mát rượi. Cái áo trấn thủ đầm ra sắp hợp thời.

Kiểm lại quân số một lần cuối cùng. X. chiến đấu viên. 3 RM, đủ súng trường AT. Mỗi khẩu 300 viên dự trữ. Súng máy 700 viên một khẩu, còn trữ 1.500 viên. Thế đã là khá nặng. Còn xèng. Còn xà beng. Với cái túi đeo bầy ngày gạo, lại áo và chăn trấn thủ.

Nặng quá. Công tác chính trị có kết quả. Thực sự đã xây dựng được quyết tâm của các chiến sĩ. Chứ kể ra, dù có leo qua Tây Côn Lĩnh, cũng chưa chắc trận này đã là ghê nhất. Một tháng nay chúng tôi đã tấn công đuổi địch chạy quanh Lao Chải, vó chân sắt của bộ đội Lao - Hà đã từng băng qua các đỉnh núi lạnh ghê người, đá sắc như dao. Những con người này đã từng được ruổi vàng đốt mừng mùa, sung người như thằng phổng. Đủ vành đói khát rồi.

Được, Tây Côn Lĩnh! Tây Côn Lĩnh kia! Xưa nay chưa ai trèo qua đầu mây thì ngày mai bộ đội Việt Nam sẽ trèo qua đầu mây.

25-7

12 giờ trưa.

Đi trên triền núi ngoảnh lại, không còn thấy gì nữa. Sau một buổi leo cật lực, dốc Cổng Giời đã là chuyện hôm qua. Và đường như đã xa rồi. Bây giờ chỉ có sương và mây mù mịt phủ ngay trên lưng chúng tôi. Mặt trời đã lù lờ ồm ồm đau, một cục vàng nhợt. Như chiều mùa đông miền quê. Trước mặt vẫn dựng đứng vách đá, giắt cạnh khe những cụm cây mua, dây phượng vĩ, mấy góc nửa tép cần. Trông đường đất thế này thì nghe chừng triền vọng ngày hôm nay chỉ là một cuộc leo dài.

Bám vấu đá, bám gốc cây mà leo! Tụt tay, tụt chân một cái là mất người. Mà tụt anh hỏa thực thì mất toi cả. Mỗi lần nghe chiếc nồi đồng va lờng cồong vào đá, nhiều cậu lại giật mình ngó lại. Càng lên càng lạnh, càng chiều càng lạnh. Lưng và bụng toát mồ hôi mà mặt và bàn tay thì lạnh tái. Tháng này ở dưới ta đương nắng cháy mỡ. Rồi ông mặt trời ồm ồm cũng mờ tịt lúc nào không biết. Một thứ ánh sáng đục lờ như nước vo gạo, không ra ngày không ra đêm. Đầu gối trời quá. Lưng còng xuống lấy đà nhún bước đã thấy cứng nhắc, tức đến ngực. Dễ đã cheo leo trên hai nghìn thước rồi. Cứ bước dừng đứng chân lên từ sáng sớm, còn gì!

Chúng tôi dừng lại trước lúc trời tối hẳn. Còn đủ trông thấy những cái mặt tái nhợt của nhau. Không dám kêu nữa, sợ đêm sẽ rét quá, không biết có chịu nổi không. Nơi này dốc đá thoải thoải, đôi chỗ có đất, có thể nằm được. Chúng tôi mở cơm nắm ra, và đi tìm cây, vợ cò làm lều.

Một cái lo thứ nhất: chỉ có vài người đi lấy được ít lá dong về lựa thưa lọc che sương. Còn thì phần đông, vừa ngồi thì không đứng lên được nữa. Cứ ngồi xuống lại run cầm cập, cơm cũng không nuốt nổi. Rét ở đá, rét ở bóng tối, rét từ ruột rét ra. Ghê nhất là mỗi khi nghĩ mới hôm qua còn nóng nực thì trong người tự dưng rùng mình như đương cơn sốt, càng rét khiếp. Bây giờ mới thấy là rét thật, rét ghê quá!

Đêm đến, bốn phía yên ỉ. Không phải tiếng giun dế. Không có giun dế. Chỉ có tiếng người khe khẽ. Có lẽ hai hàm răng đã cắn lại mà tiếng yên ỉ vẫn bật ra. Núi đá ẩm ướt, không tìm được một que củi. Chăn áo trùm hết lên nhau, vẫn run, vẫn yên, vẫn kêu, không tài nào chịu được.

Rét thấm từ trong ngực rét ra, không biết làm thế nào nữa.

Quá nửa đêm, nổi mấy tiếng rú, hay là tiếng ho, tiếng nôn khan, cũng không phân biệt được. Rồi bóng người lê lê từ bên phải sang.

- Báo cáo, đồng chí N chết rét rồi. Em bịt mũi không thấy thờ nữa.

- Bật lửa lên!

- Bật lửa không cháy.

- Ớt xăng đâu?

Ớt xăng đổ ra. Ớt xăng không bén lửa. Trong bóng tối, lại kéo dài những tiếng rú, không ra tiếng... Trời ơi, cái rét đột nhiên quá. Không ai có thể tưởng trước như thế này.

Một cái bóng bò đến. Run cầm cập:

- Báo cáo anh: đồng chí B chết rồi. Em cầu không thấy đồng chí ấy cựa quậy nữa.

- Y tá đâu? Y... tá... đâu?...

Không nghe tiếng thưa. Có lẽ y tá đã cứng hàm, y tá chết rồi.

Từ lúc ấy, thỉnh thoảng anh nọ lại phải cầu anh kia xem có còn sống không. Nhưng rồi có khi cầu cũng không biết đau, không thấy còn biết đau, không thấy đau, không thấy cựa. Phải bóp chặt mũi, người bị ngạt toài lên: thế mới biết còn sống.

Trời đục lờ. Sắp sáng. Sống rồi.

26-7

Chúng tôi mới hiểu: Khi ban ngày nóng, thì cái rét dữ dội đột ngột ban đêm càng hết sức nguy hiểm. Những anh em bị chết, người còn mềm rất lâu, như người nằm ngủ. Cái chết bất thần.

Hai phần ba không đi được. Bây giờ cứ nghiêng vào nhau. Tay nắm lại cũng không mở được ra. Phải đi, không thể dùng dằng! Dùng dằng thì chết hết. Nhọt nhọt quá rồi. Anh khỏe xóc anh yếu, vực nhau lết đi!

Thế nhưng cũng phải bỏ lại đây hai người. Một bộ đội. Một dân quân. Sáu dân quân làng P rất tốt, đã tình nguyện theo chúng tôi đi. Thế là đêm qua chết ba, bây giờ hai. Hai người vừa mất, chân tay nhô ra, mà mặt lại không tái, cứ đỏ lịm lên. Tuy nhiên, đây không phải là sống, mà đây là bị rét đứt mạch máu, chết tươi. Đồng chí y tá (y tá vẫn còn sống) tiêm long não cũng không lại. Chỉ một lát sau, thì tím ngắt. Chúng tôi liệm các đồng chí vào chăn rồi đem đặt cả vào một cái khe đá. Không có đất chôn, cũng không đào được.

Chúng tôi vịn nhau đi được một lúc thì mồ hôi đổ ra gân bết cứng, dần dần người hồi lại. Lại lên cao nữa. Nhưng ban ngày không khủng khiếp như ban đêm. Ai cũng cố leo. Dường như chỉ sợ lại sắp tối, tối thì chết. Đêm nay nữa thì thật chết hết. Lên đến đỉnh núi vẫn mênh mông sương, khói, mây gì không biết. Mịt mù ẩm ướt, hơi nước đọng giọt trên những cụm nứa cần, bé tí tẹo như những khóm trúc non bộ.

May sao, dốc Tây Côn Lĩnh phía bên Hoàng Su Phì thấp hơn phía Cổng Giời. Cho nên, mới đổ dốc sáu tiếng đã trông thấy rừng xanh mờ viền dưới chân. Sương mù bớt đặc. Chúng tôi như đánh hơi thấy mùi ấm áp của cuộc sống. Mới có hai ngày mà dài thế, như sang tận thế giới nào.

Bốn giờ chiều gặp một cái lán bỏ hoang của người Mèo. Lán làm nương, bỏ lâu, nương đã hóa rừng cả rồi, nhưng có người đã đến là chắc có sống. Mừng quá. Chúng tôi vào đốt lửa và nghỉ ở đây. Tối hôm nay cũng rét, nhưng lửa đã tống cổ được cái rét lên ngọn núi.

Khai hội toàn đại đội. Đại đội trưởng đứng lên nói:

- Từ giờ phút này, chúng ta đã vào đất địch. Thế là đã làm được một phần mục đích của cuộc tiến quân, bây giờ chỉ còn phần tìm đánh địch. Hai ngày hôm nay vất vả, có đồng chí chưa được đánh đã hy sinh ở dọc đường, các đồng chí có vì thế mà nản không?

- Không.

- Nản lúc này là chết. Chỉ có tiến vào mới sống, đánh được địch mới sống. Chúng ta quyết đi tìm địch, đánh địch. Ta có quyết tâm không?

Những cái đầu trọc hiên ngang nghếch lên:

- Quyết tâm!

28-7

Bắt đầu tiến hành. Xuống dốc quá nửa buổi thì tới trước cứ điểm Túng Quá Lìn. Túng Quá Lìn đóng trên một quả đồi trọc chắn lối trong núi ra. Đồn khó đồ và kẻ cướp. Đứng trên cao, chúng tôi trông thấy rõ ràng hai súng máy và một moóc-chi-ê 50.

Chúng không có thể tưởng quân ta lại xuất hiện từ trên núi xuống.

Chúng tôi tấn công giữa ban ngày. Xung phong ồ ạt loạn xạ lên, ném lựu đạn vào lô cốt đồn, tấc ngay một ổ súng máy.

Địch bị đánh thành lình. Nhưng chỉ sau vài phút cuống, chúng tỉnh ngay, bắn ra rất dữ. Chúng tôi không vào đồn được, phải rút ra, nã một loạt đạn AT, rồi lại xung phong. Nhưng cũng không vào được.

Phải rút hẳn ra ngoài, bao vây các đồi xung quanh. Chặp tối lại đánh. Chúng bỏ đồn chạy đêm, để lại hai xác chết. Chúng tôi thu được một khẩu Brenn, còn đạn moóc-chi-ê, đạn súng trường thì vô lũng, khiêng không xuể.

Kiểm điểm lại, thấy: Chiếm được đồn, nhưng không gọn nhanh, không thực hiện được kế hoạch hoàn toàn tiêu diệt địch. Và thế là lộ bí mật. Sự có mặt của chúng tôi, địch đã biết. Không thể tấn công thành lình được nữa.

Tuy vậy, thắng lợi đầu tiên đã làm hăng hái anh em. Chúng tôi đốt đồn Túng Quá Lìn rồi tiến vào Bản Quá.

29-7

Vẫn rừng núi xen kẽ, nhưng không còn hoang vắng. Và đã hết dốc. Đây là một vùng bằng phẳng ở lưng núi. Con đường vào Bản Quá chóc lại gặp nương ngô xanh rờn. Vài nhà người Mèo thấy lính đồn Túng Quá Lìn nửa đêm chạy qua, cũng đã bỏ đi hết. Không cách nào đi vận động đâu ra lương thực. Chỉ còn có hai ngày gạo. Nếu chiều hôm nay không tới Bản Quá, không cướp được lương thực của địch thì có thể phèo tuốt.

Giữa đường, vượt một khe núi đá, thì chạm trán một toán địch đánh chặn. Tao ngộ chiến. Nó định tiêu diệt mình. Mình thì nhất quyết xông vào, trước hết là cướp lương thực. Đồi bên cùng hăng. Mình xung phong. Nó cũng xung phong. Nhưng vào cách nhau khoảng 20 thước, lưới lê và mắc chúng tôi xộc lên thì chúng nó bỏ chạy tán loạn. Chúng tôi đuổi theo.

Lại một toán giặc khác từ Bản Quá tới tiếp viện, Chúng tôi đương đuổi, gặp bọn mới. Chúng nó chiếm được đồi cao, quét liên thanh xuống. Chúng tôi hy sinh mất hai. Phải lùi lại tám trăm thước, dàn trận. Hai bên bắn nhau cho đến tối mịt mới im tiếng súng. Các hỏa thực phải đi bẻ ngô trên

nương về lược. Chúng tôi đành lấy ngô của đồng bào, không biết làm thế nào khác. Phải giữ lại ngày gạo cuối cùng làm vốn.

30-7

Quân địch tấn công từ sớm. Nhưng chúng không tiến được. Đánh nhau suốt ngày. Chúng được tiếp thêm đạn từ Bản Quá ra. Moóc-chi-ê cầm canh đội sang cả đêm. Ban ngày không đi được, mà đêm thì không biết lối vào. Ngày gạo cuối cùng cũng đã hết rồi.

31-7

Chúng tôi lại tấn công từ lúc sương còn đục. Từng bộ phận nhỏ của địch định đã bọc ra sau lưng ta, nhưng đều bị đánh bật lại. Chúng nó ít quân. Nhưng chúng đã hãm ta vào một thế nguy hiểm. Chúng chiếm được lợi địa, nếu bắc ống nhôm thì nhìn sang suốt tận đàng sau ta. Cứ liên lạc nào thò đầu ra khỏi chỗ nấp là y như rằng bị moóc-chi-ê rút chặn, đuổi. Các hỏa thực phải cầm tử mới đưa được thức ăn lên cho chúng tôi. Mà nào có gì. Nó là sáng kiến linh động của nhà bếp: một ôm rau lang lược với mỗi người được hai bắp ngô.

Có khi moóc-chi-ê câu tung cả người hỏa thực lẫn rổ rau lên. Ngồi dậy, nhặt rổ rau, rồi lại bỏ.

Có những tổ ở phía ngoài không thể liên lạc tới được. Các chiến sĩ nằm trong hố, đói quá, nhảy chồm chồm, hét cuồng lên.

Một tổ nghĩ ra một mẹo: Rình lúc quân địch ăn thì xung phong vào. Xung phong hết sức táo bạo, mãnh liệt. Chúng phải bỏ chạy. Nhưng chỉ để lại vài hạt com vãi. Có lẽ nó đã biết chiến sĩ ta đói, đánh cướp cái ăn.

Không thể nán ná.

Ở cao nguyên, sương xuống rất sớm. Nhờ sương mờ, đại đội trưởng cho bộ đội bí mật rút về Túng Quá Lìn.

Địch không biết.

Chúng tôi chạy nhanh như ngựa. Ba cánh thương binh, hai chiếc cánh khiêng đạn chiến lợi phẩm lộc nhóc chạy theo.

Về tới Túng Quá Lìn, chúng tôi nhảy xả lên nương ngô. Đại đội trưởng HT không thể nào giữ được về nghiêm nghị giữa hai hàng quân, cứ ngón hết bắp này đến bắp khác. Nước ngô sũng ngần trắng nhoe nhoét hai mép.

Đêm lại làm một bữa ngô non lược húp cả nước. Sau bữa ấy, khi đã tỉnh người, rồi thì chúng tôi bỗng lo lắng hơn. Thế là lại ăn ngô của đồng bào. Phạm kỷ luật chiến trường. Mà đây là đồng bào trong vùng địch, chưa biết gì về quân đội ta. Tuy không có kiểm điểm, không ai nói ra, nhưng cứ tự nhiên, không ai lên nương bẻ ngô nữa. Mỗi anh chỉ còn vài quả đào tìm được trong rừng, để dành mai ăn.

Toàn đội khai hội. Ánh lửa bập bùng hắt lên những cái đầu trọc bóng nham nhở tóc, mặt anh nào cũng vêu vao vạc từng nét sâu hoắm như đã đói khát hàng tháng rỗng rã.

Đại đội trưởng nói:

- Ngày mai trở về. Bốn giờ sáng hành quân.

1-8

Lại qua Tây Côn Lĩnh.

Đường dốc trở ra không cao mấy. Chỉ già nửa ngày đã lên tới đỉnh. Cảnh rét đỉnh núi lại tái diễn ghê gớm. Bởi vì còn thêm cả cái đói trong người và hai ngày đánh nhau đã kiệt sức. Mù mịt sương phủ, ẩm hết quần áo. Không có mặt trời.

Chúng tôi đi từ lúc bốn giờ sáng - không phải sợ địch đuổi kịp, nhưng cốt hành quân sớm để vượt qua đỉnh để xuống cho được bên kia. Đó là kinh nghiệm máu của chuyến vào đã để lại: Nếu dừng lại đêm trên đỉnh núi thì chết.

Nhưng mà rét cứng kheo rồi. Người cứ dòn lại, lom khom xúm xít rên, run. Có một anh lên con sốt, nằm phục xuống. Mọi người đến xóc dậy. Anh nôn ra từng bát máu rồi gục xuống, lần cuối cùng. Nguy ngập quá. Bây giờ mới xế trưa. Chắc là chưa khùng khiếp rét như trong đêm. Nhưng bởi chúng tôi sút quá rồi. Đại đội trưởng giờ tay lên hét:

- Đi, đi. Đứng đây nó đông máu lại, chết hết bây giờ.

Rồi anh đẩy từng người đi. Đoàn quân lại rùng mình, ngất ngư, tuổi đá, búa cò, tuột thông hai chân. Rồi lại tuổi đá, lại búa cò, lại lần lần xuống. Một thương binh rên rì:

- Để tôi lại đây, cho tôi chết... tôi chết giữa đường thôi.

Nhưng ba cái cẳng thương binh vẫn lách đi, lách xuống. Lúc nào ba cái cẳng thương binh cũng đối mặt với cái vực sâu. Các anh nằm trên cẳng vẫn rên rì, đôi chốc lại vật nài đòi được để lại.

Đến đây, dốc đứng thành vại, không cách nào khiêng cẳng xuống. Phải bỏ cẳng lại. Các thương binh, cái chân trần thủ quần kín như để làm chần liệt sẵn. Vạch chân ra, mặt anh nào cũng đã xám ngắt. Hàm răng cứng. Chỉ còn một anh thều thào:

- Anh lấy áo... lấy chần tôi... mặc vào... anh đi...

- Không! Lệnh đại đội trưởng: Chúng ta cùng đi!

Mỗi thương binh được tiêm hai ống long não. Anh y tá tiêm xong, nâng từng người lên, vịn tay, bóp chân rồi xóc đứng dậy. Mấy anh khỏe thay nhau xóc nách từng bước đưa xuống.

Thế là rồi, xuống được cả. Tuy nhiên, nhìn lại chúng tôi đã phải để trên cả đường đi và về, hai

người trong Bàn Quá và sáu người nằm muôn đời trên đỉnh Tây Côn Lĩnh.

Thế rồi, càng xuống được bao nhiêu thì càng bớt rét bấy nhiêu. Chín giờ. Tối lắm. Vẫn tóm cây, bấu lá, trụt. Một dân quân lại tìm được cái lán Mèo không có người ở. Chúng tôi loạng quạng bước qua những cành đào trĩu quả, va vào mặt. Nhưng không ai còn sức với tay lên. Có anh cố ngắt, cắn một miếng, quả đào vừa ngáp răng thì hàm cứng lại, đến nỗi không há ra được.

Không đốt lửa, không còn đủ sức đi vơ củi đốt lửa nữa. Tất cả lẫn ra đất, nằm sắp chết.

2-8

Tình đây, nhiều người nhìn thấy mình nằm trên những đám phân ngựa đã mọc nấm trắng. Một số tỉnh, lò dò đi kiếm được nấm rau tàu bay. Ánh lửa bếp làm cho xung quanh đã hồi hồi.

Nồi canh rau muối được bắc ra. Mọi người vục đầu húp. Nhưng đói quá, lại vừa trải cuộc kinh khủng đến như thế, ruột đã quắt cả lại. Húp vào càng bài hoải. Có anh lại ngã ra, ngắt đi.

Đại đội trưởng chọn một tổ ba người còn khỏe, trút súng lại, chạy về trước báo tin.

*

* *

Chiều hôm ấy, một tiểu đội cấp hành quân lên. Họ đã gặp chúng tôi, nhưng dường như không thể biết hơn ba mươi con người ấy nằm đấy từ bao giờ, bởi vì sự im lặng đến kinh rợn, như vào chỗ không người. Tôi được nghe kể: Họ đã thấy chúng tôi xúm xùm, chồng chồng, tay quắp, chân co như những xác chết. Mép sùi bọt. Mặt trắng bệch. Xung quanh thì bừa bãi nồi, túi thuốc, súng, cả chăn hãy còn cuộn nguyên, đạn - cả khẩu Brenn và những hòm đạn moóc-chi-ê 50 chiến lợi phẩm thu được ở Túng Quá Lìn. Đại đội trưởng nhắm mắt nửa nằm nửa ngồi, đầu lả xuống một tảng đá. Chăn trần thủ trùm ngoài cái áo khoác dạ “cút ngựa” rơi tụt xuống chân.

Tôi chỉ còn nhớ tôi vừa lão đảo ngồi xuống đấy. Mắt vàng, đầu nặng như đeo đá. Một ý nghĩ ngộ nghĩnh cố gắng thoáng tới. Tôi thử hát xem tai tôi có còn nghe tiếng của tôi không. Không biết tôi có hát nổi không, nhưng tai tôi chẳng nghe tiếng gì hết. Tai tôi ù ù sấm động. Thế là tôi ngồi gục, nửa tỉnh nửa mê như thế.

Câu chuyện vượt Tây Côn Lĩnh mới cách đây ba tháng.

Hôm nay, lại hành quân. Từ Phố Ràng lên, cũng toàn dốc rùng. Đại đội trưởng HT bảo tôi:

- Bộ đội trung đoàn Lao - Hà chúng tôi thì quanh năm leo, lại leo.

Mùa hái bông

Mùa xuân, vùng Mường Piềng có tục lệ cũ: Trai gái đi chơi hang núi. Những cuộc hò hẹn vui thú nhất là những cuộc chơi hang.

Năm 1952, trong chiến dịch giải phóng Tây Bắc tôi qua khu du kích Mường Piềng, được nghe câu chuyện sau đây.

Pháp trở lại. Cả các làng bản Mường Piềng phải bỏ ruộng, lên ở núi. Cây lau, cây bói mọc lấp hết ruộng. Hoa lau hoa bói hoang dại loang ra năm này qua năm khác trắng xóa cánh đồng.

Làng mạc, nương rẫy bây giờ ở bí mật trên núi cao. Đến mùa gặt, đứng trên ngọn này, trông chênh sang sườn núi khác, chốc lại thấy một vệt sang sáng vàng vàng. Ấy là những nương lúa tra kín đang trổ.

Năm ấy, thành linh Tây lên lòng. Cả làng lại phải bỏ nương lúa, bỏ núi đi lần nữa đến nơi hóc hiểm, xa hơn. Như một đàn trâu vào rừng biết bảo vệ nhau, họ đi từng đám. Người già, trẻ con gồng gánh đi giữa. Du kích mang nỏ và súng kíp giữ gìn trước, sau. Hơn hai mươi người và đồ lễ treo núi. Mỗi ngày mỗi đêm vẫn đi. Đêm đến, trông xuống vòm sương mù mịt, thấy ánh một đốm lửa. Đây là cái đồn Tây đóng giữa làng cũ, vẫn còn thấy cái đồn ấy. Người ta lại giục nhau, lại treo đi.

Nhưng bỗng cả bọn dừng lại đợi. Vẫn chưa thấy anh Sinh trở lại.

Du kích Sinh đeo súng kíp, đi trước. Anh vừa theo mùi hôi thoảng qua.

Mùi hôi thú rừng. Cả Tây cả thú rừng đều nguy hiểm. Du kích phải đi tìm xem sao.

Theo bờ suối cạn, một dải lau dài dạt, gãy là tả. Đám lau bị gí xuống còn nặng đầu chân vừa xéo, chưa ngóc lại được. Mặt Sinh nóng bừng, như thói quen những khi đi săn gặp mồi. Sinh lách vào bụi, cứ nương theo ngọn lau đổ luôn về phía trước.

Cả bọn đứng đợi. Cô Hoa sốt ruột nhất. Mắt Hoa dăm dăm về bờ lau, hai tay nắm chặt đòn gánh. Hoa ngồi xuống giữa đồ đạc, rồi Hoa đứng lên. Chốc Hoa lại thì thào với cô Hắt, cô Hối. Hắt và Hối cũng bắn khoăn lầy. Hắt bực mình, đùa:

- Con hổ nó không lấy mắt chồng mày đâu.

Hoa im. Nhưng chỉ được một lát, Hoa lại rì rầm.

Giá như thời bình yên, Sinh đã được đến ở rể nhà Hoa. Cha mẹ già trong nhà đã bằng lòng. Ai cũng biết hai người mê nhau lắm. Nói gheo, không biết thẹn nữa.

Mùi hôi vẫn rập rờn trong gió. Hoa cứ nghĩ như ở đâu con hổ đương rình Sinh. Các bạn lại nói

đùa:

- Không, con hồ cái nó chẳng cướp chồng mày.

- Năm nay chạy rừng, không có thịt, du kích đi kiếm thịt về ăn Tết đây. Con hồ, con gấu cũng thế.

Vừa lúc ấy, Sinh về. Sinh lẳng một vác thịt trên vai xuống. Một nửa con nai, lòng gan thòi lòi, hai đùi sau còn nguyên. Thì ra con nai bị hồ tha vào trong khe suối cạn, ăn không hết, bỏ lại.

- Thịt Tết đây.

- Con hồ thương ta chạy Tây khó nhọc, hồ biếu ta cái Tết.

Các cụ già và lũ trẻ con xóm quanh. Họ vác lên, ước nặng. Quên cả đường chạy núi, cứ nhón nháo vui như sắp ăn cỗ trong làng. Một cụ già nói:

- Ta cố trèo lên đến quả núi trước mặt, nghỉ lại ăn Tết. Thịt làm Tết đây rồi.

Bọn trẻ lao xao cười:

- Phải rồi, ăn Tết với xòe...

- Không có trống, không rượu mà xòe được à?

- Cứ gì trống với rượu, vui thì nên xòe thôi.

Hoa liếc nhìn chị em. Chân ai cũng như đã muốn bước ra sàn xòe. Trong lòng hớn hờ vui.

Họ nghỉ lại trên ngọn núi ấy để ăn Tết thật. Đồ đạc, cái ninh, cái chảo, quang gánh tạm dón cả vào hang đá. Các cụ nhớ Tết ở làng, cứ ngồi cửa hang nhìn xuống. Không biết đến năm nào thì được trở lại ăn Tết dưới làng. Các anh du kích đem bít miếng da bò lên mặt một cái ninh, làm trống. Các chị thì căng lại dây đàn. Ăn Tết được hai cái đùi nai to. Và cũng trống, đàn, cũng xòe hát đấy.

Trên mô đất phẳng, phát đi vài đám cỏ rặng rợ, đã thành cái sân chơi đầu làng. Tiếng trống phập phùng như tiếng gió thổi vào lá chuối. Tiếng hát giáo đầu lúc xa lúc gần, cũng như những năm nào bình yên.

Chơi đầu chẳng bằng chơi đây

Chơi đêm cũng lịch chơi ngày cũng xinh...

Nhớ năm ngoái, cũng ở khu du kích trên Khe Dao, có bộ đội về ăn Tết. Mấy làng Mường, làng Mán Nga hoàng, làng Thái đi ở du kích đều đến xòe hát ở làng Mán Sơn Trang. Tiếng chân xòe rộn rã lạch xạch trên sàn nhíp với tiếng trống, tiếng đàn, tiếng hát. Sinh và Hoa cũng đi xòe, mấy đêm

ngày được cùng nắm tay nhau. Cũng như bây giờ.

Sinh và Hoa bước lại. Hai người đã đi xa đám xòe lúc nào, cũng không biết. Trời bừng sáng. Họ đi trong nắng xuân dịu dàng. Hoa phúi bụi than bếp trên váy áo. Váy Hoa đã bạc, nhiều chỗ rách cả rồi. Hoa thấy Sinh ngấm mình. Hoa xấu hổ, muốn khóc. Hoa nhớ lại mùa bông tháng Bảy vừa qua. Giữa mùa bông, Tây lên càn. Nương bông của Hoa đương nở trắng cả lưng núi. Giặc đốt phá hết. Hoa không hái được quả nào. Đã mấy năm nay chạy rùng.

Hình như Sinh cũng đương nghĩ như thế. Nhưng Sinh nói:

- Thằng Tây làm hại, nên quần áo mới rách thế này đây.

Hai người im lặng. Tiếng hát đám xòe xa đưa tới. Hoa cúi lau nước mắt. Hoa nhớ lại. Hoa buồn. Nhớ lại vài năm nay, từ khi Hoa biết, Hoa chưa được biết cái Tết nào bình yên ở làng. Hoa theo mẹ lên khu du kích từ năm Hoa còn bé còn con. Hoa đi, gánh đôi quang gánh dài quá. Đường dốc, tròn thúng quệt vào đá, mẹ Hoa phải nâng quang lên cho Hoa bước. Cái váy chàm này mặc từ năm chạy ở làng đi. Mỗi năm váy bạc, nhuộm lại, rồi lấy bớt vải thắt lưng, lai gấu xuống cho vừa tầm cao lớn lên của cô con gái đến thì. Khéo chấp vá đã mấy năm, vẫn mặc được nhưng váy áo càng ngày càng toi tả. Biết đến ở chỗ nào lại trồng nương bông được? Hoa tủi, khóc.

Sinh cười:

- Ngày mai lên khu mới, tôi đi tìm đất làm cho Hoa một nương bông. Tháng Bảy này bông lại nở trắng nương, bông để may váy áo mới cho cả nhà cũng không hết.

Lúc ấy, bọn cô Hắt, cô Hói chạy tới. Họ đương ra tìm hai người.

- Chi xòe tập ở đây thôi. Ta sửa soạn đi cho kịp thôi đường. Hoa im lặng, bấu tay, ngả vào vai áo Hói, Hói gắt:

- Rách áo tao!

Hoa mỉm cười, đưa mắt nhìn Sinh, nói:

- Đến chỗ ở mới, tao lại giồng bông. Tháng Bảy này tao hái bông, vừa may váy áo vừa cho chúng mày cũng không hết được.

Mấy chị em cùng cười. Váy áo đương rách, nhưng họ nghĩ đến nương bông nở và váy áo mới. Như thế mới vui được.

Tiếng đàn, tiếng hát xòe còn văng vẳng. Họ lại chạy vào vòng xòe. Xòe rộn thêm lúc nữa, rồi mới đi. Sinh nắm tay bạn xòe, khéo chọn chỗ đứng ngay trước mặt Hoa, Hoa bỗng ngượng, cúi đầu. Đám xòe thêm người mới, lại rộn rã hơn.

Chơi đâu chẳng bằng chơi đây,

Chơi đêm cũng lịch chơi ngày cũng xinh...

*

* *

Cô Hắt đã kể lại cho tôi nghe những chuyện làng chạy giặc lên ở khu du kích năm ấy. Kể đến đây cô ngáp ngừng:

- Sáng hôm sau, đương đi thì gặp Tây ở đằng núi kia lên chặn. Em bò vào bụi cây, đến khi Tây đi rồi em lại chạy theo làng.

- Thế còn Hoa thì sao?

- Tây bắn chết cả hai người.

Hắt im, không nói nữa. Trên cái sân nhà ảng mới dựng lại, Hắt quay con cúi. Tiếng lạch xạch đều đều. Sợi bông vải trắng muốt chảy theo guồng. Như sợi bún xuống khuôn. Đấy có phải là sợi vải bông giống tốt ở Khe Lao năm trước, các làng trên khu du kích đi lấy về giồng? Thế là cái ước mong được váy áo mới của Hoa và Sinh đấy.

Trai gái Mường Piêng vẫn có tục cũ đi chơi hang mùa xuân. Bây giờ đi chơi hang mùa xuân cô nhớ Sinh và Hoa khi ở khu du kích trên núi vẫn mong mùa hái bông và đợi mùa xuân chơi hang.

Thào My kể chuyện đời mình

1.

Nhà em ở núi Nhá Súa, núi em có ba nhà ở cửa hang. Đứng đây trông xuống cánh đồng Mèo Vạc xa xa.

Đến năm em được mười tuổi thì em lấy chồng. Chồng em lên bốn. Nhà nó ở núi bên kia. Mỗi buổi chiều, nắng bên này ngả về bên ấy, bóng núi sang theo, như núi liền nhau. Nhưng thật thì không có đường sang và em sợ lắm, em không biết mặt nó bao giờ.

Lúc đầu, bố mẹ bảo chênh lệch quá không cho lấy. Nhưng còn nợ người ta nhiều rồi thì sao. Người ta đã dọa về bắt em đổi nợ rồi lấy چرا xa đôi người em ra.

Mẹ em cũng khóc, bảo: Người Mèo trắng xưa nay không lấy người Mèo hoa, vì người Mèo hoa chết không được đắp chôn.

Sợ cứ sợ, nhưng cái nợ lâu năm còn phải sợ hơn. Mẹ em sợ em phải lấy chồng người Mèo hoa nhưng lại bảo em: Con ơi! Con đến tuổi đi lấy chồng rồi, con có thương bố mẹ thì con đi lấy chồng cho bố mẹ có phận nhờ mà trả được nợ người ta.

Rồi mẹ lại bảo đến năm hai mươi tuổi thì mới cho cưới.

Em không lo. Em còn mười năm được ở nhà. Nhưng con hổ đã vào cạm rồi mà không biết. Nhà chồng bán tin bảo nhà nó hết người làm nên xin cưới ngay. Thế là bố mẹ em lại nghĩ ra cái sợ khác. Đời người ngày trước thật lắm cái sợ. Dù không cho cưới, nhưng đã hẹn rồi thì nếu em chết bây giờ cũng là ma nhà người, cũng lại phải đền, thân con gái trốn đi lấy chồng đâu cũng phải đền. Bạc nợ còn không trả được, lấy bạc đâu để đền. Thế là em sắp phải về nhà chồng.

Từ lúc ấy như có ai đặt em ngồi vào bóng tối.

Nước mắt em chảy tràn, ướt hết thành giường

Nghĩ không nổi, suy không tới, trời vẫn chưa sáng.

Em quên tất cả, chỉ có cái sợ. Em đi tra hạt bầu trên nương xong, vào rừng, hái bảy chiếc lá ngón. Em chỉ còn nghĩ cái chết, chẳng nghĩ gì nữa. Chỉ còn ăn lá ngón cho được thôi sống thì mới khỏi về nhà người ta.

Về nhà, bố đi vắng. Chỉ còn mẹ. Đã thấy hoa mắt. Nếu không báo mẹ là mình đã ăn lá chết, mẹ không được biết ta sắp chết thì thương mẹ quá. Nhưng em chưa dám nói thẳng. Em hỏi em gái:

- Mà có hoa mắt không?

Nó đáp:

- Không.

Em nói:

- Chị đương hoa mắt lắm.

Nó vẫn đun cháo lợn. Mẹ đương xay bắp. Nói thế, cũng không ai để ý. Em đến xay bắp với mẹ. Em vào cầm cái tai cối đỡ cho mẹ nghỉ. Bà hàng xóm đương bước tới. Em hỏi lại em gái:

- Mà có nhìn thấy mấy bà đi kia?

- Một bà.

- Chị thấy bốn, năm, sáu bà...

Em gái cười:

- Chị hoa mắt rồi.

Bà lão chăm chú nhìn em rồi kêu: “Trời ơi. Con này ăn lá thuốc, má sung to rồi kìa”.

Mẹ em khóc:

- Ai chửi mà mà mà đi ăn lá thuốc!

Mẹ em chạy ngay lên rừng, hái về một nắm lá “cuốn tua”.

Cả xóm đã xô tới. Em không đứng được nữa, em ngồi tựa vào cối đá. Em thấy mẹ em bụng bát lá thuốc đến, mẹ em khóc. Em thương mẹ, em uống hết bát nước lá giã độc.

Lát sau em nôn thốc hết. Em tỉnh.

Ai cũng hỏi em buồn gì mà định chết. Em nói: “Em không muốn về nhà chồng”. Mẹ em vừa khóc vừa kêu: “Mày chết thì nợ vẫn đầy, bố mẹ còn khổ nữa với người ta, con ơi!”.

Vài hôm sau, hai bà trong họ bên núi kia đến đem em về nhà chồng.

2.

Em về nhà chồng rồi. Đứng bên núi này, trông sang vẫn thấy Nhá Súa, thấy cả ba nóc nhà, còn nhận ra nhà em ở giữa. Nhưng đời em thì khác hẳn từ nay. Thoạt bước vào em thấy chồng em đương búi tay lên cột nhìn ra. Nó là thằng bé mới cao tới khuỷu tay em. Con gà, con lợn vào nhà nó chưa biết đuổi.

Ngày ngày, em xay bắp, vác nước, cắt cỏ bò, lấy rau lợn... Việc nào không biết thì em trông người ta mà làm theo.

Mấy hôm đầu, em lạ, quên khóc. Đến hôm em được về nhà chơi, trông thấy bố mẹ, thế là òa khóc ngay. Lần sau được về, không muốn đi. Rồi lần sau xin về, mẹ chồng không cho đi nữa.

Nương núi quanh vùng Mèo Vạc đều rất nương đá. Một hòn đất phải chen nhau với ba hòn đá. Nhát cuốc xuống, cả cánh tay chới lên. Em không cuốc được. Bố chồng em làm nương ác lắm. Ra đến nương, ông chia từng sải chân cho mỗi người làm. Ai làm hết phần mới được ăn cơm. Em đôi không dám đi ăn vì chưa hết phần nương của mình. Đến khi làm xong tìm gói cơm, người ta đã ăn hết. Chiều lủi thui về, lưng cồng bó củi. Em mà ngã thì đành chịu cho bó củi to đè chết. Em có không ngã.

Từ nhà ra suối lấy nước phải xuống một dốc sâu. Gà gáy đến sáng bạch chỉ được hai lượt vác. Mẹ chồng đeo ba ống vầu đi vác nước. Con dâu mười hai tuổi, mẹ chồng cũng khoác cho ba ống vầu to bằng thế.

Em leo, ngã. Lúc dậy phải quay xuống, lấy lại. Về chậm, mẹ chồng bảo:

- Mày làm không bằng bữa cơm tao cho ăn!

Gà gáy, mẹ dậy làm cơm. Một lần, đương ngủ, nghe gà gáy xối dưới đầu. Trông ra bếp đã thấy mẹ chồng thổi lửa. Giật mình, chạy ra. Mẹ chồng còn nói:

- Mày trông người ta khó nhọc thế này mà bây giờ mới dậy à?

Từ đây ngủ say thế nào, lúc mẹ chồng dậy cũng cứ tự nhiên phải dựng đứng người lên, dậy theo. Một mình sáng sớm xuống suối lấy nước, lúc ấy thật sợ. Nhưng ở nhà còn sợ chửi hơn, thế là phải đi.

Xay bắp đến rồi cánh tay xong rồi ngồi bóc đậu, bóc đậu xong còn băm một núi cỏ bò, cỏ ngựa. Có đêm đương làm, buồn ngủ quá rồi con dao. Mẹ chồng quay sang, quát: “Mày giả cách ngủ à? Đi cống nước cho tỉnh mắt ra!”.

Em đứng dậy, cúi đầu, khoác ba ống vầu. Em vừa đi vừa khóc một mình.

Bây giờ làm con dao trong vỏ của người

Làm con vật trong chuồng người, làm con dâu nhà người.

Rồi em mười sáu tuổi. Dù sao thì bây giờ em cũng đã thạo mọi việc trong nhà, mọi việc ngoài nương. Lại biết làm mảnh ruộng lạnh, tháng Bảy đập lạnh dệt vải, quanh năm tước sợi, khi mùa

xuân tới, em dọn khung cửi ra ngồi dệt.

Em đã lớn. Em thấy người ta chồng chồng vợ vợ đi đâu có đôi, em đi đâu đi một mình. Chồng em lên mười, nó không dám đi cùng em.

Em lại thêm cái khổ khác. Em đi làm nương một mình, bố mẹ chồng chửi là đi chơi với trai. Có lần, em ở nhà, bố chồng đi làm về, thấy có anh họ bên Tà Dú lấy măng về cho. Bố chồng chửi ngay: “Chúng mày xấu lắm. Sao lúc tao ở nhà không đến?” Tới mùa thu ngô, khi ấy nhà ai cũng nấu rượu, cả bố cả mẹ uống rượu, càng chửi nhiều. Ai đi qua ngõ nhà em, lúc nào cũng nghe tiếng quát: “Con dâu à... Con dâu thế à...” Nhưng chẳng ai đi qua cửa nhà này. Cả làng đã biết tính bố chồng em. Trai lạ đi qua, ông lấy đá ném.

Sắp Tết, em xuống chợ, tiện đường em xin phép về Nhá Súa thăm bố mẹ.

Bố chồng trợn mắt:

- Mày trốn việc Tết nhà này à?

Mẹ chồng chép miệng:

- Biết con này lười thế thì ngày trước chẳng lấy về!

Chồng em đã được hơn mười tuổi. Nó bắt đầu biết nó có quyền với em. Nó cũng chửi:

- Con hồ vồ!

Em không chịu được. Em bước ra, nhưng bụng em đau như cắt. Em không thể chịu. Em đứng giữa cửa, quay lại, nói:

- Chửi cả ngày cả đêm thế này không sống được. Từ nay tôi không phải con dâu nhà này nữa...

Rồi em chạy thật nhanh. Nước mắt giàn giụa.

Nhưng em không về nhà em. Em lên núi, đến chỗ có mọc dây lá ngón, tuốt một nắm rồi ngấu nghiến nhai hết ngay. Xong em lên đứng tảng đá, nhìn về nhà em bên Nhá Súa. Em khóc gọi: “Mẹ ơi!”

Trả bạc người ta đủ cân, cho con bỏ đường lo

Trả vật người ta đầy chuồng, cho con được xa đường khổ.

Nhưng mẹ cha không trả được thì con đành phải chết.

Mẹ chồng lên núi tìm. Em ngồi xuống khóc, không về. Lát sau bà bác chồng lên. Bà hỏi em:

- Con ơi! Con nuốt lá ngón rồi à?

Em lắc đầu. Lúc ấy, trong người đã thấy lạnh. Em nghĩ chết mà rét thì chết khổ quá, phải về lấy chăn đắp mới chết.

Em theo bà bác về. Hai bàn tay cứng, rồi cứng lên cánh tay. Thuốc đã ngấm. Thuốc độc ngấm cứng cả hai cánh tay em rồi.

Bố chồng ngồi lờm mắt ra như con báo thấy mồi. Con báo cất tiếng chửi con người:

- Mày còn vác mặt về à?

Em chẳng nói. Em chẳng chào. Em sắp chết. Em không biết sợ ai nữa. Em vào bếp, lấy ống rượu, rót ra bát nửa cân, uống hết, rồi vào giường đắp chăn.

Em thấy hoa mắt. Em biết mình chết đến nơi. Chợt nhớ một việc, em đứng dậy, sang nhà bên, gọi chị con dâu bà bác lúc nãy sang. Xưa nay, chỉ có chị dâu này cùng một cảnh nên thương em.

Chị dâu đến ngồi bên. Em ứa nước mắt, nói nhỏ vào tai chị:

- Chị ơi! Áo này, cái thắt lưng này em cho chị. Chị mang đi! Để đây thì mai kia người ta lấy mất.

Chị dâu hỏi:

- Em uống lá độc rồi à?

- Không.

Chị dâu vào bếp lấy lửa, đem đến soi lên mặt em, rồi kêu:

- Má sưng to thế rồi mà nói không à!

Chị dâu ra cửa kêu to. Nhiều người chạy đến, có người lên ngay rừng, lại lấy về năm lá “cuốn tua”. Nhưng khi nghe tiếng chị dâu kêu, em tức lắm, em bò dậy. Em vắn cái cối gỗ chặn thêm cửa buồng, không cho ai vào.

Nhiều người chạy đến. Rồi người ta lấy búa bỏ toạc đôi cánh cửa. Họ khiêng em ra ngoài. Em kêu khóc:

- Làm gì mà làm thế?

Một người quát to:

- Mày không uống thuốc độc thì mày đứng lên đi thử xem!

Em đi mấy bước rồi ngã rụi xuống. Thế là tay chân em bị trói lại. Em mím chặt môi. Có người lấy con dao nạy miệng em, đổ thuốc.

Em nôn ra mật xanh mật vàng.

Em lại phải sống.

4.

Đau khổ cho em, sống lại rồi, vẫn phải ở đây. *Phận làm dâu như con ngựa trong tàu.*

Chỉ được mấy hôm đỡ, sau bố mẹ chồng lại chửi, cái gì cũng chửi. Em ngồi ra cửa thêu váy, mẹ chồng đuổi vào, bảo: “Mày ngồi ngoài cửa cho con trai nhìn à?” Ban đêm, động có tiếng chó sủa, bố chồng ghét con trai đến quấy, lấy súng bắn ra.

Một hôm, em đang cõng nước, có người đến báo tin: Em gái bên Nhá Súa chết rồi. Em ở nương về, chỉ được nghe nói lại. Bố mẹ chồng vẫn ngồi yên. Em không dám hỏi xin về nhà.

Em ra đứng men núi, trông về Nhá Súa, em khóc. Trông thấy nhà, nhưng từ nay không thấy em mình nữa. Em lại khóc. Em khóc đến khi trời tối xuống. Em bỏ xay ngô. Bố chồng uống rượu rồi nói: “Không cho nó đi, trói chân nó vào thang bếp”. Cả đêm lăm nhăm nói thế.

Hôm sau, hai người đi uống rượu nhà họ ở núi bên. Em liêu chạy về nhà. Đứa em chết đã một phiên chợ rồi. Nó với bạn đi thả bò, để bò ăn nương ngô nhà thống lý Dương Trung Nhân. Người coi nương giữ con bò lại. Hai đứa sợ quá, trốn vào rừng lấy lá ngón ăn rồi ôm nhau ngồi chết.

Mẹ con em trông thấy nhau lại khóc. Em chỉ ngồi được một lúc. Em nghĩ thương bố mẹ mà đành phải đứng lên. Chạy về nhà người ta cho kịp trước tối. Bố mẹ chồng đã uống rượu say về nằm li bì. Chồng em bảo:

- Con lợn chạy ra rừng rồi, tao đi gọi mãi không được.

Em sợ quá, bây giờ mà con lợn chưa về thì con lợn nằm trong bụng hổ rồi. Phen này lại khôn khổ. Đến khuya ông bà tỉnh dậy, chửi từ đây cho đến sáng.

- Mày trả tao bạc cưới rồi muốn đi lấy người nào thì đi. Đồng tiền bỏ xuống hang đá còn nghe tiếng kêu róc rách, đằng này mất tiền mà hại thêm. Con tao không thèm lấy mày nữa. Đi ngay, trả bạc tao, trả bạc nhà tao.

Bố chồng cầm gậy đuổi. Em kêu van:

- Cho tôi nằm nhờ đến sáng đã.

- Không, không, công tao đã vác cây về làm cái giường này, tao dựng cái giường lên bây giờ.

Đã nói quá thế thì em không biết sợ nữa.

- Trước đi đón dâu ở đâu, giờ phải đưa tôi về đây.

Thế là bố chồng nổi cơn quát tháo, đem súng ra bắn âm ỉ vào bóng tối có tiếng chó sủa.

Hàng xóm chạy đến can ngăn. Mẹ chồng lấy quả bầu lọ đựng rượu trên bếp, rót hai cái bát một cân rượu, bung vào đầu giường em, đặt xuống cho em uống. Phong tục người Mèo tiễn khách như thế. Bây giờ em là người lạ rồi.

Em ra bếp thổi cơm. Xong đâu đấy, em cấp bọc váy áo, bước qua cái cửa còn tối. Chạy trong bóng tối, em sợ hãi, nhưng em lại nghĩ nhớ hổ bắt được thì chết, không sợ nữa. Em cũng không dám chạy về nhà bố mẹ. Em về nhà em thì người ta đến đòi bạc bố mẹ em ngay.

Em lên ngồi nương lúa đến sáng. Bây giờ đương mùa thu lúa mạch. Buồn khổ thế, nhưng thấy công việc em vẫn tiếc. Mạch đã chín mà nương xa, ở nhà bố mẹ em chưa kịp lên gặt. Em vừa rút lúa vừa khóc, đến trưa thì em xếp cẩn thận lúa lên lều canh nương. Buổi chiều, em làm nốt rồi trèo lên lều nương già lúa làm cơm ăn. Tìm thêm được củ gừng em nấu bát canh.

Không biết sợ mà cũng không ai biết em đi đâu.

Mẹ ở Nhá Súa nghe tin em đi đâu mất, hốt hoảng lấy gạo nếp đem đến nhà thầy bói. Thầy bói nói nó đi theo người con trai khác rồi. Lần sau thầy bói lại nói nó nhảy xuống giếng đá. Lần sau lại nói một phen chợ nữa nó không về thì nó chết đường xa rồi.

Sau có ông lão thả bò qua nương về kể, bố mẹ chồng biết em ở nương nhà mình. Mẹ chồng lên gọi. Em không về. Em ngồi nghĩ một buổi chiều, một đêm. Em muốn sống, nhưng em không muốn về đây nữa. Em đương thì con gái, em tiếc đời. Nhưng em đi đâu?

Không đi đâu được, thế là hôm sau em lại lủi thủi về nhà người ta. Bốn góc núi, chỗ nào cũng chỉ có phong kiến. Đạo trước, có người bảo: Phải nổi oan ức thế thì về nhà xin tiền mẹ đem theo, kiện đến tận thống lý Dương Trung Nhân xem sao. Em không dám. Đàn bà đi kiện, quan bắt nộp tiền lễ rửa cửa. Rồi quan cũng đến cho lính ngủ bữa bãi với mình, sợ lắm.

5.

Tới năm 1952 bộ đội ta về đánh quân nhảy dù Dương Mỹ Sàng của Tây thả xuống thì mới thật có bộ đội ta tới Mèo Vạc. Xóm em có trường thôn, có tổ nông hội. Ông Chổng Chà bảo em ra làm công tác phụ nữ.

Mẹ chồng rên rỉ: “Ôi chà! Nó đi công tác à, tát ai?”

Ông Chổng Chà nói: “Đi chợ được thì đi công tác cũng được”. Em không muốn làm, vì nổi bố mẹ chồng em ác, sợ xấu hổ với chị em. Nhưng chị em bảo: Em không làm thì chị em không ai làm gì. Rồi họp xóm, cả xóm phê bình bố chồng. Bố chồng sợ đông người phải nhận lời cho em đi làm tổ trưởng phụ nữ.

Sau thấy em đi cả ngày, lại thấy người ta cứ đến nhà đòi xử chuyện người ăn cắp rau, người

trộm đồ đạc, ông cụ cho là lời thôi quá, phàn nàn. Trước chẳng cho phụ nữ là cái gì, bây giờ con dâu cứ đi luôn, sao gây thù oán nhiều thế?

Rồi dần dần lại chửi. Nhưng thế là em biết cách mạng, em cứ đi họp, em thích đi họp. Ở các cuộc họp nghe những chuyện mới lạ về làng xóm, về đời người, về đất nước ở khắp các nơi, em được biết không phải ở chỗ nào người đàn bà cũng u mê đau khổ, em như người đi đêm có đuốc soi ghèn đá. Nghe nói các nơi đều trai gái bằng nhau, đoàn kết gia đình em suy nghĩ rất nhiều.

Nhưng cứ về đến nhà thì lại như vào bếp gặp khói. Cái khác của em là bây giờ nghe chửi em không buồn nữa. Em không nói chống lại. Em đã biết lựa lời.

Bố chồng em đã thay đổi, càng ác hơn. “Nó thích đi công tác làm quan rồi về nhà nó dạy tao. Tao chưa bao giờ thấy đàn bà đi họp, đi hát, đi nói chỗ đông như bây giờ. Núi sắp đổ chết hết con người rồi”.

Chồng em đã mười lăm tuổi. Từ thừa nhỏ, thấy em khổ, bây giờ nó lớn, nó cũng đi họp xóm nó đã biết nghĩ. Thấy bố mẹ chửi em, nó nói:

- Mặc nó! Người già ở nhà biết gì!

Thế là bố mẹ chồng kêu lên như bị ai bóp cổ:

- Có mày không biết gì! Nó ngu với đũa khác đã lâu rồi mày vẫn không biết gì đấy! Ôi trời ôi, con kia cho con tao ăn gì mà con tao lú lập như người sắp chết!

Đi họp em nói ý nghĩa tự do, bình đẳng, làm chủ, giải phóng, đánh đổ quốc, xây đời sống mới. Người họp đi khỏi, em ngồi một mình, em lại rơi nước mắt. Mình ra sao đây? Em đi công tác mê mải mà lúc về lại buồn. Bố mẹ nói bóng gió: “Con mèo con chó muốn ăn không muốn làm”. Bố mẹ chửi cả đêm. Chồng lên gác bếp ngủ. Khi mình đi khỏi, nhà họ mới dọn các thức ăn với nhau.

Em nhịn đói, lại đi. Chồng bây giờ đã biết phải trái. Nó đuổi theo em, đưa cho em miếng cơm ngô bọc lá chuối. Em cầm miếng ngô, đi lùi thui. Nhưng em nghĩ ta đã bước được một chân ra khỏi chỗ đau đớn, không nên chết. Bây giờ có cách mạng rồi. Dần dần, bớt nghĩ đến cái chết.

Tết lại sắp đến. Một hôm, đi họp trên xã về đến cửa, nghe bố chồng nói: “Mày còn dám về ăn cơm nhà tao à?”. Em nghĩ nhục quá, quay ra.

Chồng em chạy theo. Em bảo nó:

- Về bên Nhá Súa ăn Tết.

Nó lắc đầu đứng lại. Hai mắt nó nhòa nước mắt. Nó sợ bố mẹ hơn, không dám theo em về Nhá Súa.

Em được về Hà Giang học rồi đi sáu tháng công tác tham gia xây dựng khu tự trị Việt Bắc. Rồi em nói trên huyện cho em công tác thoát ly. Em nghĩ em còn phải trở về nhà ấy thì em không thể

chịu được. Các anh bảo cứ về xã.

- Thào My cứ về, ta giải quyết đoàn kết. Vận động được cả chồng đi công tác thì hay.

Nghe các anh, em lại vững tâm về làng. Sau thời gian đi công tác, em đã biết thêm bao nhiêu cảnh người phụ nữ Mèo cũng đã phải qua quãng đời làm dâu chồng bé vợ lớn, bố mẹ chồng ác nghiệt, như cảnh em.

Cọc đã đóng, nhỏ cọc

Nhỏ phăng thả xuống vực sâu.

Nhưng đi lo giải quyết việc người thì dễ, đến việc mình sao phức tạp, khó khăn gấp nghìn.

Việc đầu tiên em về nhà, gặp bữa ăn, không thấy ai đứng lấy bát cho em. Phong tục người Mèo ghét nhất đĩa tham lam. Khi ta về nhà, đương ăn cơm mà không ai mời, không ai lấy bát cho, tức là người ấy bị khinh như con chó, con chuột vậy thôi.

Một hôm, em đi nương về, chị dâu gọi vào, nói nhỏ:

- Người ta vừa mời bà cô đến để đi tìm lấy vợ hai cho chồng mày.

Chị dâu lại nói:

- Nhưng bà cô bảo phải hỏi vợ cả trước, nó bằng lòng mới được, nó về nhà này đã mười hai năm nay, nó đi công tác chứ nó có chết đâu mà quên nó.

Bà cô ấy sang, thấy em, kêu lên:

- Mày không về sớm thì người ta tìm rượu uống rồi đấy.

Bà cô thương em nhưng em nghĩ tủi thân lắm. Mười mấy năm trời, từ năm em mười tuổi đầu bước chân về nhà chồng đến nay hai mươi hai tuổi, bây giờ em hóa ra con người thừa. Em cũng nghĩ thương chồng. Nó đã được mười sáu. Nó cũng biết thương em, nhưng nó vẫn sợ bố mẹ nó hơn.

Tuy vậy, em vẫn cố.

Em hỏi nó:

- Có đi công tác cùng nhau thì đi.

Nó không nói, nhìn em, con mắt thật bối rối. Buổi tối, bố chồng hằm hằm trỏ tay vào mặt em:

- Định kéo nó đi đâu? Cho nó ăn bùa nữa à? Mày muốn làm cho nhà tao tuyệt tự à? Con chó kia, cứ đi báo quan cho ông theo kiện cả năm cũng được, đi báo quan đi.

Từ hôm ấy, chồng em không nói gì nữa. Thấy em đi nương nó đi lúc khác. Nó sợ bố mẹ nó hơn tất cả.

Một hôm, em sốt phải nằm nhà. Bố chồng lại cầm hai bát rượu vào đầu giường nói:

- Mười hai năm nay mày về nhà tao mà không sinh đẻ. Mày không được làm nhà tao mất giống. Mày phải uống hai bát rượu này mà bằng lòng cho chồng mày lấy vợ hai.

Em nhắm mắt, không nói.

Ông ấy đổ cả hai bát rượu lên mặt em. Dù em không uống nhưng người ta làm ác thế cũng coi như đã được “ma” em nhận rượu rồi. Trong lòng em bối rối lắm. Em không biết nghĩ thế nào. Lần ấy em đi họp phụ nữ bên Phó Bảng, hai ngày không nói được một câu.

Có chị hỏi:

- Sao Thào My không phát biểu?

Em khóc. Em kể. Một chị cười nói:

- Dễ thế mà không nghĩ ra. Đấu tranh lấy chồng khác chứ sợ gì!

Một câu nói ngắn có thể, em nghe tinh người ra.

Không may cho bọn họ, cái cô vợ hai định đi tìm lấy ở làng khác không về. Cô ấy cũng sắp ra làm tổ trưởng phụ nữ. Cô ấy không bằng lòng lấy lẽ. Mà hai ông bà già này thì nghe thấy hai tiếng “tổ trưởng” đã sợ muốn chết.

Tháng Giêng năm sau, em được chính quyền cho ly dị, không phải trả của. Thế là em thoát tù.

Tháng Hai, em đi với bộ đội lên tiểu phi trên biên giới ít lâu rồi về làm công tác phụ nữ ở trên huyện.

*

* *

Nếu ai chỉ biết Thào My hôm nay, không thể hình dung ra những chuyện thương tâm tôi vừa kể ở trên.

Sổ tay công tác của Thào My để trên bàn, một trang tình cờ, ghi:

“Thào My sinh ở Nhá Súa. Ngày vào Đảng: 6-4-1960

Ngày chính thức: 28-10-1960”

Có lẽ đầu quyển sổ tay nào Thào My cũng viết những dòng ngày tháng kỷ niệm sống lại đó.

Tôi lại đọc được những dòng chữ nắn nót viết những câu văn thật đẹp. Không biết những câu này Thào My nghĩ ra hay Thào My đã chép lại những lời hợp với lòng mình ở quyển truyện nào, ở sổ tay nào của ai khác:

“Yêu mến ơi! Mùa hoa thuốc phiện cuối cùng ơi! Sáng sớm mặt trời lên chói lọi đỏ hồng, chiếu khắp núi rừng đẹp đẽ, lúc đó nghĩ đến mùa hoa thuốc phiện. Hôm nay trời đẹp, mặt trời chiếu khắp núi rừng. Mùa xuân ư? Không, đây chỉ là mùa hạ, nhưng là buổi nắng ban mai. Cây có cành, hoa có quả làm cho trái tim hồi hộp, nhớ gì như nhớ mùa hoa thuốc phiện cuối cùng...”

Sâm Sơn

Bãi biển Sâm Sơn, chập tối một ngày giữa tháng. Trăng ngồi biển sắp lên.

Dải cát dài tít xa lên tận cửa sông Mã sang sáng in bóng những tòa nhà mới nhiều tầng cao đứng nghênh đầu, mở những ô mắt cửa sổ lóng lánh trên hàng cây sa mộc. Bóng núi đơn sơ trông gọn nét hơn, như đàng chân trời dần dần ai cuốn bức màn treo.

Lúc này, biển đã vắng hẳn. Sau một ngày ồn ã, náo động của những người đi nghỉ mát, biển trở lại lặng lẽ bình thường, mà ta dễ thấy ở bất cứ bờ biển nào. Sóng nước mơ hồ thì thảo khi xa khi gần. Bóng trăng rờn loang loáng trên cát. Những người chài kéo thùng lưới đứng yên, tưởng không bao giờ đựng đầy.

Từ một tòa nhà nghỉ mát lộng lẫy của tổng Công đoàn mới xây, có hai người lững thững bước ra. Họ qua dưới rặng sa mộc, đi về phía biển. Nhưng không phải họ xuống tắm. Biển đêm không còn ai. Trên bờ cũng hết người đi dạo. Chỉ có hai người ấy. Khi họ đã ra tới giữa bãi cát sáng trắng bóng nước và ánh trăng thì trông rõ cả hai người.

Một thiếu nữ dân tộc Mèo. Cô con gái Mèo trắng ở núi cao xuống chơi bờ biển. Mỗi khi cô trông về phía sóng nước, đôi mắt trong chưa hết ngạc nhiên. Miệng cười tươi lạ lùng. Cả khuôn mặt cô, trắng xanh trong ánh trăng, vẫn đượm vẻ hồn hậu, nhưng cũng ngời ngời những tinh anh. Rõ ràng, cô thấy đi đâu cũng gặp đất nước ta, có bờ ngõ, nhưng không bao giờ lạ. Đây là Liu Sa. Liu Sa mới cùng đoàn đại biểu các dân tộc ở Tây Bắc về chơi Hà Nội, rồi vào nghỉ Sâm Sơn. Lần đầu tiên, có lẽ lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc ấy, một thiếu nữ Mèo đã từ núi xuống dạo chơi trên bờ biển đêm nay.

Đi bên Liu Sa là một người đàn ông đã đứng tuổi. Dáng nghiêm nghị. Người ấy thường đi chậm lại một chút, lơ đãng nhìn theo Liu Sa và sóng nước. Cứ trông mắt nhìn thì biết người ấy đương bồi hồi nghĩ ngợi một điều gì. Sáng trăng phơn phớt trên gò má và ánh mắt càng làm chìm sâu hơn những hốc tối trên mặt. Đôi lúc, ông mỉm cười. Lúc ấy thì má và mặt đổi nét, xô xệch. Càng tối hơn, mà ông không biết. Nhưng những tr�u mến, âu yếm của một người yêu đời vẫn nguyên trong tiếng cười, câu nói và cử chỉ. Tuy nhiên, cái dáng già nua đã bắt đầu lạnh lùng của ông đi bên một sức lực đương hớn hờ, cứ vừa hòa hợp, lại vừa xa xa.

Dải cát, biển và ánh trăng trải dài.

Hai bóng người đi, tít tắp, thông thả men theo lợi nước viền ngấn cát.

Chu: Cô Liu Sa, cô có trông thấy những đóm lửa vừa mọc ngoài biển kia...

Liu Sa: Một ông sao mới lên đấy.

Chu: Không phải.

Liu Sa: Lửa đốt nương nhi?

Chu: Không, đây là thuyền biển lên đèn đi đánh cá đêm.

Ờ, tôi phải dạy cô biết trông biển mới được.

Liu Sa: Ờ nhi. Anh Chu ạ, ngày trước chị Khúa Ly bảo em... nhiều lắm.

Ngày ấy, chị em Liu Sa còn ở khu du kích. Không biết ai đã kể cho Khúa Ly nghe những chuyện đường xuôi. Có lẽ các cán bộ đội vũ trang nhớ quê thường về qua đấy. Nhưng cũng có lẽ chỉ là mơ ước. Khúa Ly thường kể cho nghe những chuyện đường xuôi, chuyện Hà Nội rất huyền ảo, mà hai chị em chưa biết bao giờ.

Bất chợt, Chu nhìn Liu Sa. Chu thoáng nghĩ: “Liu Sa giống chị như đúc”. Rồi Chu cúi xuống, hơi cắn môi, như giữ một điều suy nghĩ trong lòng. Và không để ý những câu chấp nối riu rít lúc nói, lúc hỏi của Liu Sa, Chu vẫn đắm đắm nhìn ra đóm lửa chấp chơi ngoài biển, Chu kể những chuyện khác về đóm lửa:

- Nay Liu Sa, cứ khi nào trông thấy vệt lửa trong đêm thì tôi nhớ lại năm 1952, chiến dịch giải phóng Tây Bắc. Lúc ấy đơn vị tôi vừa tiến xuống dốc núi Phìn Sa, thì gặp người ở khu du kích ta ra đón. Không phải lửa du kích đốt lên đón bộ đội đâu nhé. Chúng tôi biết: các đồn Tây ở sườn núi bên kia, đồn Nậm Mười, đồn Sài Lương sợ đêm tối phải im từng bước mới qua được. Mắt cứ trông về phía đóm lửa, chịu không biết được xa hay gần. Tôi nhớ những đóm lửa nguy hiểm ấy suốt đời. Suốt đời tôi nhớ cái đêm đầu tiên đặt chân tới khu du kích Phìn Sa.

Liu Sa: Thế nào, hà anh? Lần đầu anh đến à?

Chu: Chúng tôi đến khu du kích lần ấy là lần đầu. Người khu du kích ta bấy lâu khổ lắm. Năm năm rồi, không có một hạt muối ăn. Rách rưới hết cả. Đón bộ đội mà các chị cứ ngồi. Váy áo nát quá, xấu hổ, không dám đứng dậy. Cả bộ đội và nhân dân cùng khóc. Có những giọt nước mắt, không biết vì sung sướng quá hay vì buồn quá. Trông thấy nhau thì phải òa lên thôi. Không khóc sao được, Liu Sa à. Chúng tôi từ bờ sông Hồng ngoài kia, một tháng trời vượt bao nhiêu rừng núi, bao nhiêu đồn bót, vào đây vẫn gặp đồng bào một lòng một dạ kháng chiến. Còn người khu du kích, bao nhiêu năm nay trốn lên ở núi cao, chết thì chết quyết không về với Tây, chỉ mong có ngày gặp bộ đội. Thế là bộ đội và mọi người cứ khóc, không sao nín được.

Liu Sa (ngơ ngẩn hỏi): Chị Khúa Ly có khóc không anh Chu?

Chu không nói. Liu Sa đợi. Nhưng Chu vẫn im. Liu Sa lơ đãng nhìn khơi. Những ánh lửa chấp chơi ngoài khơi lại thu hút ý nghĩ của cô. Liu Sa cũng đương nhớ lại những ngày gian khổ thuở bé, cô hỏi:

- Đóm lửa ngoài kia có giống lửa đồn Sài Lương đốt không?

Chu: Cô Liu Sa ơi! Không bao giờ những đóm lửa giống nhau đâu. Bấy giờ là mùa hè 1961, dưới châu Thuận đã mở trường cho Liu Sa về học, còn trên biển Sầm Sơn năm 1961 này thì chỉ có

thuyền của ta nổi lửa đánh cá đêm mà thôi.

Liu Sa: Không bao giờ còn Tây, anh Chu nhỉ? Ở Phìn Sa cũng thế...

Chu: Phìn Sa...(nói nhỏ một mình) Không biết là suốt đời tôi nhớ những đóm lửa nguy hiểm kia hay là suốt đời tôi nhớ Phìn Sa, nhớ người du kích Phìn Sa. Gian khổ và tấm lòng, những cái gì đã khắc vào tim ta? Cũng không biết nữa.

Hai người lại im lặng một lúc lâu. Liu Sa không còn trông ra khơi. Liu Sa cúi xuống nhìn bàn chân bước lồm trên cát mịn. Nhìn là nhìn vậy thôi, Liu Sa đã hết những choáng váng kỳ lạ khi vừa tiếp xúc với biển. Liu Sa đương nhớ quê và Liu Sa kể:

- Anh Chu à, anh vẫn nhớ Phìn Sa ư? Phìn Sa bây giờ đã ra ở cửa suối, không ở rừng nữa. Các làng Mèo trên núi không phải lang thang đuổi theo đất mới trồng ngô. Ta đã được ở một nơi nuôi bò, trồng cây. Bò trên Phìn Sa bây giờ đã đi từng đàn vàng khắp núi tranh. Lại còn trồng cây quế, cây hồi, cây cam, cây táo... Người đi học lớp y tá, học trường thương nghiệp đông lắm. Bao giờ anh Chu lại về công tác ở Phìn Sa nữa?

Một câu trả lời khẽ thoảng trong gió, nửa dè dặt, nửa mơ ước:

- Chắc có khi còn về...

Liu Sa cười tươi hẳn, quay sang nhìn Chu, như hỏi: “Thật hả, anh Chu?”. Người ta, khi hớn hở bao giờ cũng đẹp. Khuôn mặt trái xoan, cái cổ cao sang sáng của cô gái Mèo trắng “đẹp như người phương xa”. Chu thật không thể nhớ và so sánh em bé Liu Sa hồi du kích với cô thiếu nữ Mèo trắng trên bãi Sầm Sơn bây giờ.

Chu lặng yên nghe Liu Sa mê mãi tươi cười:

- Anh Chu về nhé. Phìn Sa bây giờ khác trước. Khác cả khi anh đi rồi. Anh Chu bây giờ có đi chợ trên núi, anh Chu sẽ không nhận được chợ nữa. Chợ có cửa hàng, có kho muối, có trạm y tế. Anh Chu cũng không nhận ra người quen nữa đâu.

Chu nghĩ: Hôm vừa rồi, mới trông thấy Liu Sa, tôi cũng không nhận ra được, các chị ấy làm nương đi dép cao su, mặc áo lót cổ vuông, vào hàng mua thuốc Ngọc Lan đánh răng. Phìn Sa ta có trường học chữ rồi.

Chu: Vui nhỉ?

Liu Sa: Thật đấy.

Những khác lạ trên khu du kích ngày trước, đương gợi lại cho Chu những sôi nổi khác.

Chu hỏi Liu Sa:

- Có bao giờ Liu Sa nghĩ rằng nước ta có núi, có đồng bằng, có cả biển rộng như thế này

không?

Liu Sa: Em đã nghĩ ngày nào được về chơi quê anh Chu chắc thấy biển rộng thế này.

Chu: Ô em biết thế ư?

Liu Sa: Em biết thế đấy. Em biết từ ngày xưa, khi Tây còn lên càn quét khu du kích, mẹ em đi em chạy rừng đào măng ăn hàng tháng. Khi ấy, chị Khúa Ly đã kể cho em biết về quê anh thế. Những chuyện đường xuôi thật xa xôi nhưng thật là thích làm cho tất cả mọi người chạy rừng đương khổ cũng thấy vui. Em nhớ từ ngày ấy.

Dáng mặt Chu nghiêm lại, đượm buồn, Chu già hẳn đi. Chu không nghĩ Liu Sa trả lời như vậy. Câu trả lời của Liu Sa đã đẩy những suy nghĩ của Chu trở lại những kỷ niệm, mà dù cái kỷ niệm nhẹ nhàng nhất thì bao giờ cũng đượm buồn. Huống chi lại là những chuyện buồn thảm đã qua. Tuy nhiên, có lẽ lúc này, tiếng biển thì thảo trong vắng lặng, bóng người thiếu nữ đi dưới ánh trăng và lòng Chu bồi hồi. Chu ở lại. Những ngày gian khổ không phải chỉ có quyết liệt đương đầu với kẻ thù. Đội võ trang lặn lội chiến đấu lâu ngày trong hậu địch Tây Bắc, đã gặp vô số éo le cuộc đời. Chu đương nhớ, Chu lại hỏi Liu Sa một câu khe khẽ:

- Chị Khúa Ly kể thế à?

Liu Sa: Vâng, chị Khúa Ly kể, em nhớ từ ngày ấy.

Chu (cười, thoáng buồn): Thế à?

Liu Sa lại riu rít nói và Liu Sa nghĩ: “Anh Chu đương nghe mình nói”.

Thật ra Chu chỉ im lặng như chiêm bao.

- Chị ấy bảo quê anh Chu xa lắm. Về quê ấy phải đi qua một con sông vừa dài vừa rộng chưa bao giờ ta biết. Chị ấy thường lo sẽ không qua sông được. Người Mèo ta sợ ma không muốn đi sông nước. Con sông to ấy là biển Sầm Sơn này chứ gì?

- Cô Liu Sa đã được xuống tận biển Sầm Sơn, đất nước của ta, ta muốn đi đâu thì đi, Liu Sa ạ.

Liu Sa: Anh Chu à. Từ ngày ấy chị Khúa Ly đã không biết sợ đâu. Chị nói anh Chu đã có lòng qua sông lên núi thì rồi cũng có ngày chị em ta qua con sông chắn đường về tận quê nhà anh Chu. Bây giờ, em đã được về tận đây, anh Chu à.

Chu im lặng, dừng lại. Anh đang nghĩ gì? Anh đang nghĩ đến những ước mong của con người, những vui sướng tới được ước mong ấy. Thì nỗi buồn khác lại man mác hiện ra, Khúa Ly, Khúa Ly ơi!

Hai người vẫn sóng bước đi.

Liu Sa vẫn cười. Tiếng cười khúc khích trên bờ biển vàng vạc trong bóng trăng và ngân nước.

Trời, nước và người dạo đêm thật thanh thoi.

Liu Sa bỗng đứng lại. Liu Sa muốn hỏi Chu gì về những đốm lửa ngoài khơi, bây giờ không phải chỉ lốm đốm, mà ánh lửa lung linh, kéo dài thành một chuỗi sao sa ngang mép nước và chân trời đêm. Nhưng, làn cát mịn kề liền sóng cứ từ từ đẩy lún nghiêng gót chân Liu Sa. Liu Sa buồn chân quá, cười lạnh lạnh.

- Anh Chu đứng xem cát sắp lồi em xuống biển à?

Chu dặt tay Liu Sa lú rú bước khỏi ngọn sóng. Chu nghĩ thầm: “Liu Sa giống chị quá”. Nhưng lúc này, nghĩ thế, Chu không thấy gợn buồn. Vết thương trong lòng Chu cũng là vết thương chiến tranh của bao người, chắc là vậy. Nghĩ thế, Chu thấy mình đương vượt lên, bình tĩnh. Hai người lại thông thả đi.

Tự dưng Liu Sa nói, nghiêm trang, tiếp theo ý nghĩ lúc nãy, bây giờ vừa nhớ thêm:

- Nhiều điều ước đã thành sự thật. Nhiều điều ước thì bây giờ không có. Bây giờ thành sự thật thì chỉ có mình em về quê anh Chu mà thôi.

Chu nói:

- Chuyện buồn không phải là chuyện của người ít tuổi. Em đi chơi trong đất nước ta tuyệt vời, em đã thấy bao điều mới, em biết thế không?

Liu Sa (hón hờ): Thật nhi? Đấy, những cái đèn đánh cá lấp lánh xa kia, trên núi thì không bao giờ có. Nhưng ở Sầm Sơn thì lội biển ra tới được. Lạ quá, anh Chu nhi?

Chu cười:

- Phải rồi.

Trăng đã lên cao, xòe tròn như tiếng quạt sáng, rì rào, sóng liếm chân. Liu Sa được dịp giòn cười.

Tiếng cười nhẹ nhàng của Liu Sa ru vào vắng lặng. Đêm Sầm Sơn càng khuya càng mênh mông mãi ra. Cô thiếu nữ Mèo trắng và người cán bộ cũ ở trên núi còn đi dọc biển, đến lúc trăng trong lắm, mới trở lại.

Chiếc áo “xường xám” màu hoa đào

Giáp Tết năm ấy, tôi rời Khuổi Sao, định nán lại Kỳ Lừa vài hôm rồi xuôi. Lại cũng định qua cánh đồng Tràng Định vịt quay ngon có tiếng, còn rủ ông bạn về đánh chén Tết niên nhà lão Mã Hợp ở Khơ Đa. Cũng chẳng mấy ai. Đến Khơ Đa, nhấn lão Công ra. Ông Bùi Thành thì qua Thất Khê, tôi kéo đi. Hai lão bạn già này khi nào cũng muốn đi với tôi. Các ông cho nghề viết báo của cái anh nhà báo Tô Hoài Nông Văn Tư là công tác cũng như ban thanh tra đi lục lại thành tích cách mạng của các ông đã mịt mờ từ lâu, rất lâu rồi.

Ông Thành bỏ quê Hà Tĩnh lên Lào từ thời Đông Du rồi trôi dạt về Trung Quốc. Ông đã thường đi lại nhà ông Tôn Thất Thuyết ở bên ấy rồi ông xuống Long Châu, bề ngoài đóng vai thợ may. Đến năm 1954, cách mạng thành công, ông trở về làng thì vợ ông đã đi lấy chồng từ tám hoánh. Bà ấy đem chai rượu và cành cau đến quì xuống lạy người chồng cũ xin tha tội. Bây giờ thì ông Thành đã bảy mươi tư, vẫn sống một mình. Ông ở Tràng Định. Ở Tràng Định chỉ ngược mắt thì thấy cửa khẩu Long Châu bên kia, cả một thời thanh xuân của ông đã bỏ lại bên ấy. Chuyện với các ông thì bao giờ cũng vậy, sắp nói đã đoán được cả. Chóc chóc, ông nào đẩy lại vỗ đùi hét: “Giá mà còn anh Lý thì những cái chân cục trưởng, thứ trưởng chúng mình ăn đứt... Giá mà còn...”. Ông Công đã làm binh công xưởng đúc đạn ở Long Châu với anh Lý, chuyện cả đêm không cạn. Ông Mã Hợp cũng thế, có khi còn dài dòng hơn. Ông Hợp khoe cái ngày ở Lũng Nghiêu đã uống rượu ăn thè với anh Lý. Lão không giống ông Thành, ông Công, lão chẳng mong ước cán bộ cao cấp ra sao. Chưa làm to, lão đã được cái sướng rồi. Năm trước, anh Năm đã cho ô tô lên đón cụ ông sinh ra anh Lý với cả lão về Hà Nội chơi. Hôm nào hai cụ áo chàm cũng dắt nhau lên uống rượu ở chợ Đồng Xuân, hôm thì rượu thịt cây, hôm thì nhắm với nem rán. Say khướt rồi ngồi xích lô bảo kéo về nhà anh Năm. Chẳng xích lô nào biết nhà anh Năm ở đâu. Thế là xích lô đưa hai cụ miền núi vào đồn công an. Chỉ một lúc đã có cái ô tô bóng nhoáng đen tuyền đến đón tận cửa bót. Cả tháng, hôm nào cũng thế, đã khoái một đời chưa nào!

Tôi được nghe những chuyện kiểu ấy đến một trăm lần rồi. Nhưng lần này tôi về Khơ Đa còn vì một việc người con cả ông Mã Hợp đã lên tận Khuổi Sao nhờ tôi giúp cho. Chả là ông lão ngoài bảy mươi rồi, vẫn được đi làm có lương, lão công tác lương thực ở thương nghiệp huyện. Ngày ngày rong ruổi qua các làng bán thu mua lợn. Có một bà bán bánh khảo ở chợ Đồng Đăng, chẳng biết đã bỏ bùa thế nào, lão này đổ đốn đâm mê tít. Đến mùa, ông Mã Hợp hay lên núi bắt tắc kè, bán được tiền lắm. Bao nhiêu tiền bán tắc kè thế mà vẫn nhẩn tui. Nhờ chú về nói hộ với bố cháu...

Tôi về nhà lão Mã Hợp vì chuyện ấy và lại cũng còn một tò mò khác. Ông Bùi Thành cũng đã kể cho nghe rằng năm xưa anh Lý ở ngoài Hồng Kông về, định đem cô Mây là người yêu bên Thất Khê ra công tác hải ngoại. Khi Lý làm ở xưởng đúc đạn Long Châu, cô Mây thường sang vào những ngày chợ. Nhưng đến năm Lý bí mật về Thất Khê thì nhà Mây đã chuyển xuống Đại Từ lâu rồi, mà ở đâu không ai biết. Cái tiếng ác nghiệt có ma gà khiến cả nhà Mây lâm vào cùng túng, không thể ở lại quê.

Lý trở sang Lũng Ngừu, khi ra biên giới thì Lý đem theo cô Phây em gái lão Mã Hợp bây giờ. Cũng bởi cái luật Hồng Kông rắc rối nên mới bắt buộc phải cầu kỳ thế. Trụ sở hải ngoại của Đảng đã chuyển trên Thượng Hải về Hồng Kông, người trong nước ra hay ở Xiêm, ở châu Âu về đến Hồng Kông được gần biên giới hơn. Nhưng luật Hồng Kông không cho đàn ông thuê nhà. Người ta đề phòng đàn ông hay lừa đảo, trộm cướp, buôn lậu. Chỉ riêng đàn bà mới được đứng tên các giấy tờ thuê nhà.

Bây giờ Phùng Chí Kiên ở Hồng Kông, thường trực cơ quan hải ngoại. Từ 1927 ở trong nước ta, Mạnh Văn Liễu (Phùng Chí Kiên) học trường quân chính đảo Hoàng Phố trên sông Tây Giang. Rồi cùng Hồng quân Trung Hoa tham gia khởi nghĩa Quảng Châu. Công xã Quảng Châu thất bại, đại đội trưởng Mạnh Văn Liễu đưa quân về xây dựng khu Xô Viết hai huyện Hải Phong, Lục Phong, sau đó lại với quân cách mạng Quảng Tây vận lý trường chinh tiến về phía tây. Năm 1931 Nguyễn Ái Quốc bắt liên lạc với Mạnh Văn Liễu, gửi Mạnh sang Matxcova học trường đại học Phương Đông. Năm 1935, về Ma Cao dự đại hội Đảng lần thứ nhất. Năm 1936, đeo thẻ căn cước giả người Trung Hoa tên là Phùng Nguơn Bình về Sài Gòn hoạt động cho đến khi cơ quan hải ngoại được thành lập chuyển về phố Đại Nam, số nhà 71 thì Mạnh lại được điều ra công tác thường trực Hồng Kông.

Bây giờ Phùng Chí Kiên đã bốn mươi tuổi, người gầy sệt, bởi thế có tên thường ngày là Mã Gầy để phân biệt với đồng chí khác là Mã Béo. Cởi áo, trên mình Mã Gầy chằng chịt sẹo - các vết thương trận đánh ở những khu Xô Viết Quảng Tây và trong cuộc trường chinh lịch sử của cách mạng Trung Quốc.

Cô Phây ra Hồng Kông và hai người yêu nhau. Hơn ba năm sau, năm 1941, Mã Gầy về Pắc Bó họp Hội nghị Trung ương 8 ở Khuổi Nặm. Cô Phây cũng về chuyến ấy. Đến Long châu, hai người chia tay. Mã Gầy sang Cao Bằng. Phây lại về Lũng Ngừu, hẹn đợi nhau.

Rồi Mã Gầy xuống Bắc Sơn chỉ huy trung đội 1 Cứu quốc quân. Cuối tháng sau, địch huy động hơn năm nghìn quân từ bốn phía Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Cạn, Thái Nguyên tấn công căn cứ quân du kích. Sau những trận ở Khuổi Nặm, ở Gia Huân, đội du kích rút ra ngoài vòng vây tránh lên căn cứ địa Cao Bằng. Một cánh cùng Hoàng Văn Thái, Đặng Văn Cáp sang Bình Gia, Thất Khê rồi qua Trung Quốc vào Hà Quảng. Cánh Mã Gầy chỉ huy lên châu Ngân Sơn sang Cao Bằng.

Ngày 19-8-1941, đến Pò Kép châu Nà Rì nghỉ lại, sáng ra gặp một đám người về châu mua muối, thế là bị lộ. Địch đưa quân chặn các ngã rừng Ngân Sơn. Ngày 22 tháng 8, sáng sớm vượt đồi Khau Pầu xã Bằng Đức thì gặp địch.

Mã Gầy bị trúng đạn, chết tại trận.

*

* *

Thế nào mà hôm ấy chỉ có mỗi mình tôi về Khơ Đa. Gặp ngày chợ Thất Khê, không thấy ông Bùi Thành ở nhà, ông Thành đi chợ bán gà. Chợ Tết, biết thế nào mà đợi, tôi viết mấy chữ để lại,

rời đi trước. Ông Công cũng chưa đến. Mà Mã Hợp chủ nhà cũng còn mất hút. Chẳng rõ đi lòng lộn Tết cho mậu dịch hay là còn rúc vào nhà bà lão bánh khảo trên Đồng Đăng.

Ngoài cửa, cái hai chiếc dãi ngăn lợn khồi chui vào phá vườn. Tôi giội nước chân, lên cầu thang nhà, ra chỗ sân ảng nhìn xuống đường cái. Chiều đã nhuộm sương giá mà vẫn rớt nắng vàng rực trong những cây hoa mai vừa nẩy còn trắng ngần. Tiếng vó ngựa trên chợ về nghe lóc cóc cả đàn như mõ trâu lạc trong cửa rừng. Người lác đác rẽ vào xóm, người đi chợ về, người kiếm rau kiếm củi ở rừng ra. Căn nhà quanh quẽ mấy lần qua lại, tôi cũng đã quen, lúc nào cũng vắng, cửa giả trên nhà cũng không then, bởi chẳng có cái gì để mất trộm. Mỗi nhà khuất dưới bụi mai bên kia đồi. Vợ chồng người con trai Mã Hợp với mấy đứa cháu nhỏ ở cửa hàng bách hóa trên thị trấn Nà Sầm, thỉnh thoảng mới về.

Một người điệu mấy cây củi lênh khênh đương cúi xuống đẩy nghiêng chiếc then chốt cổng. Mùa này, các nhà trong làng trên núi phải nuôi lửa cả đêm. Củi sưởi đã được dẫn sẵn nguyên cả cây trong rừng từ dạo chớm vào thu, rồi vác dần về. Những cành củi cao quá đầu che lấp người, như một bó cây nhích đi. Vào đến đầu nhà mới trông rõ bà lão công củi. Chẳng nhớ có phải bà lão hôm nào tôi đã trông thấy vác nước. Nhớ làm sao được những người lam lũ thất thủ, vấy chàm đã bạc trắng như mo nang, cửa tay, đuôi vạt áo rách lướp tướp. Mà có hỏi cũng chẳng buồn trả lời, cảnh thường gặp ở những buổi chiều khó nhọc người ta đi trong rừng ra.

Bà lão đặt từng cây xếp vào hai bên đồng củi đun, đồng củi sưởi tựa cột sần. Rồi lẳng lặng ra đằng sau trèo thang lên bếp. Nghe tiếng ống thổi lửa pho pho đằng ấy mới biết. Có khách mà chẳng ra nhóm lại củi sưởi ở cái bếp giữa chỉ còn tàn than trắng nhợt. Cũng không phải người ta nhặt khách mà lúc nhà chỉ có đàn bà, không có đàn ông tiếp khách thường vẫn hững hờ thế.

Tôi chợt nghĩ hay đây là bà bán bánh khảo ngoài chợ đã về ở với ông lão. Cho nên mới lên thang gác bếp như người nhà.

Ngoài đường vẫn người thấp thoáng về qua trong sương chiều vàng xuộm. Chốc chốc, một chiếc xe ngựa tiếng nhạc đồng rộn rã, người ngồi chen gồng gánh lúa tủa tro ra hai bên thành xe như cái bàn chông bầy nhím. Đến giờ mà lão Công trong Hội Hoan, lão Thành trên Thát Khê chưa tới thì chắc hôm nay chưa ai đến được. Chỉ lát nữa thôi, đã tới mịt lại sương xuống rét buốt, đốt đuốc cũng không cháy, ai dám đi đêm. Nhưng tôi cũng đã quen cảnh chờ đợi và chơi rón vại ba hôm ở những nơi đầu rừng, cuối suối ngày rộng tháng dài như thế này rồi, chẳng áy náy gì.

Một chốc, lại thấy một bà già vào trong ngõ. Bà này thoáng trông đã nhận ra là người chợ búa. Khăn áo chàm sẫm, mặt trắng bệu, vai đeo chiếc túi, tay xách cái bu nhót đôi gà trống. Bu chặt, hai con gà cựa quậy mổ nhau, mào đỏ gay gắt, mỏ há thở phọc phọc thò ra ngoài nan. Bà ấy khoan thai treo cái túi lên đầu cột sần ngẩng lên nhìn tôi thì cất tiếng, miệng lóe chiếc răng vàng: “Chào ông...”

Ở đằng thang bếp, cái bà lão mặc váy bạc lúc này lại đương xuống thang, con dao đi rừng vẫn giắt trong chiếc thùng buộc thắt lưng, chưa cời. Bà lão ấy bước tới chỗ bà vừa tới đặt chiếc bu gà. Bà này làm bầm, chẳng nói chẳng rằng. Bà nọ cũng đứng sững. Bốn con mắt tuổi tác kèm nhèm thế mà lòi ra, ánh lên như những nhát dao sắp đâm sang nhau. Rợn quá. Cứ thế một lúc, không ai nói

một câu. Đến khi cái bà lão móm quài tay sau lưng từ từ rút con dao ra thì bà lão vừa vào lập cập, nhón nhác. Tôi sắp nhảy bỏ trên sân ánh xuống kéo án mạng đến nơi thì bà ấy đã luống cuống quay ra. Bỏ bu gà đấy, quên cả ngoái tay với cái túi cài trên đầu cột. Bà hót hải chạy cung cúc.

Bà lão nọ lăm lăm con dao, nhưng đứng chằm chằm, không đuổi theo. Hai con mắt đương trừng trừng từ từ cúi xuống, khuôn mặt méo mó, xám ngắt. Rồi tra con dao vào cái vỏ gỗ, lại lòng không cúi rạp lưng trèo cái thang sau lên bếp. Hai con gà trống trong bu mổ nhau quéc quéc, chiếc lông lẩn vào tận chỗ chân cột giữa gầm sàn. Việc gì vậy, thế nào vậy, tôi không hiểu.

Tôi mong lão Hợp quá. Một lát, thấy lão xăm xăm vào, như đi làm cỏ ngoài đồng về. Cái mũ lông Nga đen mượt đứt dây buộc vấy vấy hai bên mang tai theo bước chân nhấp nhểnh. Nhưng ông quần lại xắn ngang đầu gối, vai đeo túi dết, tay cầm gậy trúc, không biết gậy chống hay gậy bắt lợn. Thấy tôi ló đầu trong cửa sổ ra, lão nói to:

- Anh Tư đã về á? Vun lửa lên, mở cửa to thế để chết cồng à! Vun lửa lên...

Những người nặng tai có lẽ tưởng ai cũng điếc nên có thói quen nói to như hét. Lão Mã Hợp vừa bước lên thang nhà thì trông ngang thấy cái bu gà trong gầm sàn, rồi lại đụng vào chiếc túi chàm treo lưng lẳng đầu cột. Lão quát:

- Nó mang gà đến rồi á? Đâu rồi, sao lại để túi thế kia?

Tôi chẳng biết thế nào. Trên nhà cũng không có tiếng trả lời lại. Dường như Mã Hợp đã đoán được sao đấy, lão bỏ thang nhà đằng trước, chạy lên thang bếp lão nói ầm ầm, mà tôi chỉ lồm bồm tiếng Nùng không hiểu. Nhưng chắc cũng chuyện lồi thối rắc rối vừa rồi.

Lão Mã Hợp bước ra nhà giữa, mặt giận dữ đỏ găng, rồi lại hình hếch cười ngay. Thế là tôi cũng quên ngại mà vui lây, tôi hỏi:

- Cái gì thế?

- À, à, con mẹ ở ngoài Đồng Đăng ấy mà. Tao đã dặn nó rằng nhà có khách, đem gà về làm cho chúng tao đánh chén.

- Đôi gà kia à?

- Hôm qua tao đã phải lạy cái con chết già ở nhà này rồi thế mà nó lại đánh đuổi người ta đi.

- Ai? À, à...

- Con Phây kia kìa, con Phây chết già kia kìa. Cái con thần nanh mỏ đỏ với hai đứa con giai, con dậu nhà tao độc ác, chẳng đứa nào cho tao được ngủ với bà lão ấy mà, người già thì cũng phải có vợ chứ, anh Tư có đồng ý không?

Lão Mã Hợp bắt tay tôi như tôi đã đồng ý như thế, rồi lão nhếch miệng cười, giơ cả cái lợi nhọt nhật, hàm dưới trống hốc chẳng còn chiếc răng nào.

Những điều tôi ngờ ngợ đã vỡ nhẽ, cái bà lão bán bánh khảo chợ Đồng Đăng đây. Mà bà lão đương ngồi trong bếp là em gái ông Mã Hợp. Là cô Phây mà anh Lý đã về Lũng Nghiu đưa ra Hồng Kông năm xưa. Là người yêu của Mã Gầy - mà cái ngày ấy, khi về đến Long Châu hai người chia tay nhau, người sang Cao Bằng, người xuống Lạng Sơn, cô Phây, cô Phây ấy đấy - Ôi từ năm xưa ấy đến nay, con tính cộng hơn một nửa thế kỷ đã qua không bao giờ cộng lại được...

“Người ta chết rồi có thể gặp nhau nữa hay không? Vừa lắng nghe tuyết rơi ngoài cửa sổ, vừa suy nghĩ lan man... Tôi nằm mơ màng nghe tiếng pháo văng vẳng ở đâu xa, liên hồi không ngớt, có cảm tưởng như có một đám mây dày đặc vang rền tiếng pháo cùng với hoa tuyết pháp phối bay đang bao phủ lên cả cái thị trấn này...” Đây là một câu văn của Lỗ Tấn.

Thế là hôm ấy hai lão bạn già cũng chưa ai đến. Ông Mã Hợp bắt trong bu ra một con gà. Tôi không phải nghe tiếng đập nhau phanh phạch, khô khốc dưới sàn nhà và như thế cũng làm cho tôi quên đi cái rầu rĩ khổ cực nhớ lại lúc hai người đàn bà gườm nhau. Không có tiếng gà phá lòng mỗ cắn nhau nữa, thì tôi lại nhớ đến một cô Phây, thế nào cũng không thể tưởng được ra cô Phây xưa kia lại có khi, lại có thể là bà lão như cái tã, cái bóng xám lúc nãy hai trông mắt sắp long ra, lồi lên, như con mèo ốm đánh nhau với con chuột cống, không biết con nào sắp chén thịt con nào, rồi lại vào lặng yên, hai mí mắt đen xịt buồn bã cúp xuống, cù rù ngồi chết rũ trong cái chái nấu lợn không dám lộ ra chỗ bếp giữa nhà này.

Ngày xưa ấy, Phây ở Hồng Kông trở về, đã bao nhiêu năm cho đến bây giờ, lại lam lũ đi nương, lại đi rừng, đến khi thành bà già lụ khụ điếc lác, răng rụng hết lúc nào. Ai biết bà già kia đã một thời con gái ra Hồng Kông, đến bà lão ấy cơ chừng cũng chẳng biết mình đang chờ ai, đợi ai, mình đã có khi đến cái nơi đô hội ăn chơi nhất thế giới ấy.

- Bảo cô ấy ra đây ngồi ăn cơm cho vui. Chứ ông với tôi thế này, ta bắt chước phong tục người Dao đàn bà phải ngồi mâm khác à?

Ông Mã Hợp nói:

- Đáng nhẽ thì vui nhiều hơn, ôi giờ, nó ác quá, nó bắt ai cũng phải cô quả, ai cũng phải mồ côi. Mặc nó! Nó cũng uống rượu một mình trong ấy đấy!

Ôi chao, nó cũng uống rượu trong ấy. Ủ, có thể chứ, cũng phải thế chứ, cái rượu làm cho con người ta khuây khỏa, cái rượu còn gọi được nước mắt về. Ông Mã Hợp và tôi thông thả uống lần lần qua hoàng hôn cho đến khuya. Vẫn những câu chuyện cũ kỹ đã bao nhiêu lần nghe kể: “Tao ra chợ Đồng Xuân uống say rồi bảo xe xích lô đạp về nhà anh Năm... Lính gác bỗng sừng ra đón tao xuống ô tô. Anh Lý mà còn sống, tôi phải làm ông bộ trưởng, ông thứ trưởng rồi chứ sao tôi lại phải là thằng đi bắt lợn, anh Tư, anh Nông Văn Tư, anh nghe thế có thấy phải không? Ở trên cái tảng đá sau nhà bên Lũng Nghiu kia, tôi với anh Lý uống một chén rượu rồi đập ra thẻ đưa nào phản nhau thì chết tan như những mảnh chén này... thế cơ mà...”

Tôi đã chẳng kể lại một câu nào về cái chuyện lúc chiều hai bà già gặm gù và một người đã rút con dao ra. Nhưng chính Mã Hợp đôi lúc lại cần nhắc chửi một câu về chuyện cái bu hai con gà lẩn vào trong gặm sắn, nhớ lúc ấy con cáo đi qua vồ mất thì toi rồi. Chắc Mã Hợp đã nhiều lần ngăn

hai bà lão hàm hè, có khi đã đánh xé nhau không biết chừng. Một chốc, Mã Hợp lại thở dài:

- Nó bắt ai cũng phải như nó, ai cũng phải chết cô độc như nó. Tôi không chấp. Tôi biết chấp thế nào. Mà nó làm gì được tôi, tôi lấy vợ thì tôi lấy chứ, có phải không anh Tư?

Ông Mã Hợp đã nói đến câu ấy thì tôi không còn có thể khuyên nhủ được như người con trai ông đã phải đạp xe từ Nhà Sầm về Khuổi Sao khẩn khoản nhờ tôi, về nói với bố anh đừng dan díu với bà bán bánh khảo, bà ấy đeo cho đến cái áo cũng không còn mà mặc. Ông lại đương lâm nhâm. “Vì nó khổ, nó bắt ai cũng phải khổ như nó, hai anh em như nhau hà hà...”

Rồi ông Mã Hợp ôm hai tay lên mặt, im lặng. Tôi đương nghĩ đến bà lão ngồi uống rượu một mình trong kia. Khi người ta đã chệnh choáng có lẽ máu trong người đã được hâm nóng hơn, nghĩ cái gì hay làm ngay cái đấy, ít nghĩ ra những trở ngại loảng quảng như lúc chưa uống rượu. Tôi đã biết cô Phây mà hóa ra tôi không biết cô Phây, không, cô Phây không phải mục Tường Lâm, cô Phây không đần độn ngây dại như mục Tường Lâm. Ừ, tôi phải vào trò chuyện với cô ấy, tôi vào chơi với cô Phây năm xưa.

Cái bếp xếp không có đèn. Nhưng hai cây củi to hồng rực như hai con trăn lửa. Bà lão ngồi tỳ một bàn tay lên cái cầm móm, nhìn đồng lửa sưởi. Tôi không trông thấy be lọ đầu. Bà lão cũng chẳng buồn ngược mắt. Đương nghĩ ngợi gì, hay là vốn thờ ơ như không biết có người đi vào.

- Em là Tư. Nông Văn Tư ấy mà, em chào chị Phây.

Ông Mã Hợp ở gian ngoài nói chỗ vào:

- Nó điếc đấy. Hai anh em tôi điếc. Hai anh em tôi khổ cả. Chú Tư phải hét to lên nó mới nghe tiếng.

Bà lão nhìn lên. Tôi bỗng gặp cái cười móm mém trong cái miệng không còn răng đã hõm sát dính vào lợi. Thế là bà ấy, nếu không nghe được thì cũng biết lời chào của tôi rồi. Hay là đã bao nhiêu năm nay bà mới lại thấy có bóng một người đàn ông lạ đến với mình mà bà cười? Không biết nữa. Tôi ngồi xuống mẫu gỗ trước mặt, trong khi bà lão lom khom đẩy cái củi cho lửa to hơn. Bây giờ tôi mới nhìn thấy bát rượu sóng sánh nhẹ trên mặt sàn. Tôi lại càng thông cảm niềm vui của bà lão, cái cảm giác về mục Tường Lâm trong truyện Lỗ Tấn mà tôi đã nghĩ ghép vào như trên kia, khi tôi thoát biết bà già ấy là cô Phây đã từng ra Hồng Kông ngày xưa, thế là không đúng, thế là không phải lúc này, và thế là tôi, chính tôi mới là thằng đại khờ ngẩn ngơ như mục Tường Lâm của Lỗ Tấn kia.

Tôi cầm bàn tay gồ ghề của bà lão lên. Bà lão ôm cả hai tay tôi, bàn tay nhăn nheo lạnh toát rần rần như đá tảng nắm lấy tôi, nhắc tôi đứng dậy. Bà lão đẩy tôi lùi tới cái ổ lá chuối khô mà tôi đoán đấy cũng là chỗ bà lão nằm ngủ. Bà lão quay lại lom khom, lúi húi bôi đồng lá lỏi trong góc sàn ra một chiếc làn mây có nắp kiểu hòm đựng đồ vật vẫn thấy bày bán với bàn ghế tre trúc Đông Khê ngoài chợ, mặt làn để bên cạnh bếp lâu đã lên nước bồ hôi đen nhánh.

Bà lão lục lọi các thứ trong làn. Đồng xống áo cái rách cái bạc phếch, dưới cùng có tờ giấy bóng

trang kim bọc một mảnh lụa đào màu còn tươi. Không phải mảnh lụa, đây là cái áo “xường xám” mà ngày trước các cô con gái Trung Quốc ở thành phố hay mặc. Áo cộc tay thít lên tận nách, thân áo dài quá đầu gối, xẻ hai bên hông. Mảnh màu hoa đào rực rỡ giữa ổ lá chuối khô với những cái váy, cái áo dài chàm đã rách tã. Ôi tấm áo ngày xưa. Cái áo năm xưa ở ngoài Hồng Kông, những buổi tối mùa hạ, mùa thu, hai người đã quàng vai nhau đi dạo chơi, ngồi chơi bên bờ đảo.

Tôi rũ cái áo “xường xám” lụa màu hoa đào gấp nếp phẳng ra rồi giơ lên ướm trước mặt bà lão. Màu hoa đào phai ra như ngoài kia có nắng bắt vào, với tiếng pháo đón xuân rào rạt vang động. Cái áo thời ấy đây, thế thì người ta còn có hồn, chết rồi còn gặp nhau, cái áo tường xám này vẫn như năm xưa, vẫn đây mà. Bà lão lại móm mém cười, hai tay đẩy tấm áo ra, nước mắt chan chứa xuống hốc mắt.